

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC**  
**(cập nhật đến ngày 31 tháng 7 năm 2020)**

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1	Đặng Thái	Hải	32337	01/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2	Hồ Phạm Hoài	Tân	1979	01/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3	Nguyễn Thúc	Duy	12/3/1989	02/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4	Trương Thị Mỹ	Hạnh	1978	02/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
5	Nguyễn Thị Kim	Thoa	34608	04/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
6	Phan Văn	Nho	1983	04/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
7	Nguyễn Thị Thùy	Dung	32732	05/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
8	Đoàn Lê Thanh Ngọc Thủy	Tiên	1982	05/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
9	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	32016	06/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
10	Bạch Văn	Út	1984	06/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
11	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	32001	07/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
12	Đặng Thị Kim	Nhung	28973	08/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
13	Mai Hữu	Tâm	1982	08/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
14	Võ Thị	Vàng	28701	09/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
15	Nguyễn Phú	Hữu	31841	10/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
16	Phạm Hoàng	Thái	1981	10/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
17	Vũ Hồng	Thúc	30/8/1984	100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
18	Phan Thanh	Trúc	16/4/1975	1000/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
19	Ngô Thị Bích	Lan	1991	1000/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
20	Nguyễn Tuấn	Đạt	18/5/1994	1001/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
21	Lê Thanh	Tú	1983	1001/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
22	Trần Thị Thu	Trang	26/6/1982	1002/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
23	Nguyễn Trúc	Ly	1992	1002/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
24	Võ Thị Kim	Ngọc	26/4/1994	1003/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
25	Lê Thị Mai	Thảo	1982	1003/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
26	Võ Nữ Ngọc	Ánh	17/7/1995	1004/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
27	Lê Thị	Diễm	1980	1004/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
28	Đoàn Anh	Nhi	24/11/1995	1005/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
29	Bùi Hữu	Dược	1989	1005/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
30	Võ Thanh	Liêm	17/12/1995	1006/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
31	Nguyễn Thị Kim	Lợi	1984	1006/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
32	Lê Thái	Son	18/02/1991	1007/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
33	Phan Thị Mai	Ly	1971	1007/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
34	Mai Thị Thảo	Quyên	18/12/1991	1008/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
35	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1968	1008/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
36	Bùi Thị	Kim	1986	1009/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
37	Phùng Hồ Hồng	Ngọc	1987	1009/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
38	Bùi Thị Hồng	Linh	1982	101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
39	Lê Kim	Luyến	1987	101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
40	Nguyễn Thị Kim	Nhiệm	17/5/1994	1010/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
41	Nguyễn Đăng Võ Tuyết	Anh	1985	1010/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
42	Tạ Văn	Hòa	1977	1011/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
43	Trần Thị Tú	Em	24/02/1989	1012/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
44	Nguyễn Võ Vĩnh	Phúc	1983	1012/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
45	La Thị Mỹ	Duyên	02/02/1991	1013/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
46	Huỳnh Thanh	Trà	1987	1013/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
47	Nguyễn Thị	Nhung	1973	1014/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
48	Trần Thị Thu	Vân	1989	1014/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
49	Thái Văn	Nghị	19/02/1991	1015/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
50	Lê Thị Mỹ	Tuyên	1990	1015/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
51	Nguyễn Thị Minh	Khoa	1991	1016/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
52	Phạm Thị Thùy	Dương	1984	1016/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
53	Lê Văn	Tuấn	05/9/1976	1017/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
54	Dương Thị Bích	Phượng	1988	1017/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
55	Trần Văn	Khương	1986	1018/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
56	Huỳnh Thanh	Hồng	1964	1018/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
57	Trần Thị Thúy	Huỳnh	02/11/1993	1019/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
58	Ngô Võ Minh	Hoàng	1988	1019/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
59	Bùi Thị Thục	Nhân	28/11/1987	102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
60	Nguyễn Ánh	Duy	1987	102/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
61	Trần Thanh	Thủy	25/5/1974	1020/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
62	Nguyễn Thị Mai	Trinh	1991	1020/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
63	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	11/6/1994	1021/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
64	Nguyễn Thanh	Tuấn	1972	1021/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
65	Nguyễn Hải	Lâm	1995	1022/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
66	Đỗ Thanh	Tuấn	1969	1022/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
67	Hứa Phúc	Anh	05/8/1993	1023/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
68	Phan Văn	Y	1979	1023/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
69	Võ Thị Ngọc	Ngà	23/3/1994	1024/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
70	Bùi Ngọc	Giàu	1975	1024/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
71	Nguyễn Phước Hải	Du	30/6/1981	1025/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
72	Trần Thị Thanh	Trúc	1968	1025/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
73	Lý Đa	Thời	31/3/1982	1026/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
74	Tạ Đức	Thắng	1988	1026/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
75	Nguyễn Vũ Quế	Anh	14/5/1994	1027/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
76	Trương Thị Thanh	Tuyền	1988	1027/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
77	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	1986	1028/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
78	Đặng Thanh	Mừng	1989	1028/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
79	Lê Thị Bé	Hoàng	31/8/1997	1029/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
80	Tổng Dương Diễm	Chinh	1990	1029/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
81	Hà Duy	Thanh	12/10/1990	103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
82	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	01/11/1994	1030/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
83	Phạm Minh	Mẫn	1970	1030/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
84	Khuru Hồng	Giang	05/9/1990	1031/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
85	Lê Thị Cẩm	Hà	1990	1031/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
86	Diệp Thúy	Quỳnh	16/12/1984	1032/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
87	Nguyễn Thị Thanh	Lan	1983	1032/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
88	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1987	1033/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
89	Võ Thị Huệ	Chi	1989	1033/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
90	Đoàn Nguyễn Minh	Châu	10/10/1994	1034/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
91	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	1989	1034/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
92	Đỗ Xuân	Huyền	12/7/1989	1035/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
93	Lai Thị Diễm	Em	1990	1035/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
94	Phan Thị Mai	Trâm	11/4/1983	1036/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
95	Đinh Thị	Bích	1983	1036/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
96	Lê Thị	Định	03/12/1976	1037/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
97	Đỗ Hoàng	Nam	1986	1037/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
98	Nguyễn Hồng	Nhung	10/9/1995	1038/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
99	Võ Diệu	Hằng	1975	1038/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
100	Ngô Kim	Ngọc	09/4/1994	1039/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
101	Phạm Thị Diễm	Kiều	1982	1039/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
102	Võ Thị Hồng	Nhung	06/11/1993	104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
103	Vương Bích	Hợp	24/6/1986	1040/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
104	Lê Thị Ngọc	Hạnh	1989	1040/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
105	Lê Thị Huyền	Nga	01/01/1971	1041/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
106	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	1992	1041/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
107	Tiêu Hùng	Dũng	18/10/1994	1042/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
108	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	1989	1042/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
109	Đinh Thị Ngọc	Diệp	1987	1043/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
110	Huỳnh Ngọc	Phỉ	1981	1043/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
111	Lâm Nguyên Minh	Nhật	30/7/1993	1044/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
112	Lê Hồng	Dân	1982	1044/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
113	Phạm Thị Vĩnh	Trinh	1981	1045/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
114	Nguyễn Thị	Hoa	1965	1045/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
115	Nguyễn Hồng	Thúy	19/7/1995	1046/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
116	Trần Quang	Thành	1949	1046/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
117	Lê Thị Phương	Trang	26/7/1994	1047/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
118	Nguyễn Kim	Thủy	1967	1047/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
119	Dương Thành	Tài	26/7/1994	1048/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
120	Phạm Thị Thúy	Nguyên	1982	1048/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
121	Đinh Nguyễn Minh	Tân	05/3/1994	1049/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
122	Trang Hồng	Ngân	1983	1049/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
123	Lương Thị Bích	Nhung	09/9/1977	105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
124	Phạm Thị Kim	Loan	1959	105/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
125	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	26/02/1994	1050/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
126	Trần Trí	Nhân	1988	1050/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc;
127	Võ Thủy Thuyền	Nhiên	08/7/1995	1051/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
128	Nguyễn Thái	Lộc	1982	1051/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
129	Phạm Thị Lan	Chi	22/8/1996	1052/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
130	Diệp Thanh	Ngân	1964	1052/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
131	Trần Thị	Tươi	27/7/1978	1053/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
132	Trần Thị Mỹ	Anh	1982	1053/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
133	Võ Thị Ngọc	Diệu	08/01/1993	1054/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
134	Đinh Thị Thu	Hương	1973	1054/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
135	Võ Thị Kim	Ngân	26/01/1995	1055/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
136	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1971	1055/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
137	Nguyễn Anh	Huy	09/9/1989	1056/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
138	Trần Thị Thu	Ngân	1989	1056/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
139	Nguyễn Văn	Phối	10/02/1967	1057/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
140	Nguyễn Quốc	Huy	1981	1057/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
141	La Hoàng	Nam	1982	1058/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
142	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1985	1058/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
143	Trần Hữu	Nhơn	26/02/1993	1059/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
144	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	1983	1059/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
145	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/4/1983	106/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
146	Trần Văn	Dện	15/10/1992	1060/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
147	Lê Thị Ánh	Hồng	1986	1060/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
148	Trần Thu	Quyên	06/6/1994	1061/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
149	Võ Thị Huyền	Trân	1990	1061/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
150	Dương Thị Kiều	Oanh	14/02/1997	1062/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
151	Nguyễn Thanh	Nhân	1986	1062/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
152	Trần Hữu	Lộc	18/5/1993	1063/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
153	Phạm Văn	Liêm	1956	1063/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
154	Lê Ngọc	Hương	1964	1064/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
155	Nguyễn Văn	Út	1964	1064/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
156	Phạm Ngọc Yến	Nhi	05/9/1994	1065/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
157	Hoàng	Son	1960	1065/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
158	Lê Thị	Thương	27/10/1995	1066/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
159	Lê Thị Bích	Phượng	1988	1066/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
160	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	23/5/1997	1067/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
161	Võ Thành	Nghiệp	1983	1067/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
162	Dương Thị	Oanh	24/4/1992	1068/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
163	Lê Thị Bích	Thủy	1988	1068/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
164	Huỳnh Như	Thảo	11/9/1994	1069/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất dược liệu; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc
165	Trương Minh	Nhật	1986	1069/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
166	Nguyễn Anh	Dũng	10/10/1969	107/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
167	Lê Thị Hồng	Ngọc	1972	107/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
168	Phạm Thị Ngọc	Hương	06/4/1997	1070/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
169	Phan Thị Ánh	Hồng	1950	1070/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
170	Huỳnh Thị Ngọc	Thư	05/12/1997	1071/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
171	Trương Thị Hoài	Trang	1987	1071/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
172	Lê Đức	Tài	1978	1072/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
173	Lê Trung	Nhân	1977	1072/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
174	Đàm Duy	Tuấn	13/4/1993	1073/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
175	Lưu Thị Ngọc	Ân	1984	1073/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
176	Nguyễn Văn	A	1978	1074/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
177	Phạm Thị Ánh	Tuyết	1986	1074/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
178	Nguyễn Thị Diễm	My	05/11/1997	1075/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
179	Đặng Đỗ	Quyên	1990	1075/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
180	Lê Vĩnh	Thuận	15/01/1985	1076/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
181	Lâm Thị Thu	Nhi	1983	1076/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
182	Đỗ Sơn	Hà	05/8/1994	1077/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
183	Phạm Võ Thùy	Linh	1989	1077/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
184	Trần Thị Hồng	Ngọc	01/01/1997	1078/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
185	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	1982	1078/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
186	Trần Thị Minh	Nguyệt	01/01/1997	1079/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
187	Trương Thị Yến	Phượng	1984	1079/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
188	Bùi Thị Kim	Nhung	14/8/1994	108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
189	Lê Hồng Thanh	Thảo	1977	108/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
190	Lê Cao	Thiên	1965	1080/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
191	Phạm Thị Cẩm	Trường	1965	1080/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
192	Hồ Sĩ	Tấn	05/8/1987	1081/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc.
193	Nguyễn Hữu	Hòa	1984	1081/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
194	Hồ Tú	Trinh	24/01/1995	1082/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
195	Nguyễn Thanh	Phong	1970	1082/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
196	Lê Thị Kiều	Oanh	23/01/1991	1083/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
197	Huỳnh Văn	Rện	1970	1083/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
198	Nguyễn Thị	Hạnh	13/10/1996	1084/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
199	Trần Cát	Vy	22/01/1994	1085/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
200	Huỳnh Thị Lệ	Tiên	1984	1085/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
201	Nguyễn Văn	Út	1992	1086/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
202	Huỳnh Thị Mộng	Cầm	1991	1086/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
203	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	1989	1087/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
204	Phạm Hồng	Hà	1945	1087/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
205	Nguyễn Tiến	Trung	1973	1088/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
206	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	1990	1088/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
207	Hồ Thị Cẩm	Tiên	29/4/1988	1089/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
208	Phạm Thị	Hoài	1975	1089/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
209	Trần Thị Thu	Thảo	09/9/1993	109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
210	Huỳnh Quốc	Nghĩa	10/10/1984	1090/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
211	Trần Minh	Tâm	1990	1090/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
212	Ngô Thị Quỳnh	Như	1994	1091/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
213	Võ Duy	Khánh	1984	1091/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
214	Phan Thị Ánh	Ngọc	20/02/1996	1092/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
215	Đinh Thị Hồng	Hạnh	1985	1092/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
216	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/3/1996	1093/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
217	Trần Thị Ngọc	Dung	1985	1093/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
218	Nguyễn Hoàng	Anh	20/6/1997	1094/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
219	Trần Thị	Lành	12/6/1971	1095/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
220	Trần Trung	Hiếu	1987	1095/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
221	Đỗ Đình Yên	Bình	28/12/1997	1096/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
222	Trần Tuấn	Anh	1974	1096/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
223	Nguyễn Thị	Nhiều	28/02/1992	1097/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
224	Đỗ Tuyết	Mai	1986	1097/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
225	Bùi Thị Mỹ	Diên	20/6/1996	1098/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
226	Lê Thị Hồng	Nhung	1982	1098/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
227	Trần Thị Ngọc	Tuyền	16/11/1997	1099/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
228	Võ Quốc	Thống	1977	1099/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
229	Lưu Bích	Quyên	30736	11/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
230	Phạm Hồng	Nhung	1981	11/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
231	Ngô Thị Vân	Hà	01/9/1983	110/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
232	Đặng Thị	Thủy	1979	110/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
233	Trần Anh	Nhật	23/7/1992	1100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
234	Trần Thị Thu	Nguyệt	1975	1100/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
235	Lê Thị Ngọc	Ngân	04/9/1996	1101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
236	Lê Văn	Tuấn	1956	1101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
237	Lê Thị Diễm	Ny	1990	1102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
238	Lê Văn	Sang	1992	1102/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
239	Huỳnh Thị	Trắng	1995	1103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
240	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	1976	1103/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
241	Nguyễn Lê	Loan	22/3/1994	1104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
242	Nguyễn Kim	Hồng	1971	1104/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
243	Nguyễn Việt	Trinh	08/8/1997	1105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
244	Đỗ Thị	Hiếu	1977	1105/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
245	Trần Thị Hải	Nhi	04/02/1996	1106/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
246	Phan Thị	Lý	1972	1106/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
247	Võ Văn	Túp	22/12/1968	1107/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
248	Nguyễn Thị Kim	Soàn	1982	1107/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
249	Võ Thị Việt	Trinh	16/3/1997	1108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
250	Nguyễn Quốc	Dũng	1985	1108/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
251	Huỳnh Thị Diễm	Thúy	12/7/1997	1109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
252	Nguyễn Thị Bé	Bảy	1967	1109/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
253	Nguyễn Hoàng	Vũ	14/02/1986	111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
254	Võ Đình	Đệ	1969	111/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
255	Nguyễn Lê Duy	Phương	1980	1110/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
256	Hà Hồng	Thiện	1983	1110/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
257	Hồ Thị Lệ	Thi	16/7/1974	1111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
258	Bùi Thị	Thủy	1975	1111/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
259	Huỳnh Thị Kim	Thảo	02/6/1983	1112/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
260	Hồng Kim	Chi	1968	1112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
261	Phan Thị Thùy	Linh	16/7/1994	1113/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
262	Thái Thị	Phương	1975	1113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
263	Tạ Thị Tuyết	My	10/9/1996	1114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
264	Dương Thị Cẩm	Hồng	21/01/1993	1115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
265	Trần Ngọc	Thu		1115/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
266	Lê Đình	Nhân	27/8/1985	1116/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
267	Lương Thân Anh	Hoa	1975	1116/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
268	Nguyễn Thị Kim	Hên	1987	1117/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
269	Trần Nhật	Thanh	1990	1117/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
270	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1996	1118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
271	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1986	1118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
272	Đinh Thị Thúy	Hằng	09/12/1996	1119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
273	Lê Thị Anh	Thư	1986	1119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
274	Bùi Thị Phương	Huỳnh	18/02/1984	112/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
275	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	1977	112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
276	Lê Thị Mỹ	Dung	28/10/1991	1120/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
277	Đoàn Thị	Trâm	1992	1120/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
278	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/01/1966	1121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
279	Phan Thị Thúy	Duy	1984	1121/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
280	Huỳnh Hồ Quốc	Quý	29/9/1996	1122/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
281	Phạm Văn Tuấn	Em	1981	1122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
282	Nguyễn Thị Anh	Đào	22/4/1996	1123/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
283	Huỳnh Thị Thúy	An	1992	1123/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
284	Hồ Sĩ	Quý	1979	1124/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
285	Trần Thị Thùy	Trang	1992	1124/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
286	Lê Nhựt	Tân	30/7/1997	1125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
287	Lý Quốc	Phục	1970	1125/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
288	Lê Thị Cẩm	Hồng	10/11/1996	1126/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
289	Trần Thị Ngọc	Diễm	1990	1126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
290	Huỳnh Lê Phương	Ngọc	02/9/1990	1127/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
291	Ngô Văn Chế	Linh	1985	1127/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
292	Lê Thanh	Hiền	1980	1128/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
293	Nguyễn Kiều	Loan	1990	1128/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
294	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	1982	1129/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
295	Lê Hữu	Phước	1972	1129/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
296	Nguyễn Thị	Lộc	20/4/1995	113/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
297	Phạm Hồng	Khánh	1981	113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
298	Trần Thị Thùy	Linh	20/12/1991	1130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
299	Võ Thị Mỹ	Huyền	1984	1130/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
300	Phạm Thị Bảo	Hà	03/8/1994	1131/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
301	Hồ Kim	Hương	1986	1132/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
302	Phạm Hoàng Duy	Khánh	1988	1132/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
303	Bùi Tấn	Huy	1990	1133/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
304	Dương Thị Ngọc	Huyền	1992	1133/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
305	BÙI NGỌC HIỀN	THI	22/5/1977	1134/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
306	Ngô Phước	Thiện	1979	1134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
307	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	10/3/1987	1135/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
308	Võ Văn	Tư	1952	1135/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
309	THẠCH RẠCH TA	NA	03/6/1992	1136/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
310	Bùi Kim	Xuân	1952	1136/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
311	NGUYỄN THỊ THÚY	DUY	20/5/1995	1137/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
312	Đỗ Minh	Tài	1991	1137/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
313	HỒ TRƯỞNG XUÂN	DIỆU	17/8/1997	1138/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
314	Trần Thị Tuyết	Nga	1987	1138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
315	BÙI NGỌC	HIẾU	06/4/1997	1139/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
316	Quách Hoa	Xuân	1987	1139/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
317	Nguyễn Thành	Quý	09/11/1989	114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
318	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	1985	1140/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
319	Nguyễn Thị	Triết	1955	1140/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
320	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	1984	1141/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
321	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	1969	1141/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
322	BÙI NHẬT LOAN	ANH	1977	1142/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
323	Dương Châu Ngọc	Dúng	1980	1142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
324	PHAN THÀNH	QUANG	08/4/1979	1143/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
325	Phạm Thị Tuyết	Trinh	1990	1143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
326	LÊ THỊ	THƠM	17/7/1994	1144/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
327	Bùi Thị	Thêm	1980	1144/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
328	HUỖNH TẤN	ĐÁ	29/12/1993	1145/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
329	Nguyễn Bá	Vương	1973	1145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
330	PHÓ HẬU	DUY	03/11/1993	1146/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
331	Mai Trung	Vĩnh	1979	1146/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
332	HUỖNH THỊ NGỌC	PHUÔNG	28/6/1989	1147/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
333	Võ Thị Thanh	Thảo	1985	1147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
334	NGUYỄN THỊ	NGỌC	01/01/1985	1148/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
335	Trần Thị Huyền	Trang	1989	1148/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
336	VÕ THỊ HỒNG	PHÚC	12/10/1993	1149/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
337	Võ Thành	Nguyên	1963	1149/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
338	Lê Minh	Hậu	10/10/1970	115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
339	TRẦN THỊ KIM	CHI	25/6/1991	1150/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
340	Phạm Dương Hiếu	Nghĩa	1991	1150/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
341	NGUYỄN DUY	QUANG	20/8/1984	1151/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
342	Nguyễn Thị	Sinh	1962	1151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
343	HUỖNH CẨM	TÀI	13/12/1988	1152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
344	Nguyễn Thị Thu	Xương	1986	1152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
345	NGUYỄN THỊ MỸ	PHUÔNG	01/01/1990	1153/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
346	Nguyễn Thị Mỹ	Cầm	1987	1153/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
347	PHẠM VĂN	NU	23/6/1996	1154/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
348	Nguyễn Thị Thanh	Khan	1984	1154/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
349	LƯU MỸ	PHUÔNG	1988	1155/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
350	Phan Thị	Bé	1960	1155/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
351	BÙI THỊ THANH	TÂM	09/9/1992	1156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
352	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	1985	1156/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
353	LÊ THỊ CẨM	ĐÀO	1988	1157/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
354	Đặng Mai	Thi	1985	1157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
355	ÂU TRUNG	TUẤN	1980	1158/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
356	Lương Tấn	Phát	1989	1158/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
357	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	1985	1159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
358	Nguyễn Văn	Đệ	1968	1159/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
359	Nguyễn Hoàng	Duy	28/10/1983	116/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
360	Võ Thị Tuyết	Hạnh	1977	116/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
361	BÙI HỮU	TRUNG	05/01/1991	1160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
362	Đoàn Khánh	Linh	1977	1160/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
363	PHẠM THỊ KIM	THANH	1994	1161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
364	Đặng Phước	Đẹp	1971	1161/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
365	TRẦN THỊ HỒNG	CẨM	21/12/1979	1162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
366	Nguyễn Văn	Trí	1966	1162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
367	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	10/5/1990	1163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
368	Trần Thị Tuyết	Mai	1967	1163/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
369	NGÔ YÊN	DIỄM	07/11/1995	1164/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
370	Lê Thị Bích	Ngọc	1984	1164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
371	HUỲNH THỊ THẢO	ANH	30/4/1997	1165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
372	Phương Minh	Phát	1973	1165/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
373	VÕ HOÀNG	LINH	1992	1166/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất dược liệu; hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã.
374	Nguyễn Thị	Huệ	1991	1166/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
375	MAI	PHUÔNG	22/3/1984	1167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
376	Nguyễn Văn	Nhanh	1949	1167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
377	VÕ THỊ KIM	TUYỀN	25/02/1990	1168/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
378	Phạm Thị Thanh	Thúy	1973	1168/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
379	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	25/4/1989	1169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
380	Nguyễn Thị	Năm	1972	1169/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
381	Huỳnh Thị Mỹ	Chi	1990	117/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
382	Trần Thị Thủy	Tiên	1989	117/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
383	NGUYỄN THỊ	DIỄN	15/7/1983	1170/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
384	Lê Minh	Phụng	1982	1170/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
385	NGUYỄN THỊ MỸ	LAN	14/01/1994	1171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
386	Trần Văn	Thông	1965	1171/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
387	HUỲNH THỊ DƯƠNG	LINH	10/7/1984	1172/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
388	Phạm Đình	Hiếu	1943	1172/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
389	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	20/10/1996	1173/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
390	Đỗ Thanh	Sang	1977	1173/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
391	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	12/02/1985	1174/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
392	Phương Minh	Tài	1975	1174/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
393	NGUYỄN XUÂN	TRUÔNG	1988	1175/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
394	Nguyễn Hoàng	Giang	1984	1175/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
395	VÕ THANH	HÀ	05/7/1988	1176/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
396	Phùng Thị Cẩm	Chi	1986	1176/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
397	TRẦN HỒNG	OANH	16/10/1993	1177/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
398	Nguyễn Kim	Xoàn	1982	1177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
399	LÊ HỒNG	PHÚ	20/4/1994	1178/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
400	Võ Thị Thu	Trang	1991	1178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
401	HỒ VĂN VŨ	LINH	20/8/1990	1179/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
402	Nguyễn Thị	Phương	1987	1179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
403	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/02/1995	118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
404	Phạm Thị Hồng	Yến	1979	118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
405	Trần Thị Mỹ	Thảo	1985	1180/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
406	Huỳnh Phương	Đại	1983	1181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
407	Nguyễn Duy	Trường	1985	1182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
408	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1986	1183/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
409	Trần Văn Hữu	Nghị	1964	1185/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
410	Đinh Thị Ngọc	Hân	1992	1186/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
411	Lê Thị Thanh	Thảo	1988	1187/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
412	Nguyễn Trung	Thứ	1987	1188/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
413	Nguyễn Thị Mộng	Thảo	1992	1189/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
414	Nguyễn Trần Đình	Quý	20/8/1989	119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
415	Nguyễn Thị Kim	Sông	1969	119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
416	Nguyễn Thị Kim	Chi	1983	1190/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
417	Huỳnh Kim	Thủy	1983	1191/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
418	Tô Bửu	Bửu	1992	1192/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
419	Nguyễn Huỳnh	Như	1987	1193/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
420	Lưu Minh	Son	1982	1194/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
421	Lê Trần Tuyết	Trinh	1990	1195/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
422	Chung Văn	Vô	1965	1196/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
423	Mai Kim	Thành	1970	1197/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
424	Lê Thị	Hạnh	1991	1198/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
425	Nguyễn Thị	Chơn	33550	12/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
426	Nguyễn Thu	Kỷ	1979	12/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
427	Đào Dương Thúy	Diễm	01/01/1983	120/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
428	Nguyễn Thị Bé	Hằng	1983	120/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
429	Lê Quốc	Khanh	1987	1200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
430	Hồ Ngọc	Thúy	1979	1201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
431	Phan Thị	Hoài	1991	1202/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
432	Nguyễn Tấn	Hiệp	1979	1203/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
433	Nguyễn Văn	Sĩ	1977	1205/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
434	Nguyễn Thị Kim	Bích	1990	1206/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
435	Nguyễn Hữu	Trường	1980	1207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
436	Thái Minh	Tâm	1986	1208/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
437	Nguyễn Thị Phương	Lan	1989	1209/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
438	Võ Đình	Đạt	23/01/1984	121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
439	Trần Diệu	Liên	1984	121/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
440	Nguyễn Thiện	Quý	1986	1210/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
441	Lê Thị Xuân	Mai	1988	1211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
442	Hồ Hữu	Bình	1979	1212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
443	Trần Kim	Hạnh	1984	1213/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
444	Trương Thị Thanh	Thủy	1963	1214/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
445	Lâm Thị Ngọc	Kim	1970	1215/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
446	Lưu Minh	Triết	1963	1216/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
447	Phan Kim	Yến	1979	1218/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
448	Nguyễn Trung	Hiếu	1978	1219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
449	Lê Thị Băng	Dung	24/4/1969	122/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
450	Đoàn Thị Kim	Ngân	1990	122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
451	Trần Kim	Cúc	1984	1220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
452	Nguyễn Hoài	Thanh	1992	1221/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc); Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể sản xuất dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể buôn bán dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Đại lý bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế
453	Lê Xuân	Mỹ	1987	1222/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
454	Võ Văn	Bén	1988	1223/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
455	Võ Phước	Thông	1987	1224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
456	Trần Thị Kim	Nhi	1988	1225/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
457	Phạm Công	Lực	1988	1226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
458	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1983	1227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
459	Trần Tuấn	Thanh	1988	1228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
460	Nguyễn Duy	Khanh	1968	1229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
461	Nguyễn Thị Kim	Thu	08/5/1981	123/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
462	Trần Ngọc	Tuyển	1983	123/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
463	Đào Thị Ngọc	Phương	1974	1230/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
464	Hứa Thị Mỹ	Châu	1971	1231/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
465	Nguyễn Thanh	Hòa	1977	1232/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
466	Nguyễn Văn	Mừng	1964	1233/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
467	Nguyễn Viên	Minh	1986	1234/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
468	Huỳnh Thị Bích	Thùy	1986	1235/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
469	Trần Thị Thanh	Tâm	1981	1236/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
470	Trần Thị Bé	Thảo	1985	1237/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
471	Trương Hoài	Mỹ	1980	1238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
472	Trương Thị	Dìn	1981	1239/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
473	Trần Thị Kiều	Hạnh	10/4/1983	124/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
474	Võ Trường	An	1983	124/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
475	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	1989	1240/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
476	Nguyễn Nhựt Trà	My	1990	1241/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
477	Thái Mỹ	Nhi	1991	1242/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
478	Lưu Thị Kim	Huệ	1979	1243/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
479	Trần Quốc	Đông	1983	1244/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
480	Phạm Phú	Lộc	1982	1245/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
481	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	1981	1246/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
482	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1974	1247/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
483	Trang Thiên	Trân	1992	1248/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
484	Phạm Thị Hồng	Thúy	1977	1249/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
485	Trương Thị	Lan	07/7/1961	125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
486	Võ Hà Chánh	Trung	1989	125/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
487	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1990	1250/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
488	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	1967	1251/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
489	Phạm Thị Anh	Thư	1988	1252/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
490	Nguyễn Thị Mộng	Thu	1986	1253/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
491	Phạm Đức	Thọ	1978	1254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
492	Bùi Hồng	Oanh	1987	1255/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
493	Phan Ngọc	Hà	1992	1256/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
494	Nguyễn Văn	Lương	1992	1257/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
495	Hà Thị Thùy	Dương	1991	1258/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
496	Ngô Thị Phương	Linh	1986	1259/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
497	Nguyễn Phước	Dinh	1989	126/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
498	Võ Tấn	Lộc	1968	126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
499	La Thị Thùy	Trang	1982	1260/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
500	Nguyễn Văn	Trưởng	1974	1261/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
501	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	1979	1262/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
502	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1984	1263/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
503	Nguyễn Ngọc	Nguyên	1987	1264/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
504	Nguyễn Văn	Thương	1974	1265/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
505	Lê Văn	Hoàng	1981	1266/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
506	Phan Thị Bích	Trúc	1986	1267/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
507	Ngô Thị Thu	Hiền	1986	1268/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
508	Nguyễn Thị	Hằng	1984	1269/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
509	Lê Anh	Khoa	33712	127/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
510	Võ Văn Thắng	Lợi	1966	127/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
511	Đặng Thị	Tuyền	1982	1270/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
512	Phạm Thanh	Trúc	1989	1271/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
513	Nguyễn Trọng	Vinh	1991	1272/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
514	Trần Thị Hoanh	Thủy	1981	1273/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
515	Ngô Thị Yến	Chi	1983	1274/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
516	Nguyễn Kim	Lan	1953	1276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
517	Trần Quốc	Cường	1986	1277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
518	Cao Thị Ngọc	Giàu	1986	1278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
519	Lê Văn	Hòa	1981	1279/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
520	Trần Nguyễn Đỗ	Quyên	33847	128/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
521	Nguyễn Ngọc	Khải	1976	128/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
522	Trương Huyền	Trân	1977	1280/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
523	Huỳnh Nguyễn Thùy	Hương	1990	1281/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
524	Nguyễn Bích	Thuận	1992	1282/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
525	Ngô Thị Hồng	Linh	1973	1283/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
526	Nguyễn Bạch Thanh	Trúc	1985	1284/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
527	Lê Thị Kim	Hương	1992	1285/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
528	Cao Thị Thu	Vân	1979	1286/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
529	Nguyễn Văn	Nu	1990	1287/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
530	Nguyễn Hoàng	Minh	1964	1289/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
531	Hồ Vũ Quỳnh	Chi	33325	129/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
532	Vương Nguyễn	Tấn	1976	129/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
533	Huỳnh Hải	Lâm	1968	1290/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
534	Nguyễn Thê	Vân	1976	1291/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
535	Lê Văn	Công	1982	1292/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
536	Đào Hồng	Loan	1986	1293/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
537	Lê Thị Kim	Thoa	1988	1294/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
538	Lê Minh	Hòa	1977	1295/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
539	Phan Quốc	Tuấn	1986	1296/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
540	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	1989	1297/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
541	Thái Minh	Tài	1982	1298/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
542	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	1968	1299/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
543	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	28281	13/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
544	Lương Trọng	Nhân	1978	13/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
545	Nguyễn Đăng	Khoa	07/9/1993	130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
546	Cao Mỹ	Phương	1985	130/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
547	Nguyễn Văn	Cảnh	1990	1300/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
548	Nguyễn Hoàng	Minh	1986	1301/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
549	Đoàn Thị	Tiếp	1991	1302/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
550	Huỳnh Công	Bằng	1984	1303/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
551	Trần Hữu Trang	Anh	1981	1304/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
552	Võ Ngọc Lan	Thanh	1992	1305/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
553	Nguyễn Phước	Hiếu	1991	1306/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
554	Phạm Hữu	Tài	1971	1307/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
555	Lê Hiền Bạch	Tuyết	1983	1308/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
556	Nguyễn Thị	Kiên	1983	1309/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
557	Lê Hồ Mỹ	Ngọc	26476	131/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
558	Phạm Hồng	Phát	1985	131/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
559	Võ Bích	Tuyền	1985	1310/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
560	Lê Thị Ngọc	Tuyền	1985	1311/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
561	Tôn Quang	Tuyền	1991	1312/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
562	Lê Phạm Hoàng	Quỳnh	1989	1313/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
563	Phạm Kim	Loan	1968	1314/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
564	Phan Trần Gia	Thịnh	1988	1316/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
565	Nguyễn Thị	Nhê	1981	1317/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
566	Lê Thị	Phượng	1987	1318/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
567	Trần Ánh	Đào	1987	1319/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
568	Phan Thị Cẩm	Giang	29864	132/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
569	Nguyễn Thị Thanh	Thuyền	1981	132/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
570	Lê Thị Bạch	Tuyết	1967	1321/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
571	Trần Thị	Moi	1985	1322/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
572	Phạm Văn Hoàng	Thuyết	1988	1323/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
573	Huỳnh Thị Thu	Thơ	1983	1324/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
574	Nguyễn Quốc	Huy	1986	1325/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
575	Trần Thị Thu	Trang	1982	1326/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
576	Lê Thanh	Phong	1980	1327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
577	Đặng Vũ Ngân	Khánh	1979	1328/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
578	Lê Kim	Cương	1982	1329/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
579	Nguyễn Thị	Nhàn	33187	133/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
580	Đặng Huỳnh	Như	1985	133/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
581	Phạm Thị Thanh	Vân	1989	1330/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
582	Huỳnh Thị Thúy	Lan	1981	1331/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
583	Võ Thu	Anh	1961	1332/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
584	Vũ Hương	Lan	1992	1333/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
585	Lê Thị	Chà	1979	1334/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
586	Trần Ngọc	Vân	1988	1335/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
587	Ngô Hiếu	Thảo	1972	1336/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
588	Nguyễn Thanh	Tuyền	1977	1337/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
589	Nguyễn Thị	Mười	1992	1338/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
590	Nguyễn Thanh	Phương	1984	1339/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
591	Nguyễn Trường	Phước	1965	134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
592	Trương Thị Mỹ	Thường	1984	1340/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
593	Huỳnh Ngọc	Dung	1976	1341/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
594	Nguyễn	Thiện	1987	1342/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
595	Nguyễn Ngọc Diễm	Trang	1976	1343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
596	Phạm Thị Phương	Kiều	1984	1344/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
597	Lê Bích	Phượng	1984	1345/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
598	Lâm Thị Kiều	Tiên	1986	1346/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
599	Phan Thị Băng	Trinh	1981	1347/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
600	Trần Chính	Kiệt	1984	1348/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
601	Nguyễn Văn	Phan	1985	1349/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
602	Văng Trương Ly	Pha	31204	135/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
603	Đinh Minh	Thành	1989	135/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
604	Nguyễn Thị	Khích	1986	1350/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
605	Huỳnh Thị Tuyết	Lan	1987	1351/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
606	Mai Thị Trúc	Linh	1983	1352/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
607	Nguyễn Văn	Trọng	1987	1353/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
608	Huỳnh Thị	Phúc	1981	1354/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
609	Lê Thị Huyền	Trang	1987	1355/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
610	Nguyễn Thị	Trang	1987	1357/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
611	Hồ Nguyễn Thủy	An	1984	1358/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
612	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1992	1359/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
613	Phan Thị Ngọc	Hân	33861	136/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
614	Nguyễn Nhựt	Linh	1988	136/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
615	Bùi Anh	Tú	1984	1360/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
616	Mai Hoàng	Vũ	1983	1361/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
617	Lê Thị	Ngọc	1980	1362/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
618	Nguyễn Thị Bé	Hiền	1984	1363/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
619	Nguyễn Thị	Diễm	1985	1364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
620	Nguyễn Thị	Thanh	1969	1365/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
621	Võ Thị Phương	Thảo	1991	1366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
622	Nguyễn Hữu	Nhân	1987	1367/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
623	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	1978	1368/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
624	Ngô Thị Tuyết	Linh	1987	1369/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
625	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	33390	137/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
626	Trương Trí	Thiện	1989	1370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
627	Phạm Thị Ngọc	Thơ	1975	1371/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
628	Lưu Thị Thúy	Hằng	1981	1372/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
629	Huỳnh Thị Trúc	Phương	1987	1373/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
630	Nguyễn Thị Huệ	Hồng	1985	1374/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
631	Phạm Thị	Nhở	1979	1375/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
632	Nguyễn Đăng	Hiển	1986	1376/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
633	Nguyễn Thị	Nhiều	1983	1377/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
634	Trần Lê Thị Thu	Hoa	1984	1379/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
635	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	25994	138/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
636	Phan Văn	Liệp	1965	138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
637	Nguyễn Thị Anh	Thư	1985	1380/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
638	Đăng Ngọc	Thạch	1990	1381/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
639	Phan Thị Lệ	Thu	1989	1382/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
640	Võ Huỳnh Phương	Linh	1990	1383/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
641	Nguyễn Thị Bích	Trâm	1992	1384/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
642	Nguyễn Thị Kim	Bình	1991	1385/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
643	Hồ Thị Kiều	Ngân	1989	1386/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
644	Lê Thị	Phượng	1992	1387/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
645	Trần Thị	Nhàn	1988	1388/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
646	Lý Hương	Lan	1969	1389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
647	Lâm Nguyễn Ngọc	Xoàn	33831	139/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
648	Hồ Minh	Hùng	1971	139/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
649	Nguyễn Thanh	Tùng	1966	1390/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
650	Nguyễn Ngọc	Mai	1966	1391/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
651	Nguyễn Thị	Trang	1983	1392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
652	Nguyễn Thị	Tam	1982	1393/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
653	Nguyễn Thiện	Phước	1991	1394/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
654	Dương Thị Thúy	Dung	1983	1395/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
655	Lê Thị	Thương	1985	1396/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
656	Dương Thanh	Tùng	1983	1397/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
657	Lê Thị Phương	Lan	1962	1398/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
658	Lý Thị Diệu	Hiền	1982	1399/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
659	Lê Thị Ngọc	Nữ	27260	14/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
660	Phù Bảo	Sang	1982	14/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
661	Phạm Minh	Quý	02/11/1990	140/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
662	Hồ Ngọc Kim	Cương	1982	140/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
663	Nguyễn Ngọc	Yến	1990	1400/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
664	Nguyễn Văn	Đạt	1991	1401/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
665	Nguyễn Thị	Diễm	1990	1402/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
666	Nguyễn Mỹ	Châu	1969	1403/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
667	Lê Tuấn	Anh	1992	1405/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
668	Võ Phi	Hùng	1991	1406/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
669	Trần Văn	Gỏi	1983	1407/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
670	Phan Thị Thanh	Tuyền	1982	1408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
671	Huỳnh Thị Kim	Nho	1987	1409/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
672	Đỗ Thị Bích	Nguyệt	29985	141/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
673	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	1984	141/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
674	Huỳnh Phước	Bảo	1988	1410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
675	Nguyễn Như	Mai	1990	1411/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
676	Lê Thị Thúy	Loan	1985	1412/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
677	Trần Bá	Phước	1979	1413/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
678	Tổng Minh	Hiếu	1978	1414/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
679	Đàm Quang	Dũng	1977	1415/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
680	Trần Bình	Nguyên	1988	1417/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
681	Huỳnh Thị Dạ	Lý	1992	1418/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
682	Nguyễn Thị Thúy	Duy	1989	1419/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
683	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	32509	142/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
684	Nguyễn Huỳnh	Cung	1965	142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
685	Trần Thị Hồng	Nghi	1987	1420/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
686	Nguyễn Nhựt	Nam	1991	1421/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
687	Trần Tuấn	Kiệt	1974	1422/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
688	Trần Kim	Em	1966	1423/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
689	Nguyễn Thị Thanh	Nga	1957	1424/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
690	Huỳnh Tiểu	My	1990	1426/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
691	Lê Bùi Như	Ý	1984	1427/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
692	Nguyễn Thị Kiều	Xuân	1989	1428/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
693	Nguyễn Tiến	Đường	1964	1429/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
694	Nguyễn Thị	Thắm	31106	143/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
695	Nguyễn Thị Thúy	Loan	1974	143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
696	Nguyễn Thị Thanh	Vân	1990	1430/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
697	Mai Thị Mỹ	Phượng	1985	1431/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
698	Đặng Thị Bé	Trúc	1989	1432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
699	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	1986	1433/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
700	Trần Kim	Dung	1957	1434/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
701	Tổng Bửu	Lộc	1984	1435/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
702	Võ Thị Thu	Sương	1966	1437/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
703	Ngô Thị Kim	Trang	1989	1438/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
704	Nguyễn Ngọc	Dung	1983	1439/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
705	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	34726	144/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
706	Trần Kim	Phượng	1956	144/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
707	Nguyễn Thị Việt	Ân	1983	1440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
708	Nguyễn Chúc	Như	1988	1441/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
709	Huỳnh Thị Nhật	Hà	1991	1442/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
710	Nguyễn Văn	Thùy	1963	1443/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
711	Phạm Hữu	Trí	1984	1444/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
712	Đặng Minh	Phương	1988	1445/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
713	Phạm Thị Lợi	An	1981	1446/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
714	Bùi Đắc Việt	Tài	1963	1447/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
715	Trần Duy	Thăng	1984	1448/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
716	Lý Ngọc	Diễm	1985	1449/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
717	Phạm Thị Kim	Tiền	34535	145/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
718	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1986	145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
719	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	1982	1450/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
720	Nguyễn Thị	Thọ	1977	1451/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
721	Phan Hoàng Bích	Trang	1983	1452/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
722	Nguyễn Thanh	Phong	1988	1453/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
723	Đào Thị Diễm	Phượng	1984	1454/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
724	Trần Thị Diễm	Trinh	1988	1455/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
725	Nguyễn Quang	Thới	1982	1456/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
726	Huỳnh Lập	Quốc	1980	1457/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
727	Nguyễn Thị Lan	Chi	1984	1458/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
728	Nguyễn Thị Mộng	Dung	1987	1459/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
729	Lê Bích	Tuyền	1991	146/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
730	Nguyễn Thành	Được	1988	146/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
731	Phan Thị Mỹ	Xinh	1989	1460/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
732	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	1985	1461/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
733	Trần Vĩnh	Phúc	1986	1462/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
734	Nguyễn Thị Út	Nhỏ	1982	1463/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
735	Trần Thị Tuyết	Trâm	1980	1464/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
736	Trịnh Ngọc	Chi	1991	1465/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
737	Phạm Thị Yến	Phương	1993	1466/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
738	Đặng Thị Ngọc	Phượng	1992	1467/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
739	Lâm Thị Kim	Châu	1986	1468/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
740	Võ Thị Diễm	Trinh	1987	1469/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
741	Tổng Nhựt	Nam	25/5/1987	147/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
742	Cao Thị Ngọc	Hậu	1975	147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
743	Phan Việt	Nam	1977	1470/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
744	Nguyễn Quốc	Nguyễn	1965	1471/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
745	Phạm Thị	Bảy	1966	1474/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
746	Nguyễn Hữu	An	1969	1475/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
747	Lưu Thị	Nhung	1984	1476/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
748	Phương Ái	Hường	1963	1478/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
749	Nguyễn Trí	Nhân	1976	1479/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
750	Phan Thị Hồng	Loan	16/02/1983	148/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
751	Huỳnh Hải	Hằng	1966	1480/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
752	Lê Nguyễn Dung	Trinh	1978	1481/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
753	Nguyễn Thị	Nhuân	1985	1482/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
754	Lê Thị	Yến	1982	1483/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
755	Lâm Trương Lan	Phương	1982	1484/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
756	Lê Thị Hồng	Vân	1985	1485/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
757	Nguyễn Thị Huyền	Trân	1990	1486/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
758	Bùi Trí	Nhân	1986	1487/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
759	Huỳnh Ngọc	Ý	1992	1488/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
760	Nguyễn Huỳnh Đoan	Thùy	1987	1489/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
761	Phan Thái	Ngân	20/3/1985	149/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
762	Lý Thị Thúy	An	1986	149/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
763	Lê Tấn	Hiếu	1992	1490/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
764	Nguyễn Thị Tú	Trinh	1990	1491/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
765	Lê Mai Hồng	Ngọc	1985	1492/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
766	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	1960	1493/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
767	Lê Văn	Thành	1982	1494/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
768	Phạm Thị Ngọc	Mai	1968	1495/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
769	Nguyễn Văn	Xước	1982	1496/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
770	Trần Thị Mỹ	Hoa	1967	1497/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
771	Ngô Thị	Nhi	1972	1498/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
772	Nguyễn Thị Kim	Kha	1978	1499/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
773	Phan Thị	Út	31614	15/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
774	Lê Thị Mộng	Thu	1973	15/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
775	Tô Thị Huỳnh	Như	12/8/1994	150/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
776	Lê Quốc	Bằng	1985	150/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
777	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	1992	1500/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
778	Võ Thị	Diễm	1988	1501/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
779	Võ Văn	Thanh	1983	1502/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
780	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	1979	1504/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
781	Huỳnh Thị Kim	Thoa	1974	1505/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
782	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	1992	1506/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
783	Nguyễn Thị Kim	So	1983	1507/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
784	Lê Anh	Khoa	1990	1508/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
785	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1990	1509/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
786	Trần Thị Kim	Cương	1985	151/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
787	Nguyễn Thị Thu	Thủy	1967	151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
788	Lê Thị	Quen	1979	1510/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
789	Ngô Ngọc	Quý	1990	1511/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
790	Đào Thị Bé Mười	Một	1985	1512/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
791	Đoàn Thị Thùy	Linh	1979	1513/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
792	Nguyễn Thúy	Vân	1979	1514/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
793	Nguyễn Thị Kim	Phụng	1979	1515/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
794	Lê Thị Ánh	Thu	1985	1516/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
795	Lê Thành	Tươi	1986	1517/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
796	Nguyễn Thị Huệ	Hiền	1992	1518/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
797	Đỗ Hoàng	Vũ	1967	1519/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
798	Nguyễn Thành	Nam	13/12/1957	152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
799	Võ Thị Ngọc	Hương	1984	152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
800	Phan Thục	Như	1991	1520/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
801	Nguyễn Thị Ánh	Khoa	1986	1521/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
802	Chữ Thị	Thơm	1980	1522/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
803	Nguyễn Tuyết	Lộc	1987	1523/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
804	Nguyễn Thị	Giấy	1959	1524/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
805	Huỳnh Vũ	Trường	1992	1525/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
806	Nguyễn Thị	Đồng	1986	1526/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
807	Phạm Thị Cẩm	Tú	1992	1527/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
808	Khổng Thị Minh	Đài	1992	1528/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
809	Nguyễn Văn	Chơn	1980	1529/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
810	Bùi Thanh	Tâm	02/8/1992	153/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
811	Nguyễn Ngọc Phương	Trang	1990	153/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
812	Phạm Hoàng	Ái	1988	1530/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
813	Phạm Thị	Sáu	1967	1531/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
814	Mai Ngọc	Sen	1993	1532/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
815	Trần Minh	Tâm	1981	1533/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
816	Bùi Thị Thùy	Duyên	1984	1534/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
817	Trần Yên	Chi	1993	1535/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
818	Nguyễn Thị Thùy	Dương	1984	1536/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
819	Lê Nguyễn Cúc	Tú	1972	1538/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
820	Đoàn Phú	Quý	1983	1539/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
821	Mai Lan	Thanh	16/10/1992	154/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
822	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1985	154/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
823	Bùi Bảo	Thái	1969	1540/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
824	Trần Thái	Hoàng	1962	1541/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
825	Ngô Minh	Đức	1987	1542/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
826	Lý Mỹ	Dung	1952	1543/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
827	Đặng Ngọc	Giàu	1976	1544/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
828	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1986	1545/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
829	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	1984	1546/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
830	Lê Thạch	Thảo	1988	1547/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
831	Lê Thị Thu	Loan	1991	1548/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
832	Nguyễn Hùng	Dũng	1983	1549/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
833	Huỳnh Nhật	Thanh	22/10/1992	155/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
834	Đặng Văn	Bao	1955	155/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
835	Lê Thái	Phong	1984	1550/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
836	Trần Thị Huỳnh	Trang	1993	1551/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
837	Lê Ngọc	Đáng	1955	1552/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
838	Hà Thị Kiều	Oanh	1990	1553/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
839	Võ Cao	Tây	1990	1554/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
840	Lê Đức	Phùng	1963	1555/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
841	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1988	1556/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
842	Tô Thị	Nu	1991	1557/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
843	Lương Thị Kim	Chi	1985	1558/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
844	Nguyễn Huyền	Trang	1990	1559/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
845	Lê Văn	Chấn	1990	156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
846	Trần Cát	Tiên	1978	156/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
847	Võ Đỗ Tổ	Quyên	1988	1560/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
848	Dương Trúc	Linh	1988	1561/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
849	Nguyễn Văn	Đức	1989	1562/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
850	Lê Trường	Vũ	1988	1563/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
851	Nguyễn Thị Hồng	Loan	1989	1564/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
852	Trần Minh	Thư	1990	1565/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
853	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1983	1567/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
854	Đặng Thị Thùy	Trang	1990	1568/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
855	Nguyễn Lưu Anh	Trúc	1987	1569/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
856	Phạm Thị Ngọc	Điệp	22/02/1991	157/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
857	Lương Thị	Phương	1950	157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
858	Nguyễn Thanh	Lan	1988	1570/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
859	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	1981	1571/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
860	Võ Văn	Bình	1985	1572/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
861	Huỳnh Thị	Hội	1963	1573/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
862	Nguyễn Thị	Thủy	1977	1574/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
863	Huỳnh Lê Tuyết	Minh	1990	1575/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
864	Lê Hoàng Trâm	Anh	1985	1577/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
865	Huỳnh Thanh	Giang	1989	1578/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
866	Phan Ngọc	Nhung	1981	1579/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
867	Nguyễn Thị Bích	Liều	02/10/1983	158/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
868	Phạm Trần Như	Ngọc	1980	158/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
869	Võ Thị Huỳnh	Giao	1983	1580/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
870	Cao Văn	Nghĩa	1977	1581/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
871	Chế Nguyễn Đoan	Trang	1992	1582/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
872	Lê Thị Hồng	Gấm	1993	1583/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
873	Nguyễn Thị Huỳnh	Duyên	1976	1584/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
874	Võ Hoàng Mỹ	Linh	1985	1585/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
875	Mai Kim	Hằng	1987	1586/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
876	Mai Hoàng	Duy	1988	1587/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
877	Mai Cao Tuyết	Xuân	1992	1588/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
878	Nguyễn Văn	Sôi	1963	1589/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
879	Nguyễn Thị Hồng	Biên	17/4/1994	159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
880	Nguyễn Thị Thu	Dung	1964	159/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
881	Nguyễn Ngọc	Thanh	1974	1590/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
882	Trần Công	Đỉnh	1952	1591/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
883	Phạm Thanh	Nhã	1962	1592/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
884	Trần Thị Ngọc	Thu	1968	1593/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
885	Trần Minh	Nghĩa	1969	1594/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
886	Nguyễn Văn	Diễn	1985	1595/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
887	Đặng Thị Diễm	Phúc	1989	1596/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
888	Phạm Nguyễn Xuân	Bình	1993	1597/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
889	Trần Huệ	Tĩnh	1985	1598/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
890	Bùi Thị Trúc	Phương	1987	1599/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
891	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	33475	16/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
892	Đoàn Yến	Trang	1972	16/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
893	Lê Thị Kim	Thoa	20/02/1994	160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
894	Đinh Thị Ngọc	Hân	1983	160/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
895	Ngô Nguyễn Trúc	Linh	1993	1600/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
896	Nguyễn Thanh	Kha	1975	1601/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
897	Lê Văn	Lâm	1971	1602/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
898	Nguyễn Thị Mộng	Tiền	1981	1603/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
899	Bùi Thị Mộng	Linh	1984	1604/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
900	Trịnh Thị Cẩm	Duyên	1985	1605/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
901	Đặng Thị Thanh	Tuyền	1988	1606/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
902	Huỳnh Thanh	Liều	1986	1607/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
903	Phạm Thị Kim	An	1993	1608/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
904	Phạm Thị Ngọc	Ân	1991	1609/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
905	Nguyễn Quốc	Hùng	24/3/1994	161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
906	Trần Thụy Thùy	Trang	1982	161/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
907	Nguyễn Thị Trúc	Linh	1987	1610/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
908	Lê Thị	Huệ	1984	1611/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
909	Trần Thế	Bảo	1993	1612/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
910	Huỳnh Hồng	Hào	1985	1613/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
911	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1993	1614/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
912	Lê Thị	Dung	1987	1615/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
913	Lê Thị Hồng	Thắm	1988	1616/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
914	Đặng Kim	Ngọc	1980	1617/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
915	Đoàn Thị Tuyết	Loan	1992	1618/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
916	Nguyễn Trọng	Hiếu	1991	1619/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
917	Võ Thị Thủy	Tiên	22/12/1992	162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
918	Đặng Thị	Liều	1950	162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
919	Trần Thị Tuyết	Nga	1983	1620/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
920	Đặng Nguyễn Trúc	Linh	1990	1623/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
921	Lê Hoàng	Thành	1992	1624/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
922	Phan Nhựt	Nguyên	1986	1625/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
923	Trần Thị Phương	Huyền	1993	1626/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
924	Huỳnh Hà Bảo	Long	1978	1627/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
925	Phan Văn	Lên	1981	1628/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
926	Trương Thị Kim	Phụng	1952	1629/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
927	Trần Thế	Khang	25/11/1994	163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
928	Lâm Ngọc	Ánh	1987	163/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
929	Ngô Thanh	Xuân	1988	1630/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
930	Quan Thu	Nga	1970	1631/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
931	Tô Thanh	Cần	1983	1632/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
932	Võ Thị Thúy	Hằng	1993	1633/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
933	Võ Thị Kiều	Diễm	1988	1634/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
934	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc	1980	1635/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
935	Nguyễn Thị Tố	Nhung	1985	1636/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
936	Võ Thị Kim	Hoa	1978	1638/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
937	Trương Thị Huyền	Duyên	14/5/1980	164/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
938	Trần Thị Thúy	Hằng	1981	164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
939	Trần Thị Kim	Niên	1979	1640/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
940	Lê Thị	Thành	1988	1641/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
941	Lê Quang	Tiến	1983	1642/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
942	Lê Văn	Tý	1992	1643/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
943	Huỳnh Kim	Tuyển	1965	1644/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
944	Trần Vũ	Son	1982	1645/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
945	Hoàng Thị Bảo	Châu	1988	1646/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
946	Nguyễn Hữu	Phúc	1987	1647/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
947	Nguyễn Thị	Phỉ	1969	1648/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
948	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	1991	1649/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
949	Lê Nguyễn Hoàng	Mỹ	22/11/1990	165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
950	Nguyễn Lê	Quân	1981	165/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
951	Quách Lệ	Mai	1973	1650/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
952	Nguyễn Kim	Thoa	1969	1651/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
953	Trần Ngọc	Tươi	1964	1652/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
954	Nguyễn Kim	Hạnh	1980	1653/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
955	Trần Thị Mỹ	Pháp	1985	1654/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
956	Trần Thị Ngọc	Thủy	1970	1656/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
957	Trần Thị	Nhanh	1993	1657/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
958	Nguyễn Thị Như	Ý	1981	1658/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
959	Nguyễn Thị Bé	Hận	1981	1659/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
960	Lê Thanh	Lâm	1977	166/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
961	Lăng Thị Kim	Hương	1985	166/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
962	Lê Thị Lan	Anh	1972	1660/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
963	Thái Thị	Mai	1989	1661/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
964	Võ Thúy	Ngọc	1987	1662/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
965	Nguyễn Thanh	Tùng	1969	1663/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
966	Bạch Lệ	Dung	1988	1664/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
967	Lương Thị Thu	Trang	1988	1665/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
968	Huỳnh Thị	Thủy	1981	1666/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
969	Võ Thị Xuân	Nguyệt	1973	1667/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
970	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1992	1668/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
971	Nguyễn Thị Hoài	Thu	1993	1669/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
972	Trần Khắc	Huy	05/12/1987	167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
973	Huỳnh Minh	Thiện	1985	167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
974	Phạm Thị Thùy	Trang	1987	1670/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
975	Đặng Minh	Thức	1993	1671/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
976	Trương Thị Thùy	Minh	1993	1672/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
977	Hồ Chí	Hiếu	1991	1673/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
978	Lê Thị Kiều	Oanh	1985	1674/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
979	Nguyễn Văn Quý	Em	1986	1675/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
980	Trần Hữu	Hạnh	1971	1676/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
981	Nguyễn Văn Bé	Năm	1980	1677/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
982	Trần Phước	Lộc	1976	1678/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
983	Nguyễn Hữu Nhựt	Trường	1989	1679/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
984	Phạm Thị Kim	Phương	30/4/1993	168/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
985	Vưu Văn	Khén	1985	168/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
986	Trần Kim	Lài	1985	1680/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
987	Nguyễn Thị Kim	Chi	1982	1681/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
988	Tạ Thị Thanh	Hà	1989	1682/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
989	Trần Huyền	Trang	1990	1683/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
990	Lê Ngọc	Hoa	1970	1684/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
991	Tôn Nữ Yến	Châu	1984	1685/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
992	Lê Văn	Lợi	1983	1686/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
993	Đỗ Thành	Phúc	1985	1687/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
994	Trương Thị Cẩm	Suyên	1985	1688/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
995	Đoàn Lê	Trương	1993	1689/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
996	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	27/6/1980	169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
997	Phan Thu	Liều	1985	169/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
998	Trần Thị Thanh	Thảo	1991	1690/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
999	Nguyễn Thị Oanh	Yến	1982	1692/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1000	Nguyễn Thị Diễm	Mi	1990	1693/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1001	Lê Thị Thanh	Kiều	1985	1694/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1002	Nguyễn Hồng	Phượng	1986	1695/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1003	Ngô Thanh	Phong	1987	1696/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1004	Mã Hoàng Mai	Thi	1983	1697/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1005	Trần Kim	Loan	1965	1698/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1006	Lăng Thị Ngọc	Bích	1986	1699/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1007	Trần Thanh	Phong	30195	17/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1008	Lê Trung	Hậu	07/3/1988	170/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1009	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	1985	170/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1010	Huỳnh Thị Thanh	Lan	1987	1700/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1011	Tổng Thị Huỳnh	Hương	1973	1701/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1012	Hồ Huỳnh Kim	Dur	1993	1702/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1013	Trần Thị Mai	Thảo	1992	1703/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1014	Đào Thị	Sương	1987	1704/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1015	Phạm Thị Thùy	Trang	1987	1705/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1016	Bùi Thị Kiều	Trang	1993	1706/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1017	Đoàn Phụng	Liên	1973	1707/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1018	Nguyễn Thị Bích	Hậu	1987	1708/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1019	Huỳnh Hồng	Hạnh	1990	1709/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1020	Trần Thị Thanh	Tuyền	16/3/1975	171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1021	Lê Thị Thanh	Liều	1985	171/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1022	Nguyễn Hữu	Thanh	1991	1710/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1023	Nguyễn Hữu	Trí	1977	1711/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1024	Đặng Văn	Hường	1966	1712/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1025	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	1976	1713/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1026	Lê Hồng	Nhớ	1988	1714/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1027	Phan Thị Thúy	Ái	1993	1715/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1028	Lê Thanh	Diễm	1988	1716/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1029	Trần Minh	Hiền	1991	1718/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1030	Lê Thị Thu	Hương	1990	1719/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1031	Đặng Thanh	Thiện	19/11/1992	172/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1032	Huỳnh Hồng	Châu	1990	172/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1033	Dương Thị Cẩm	Tú	1990	1720/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1034	Nguyễn Minh	Quân	1991	1721/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1035	Nguyễn Huỳnh Trúc	Linh	1992	1722/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1036	Mai Kim	Ngọc	1967	1723/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1037	Đào Thị Kim	Loan	1969	1724/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1038	Hồ Thị Kim	Quyên	1986	1725/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1039	Phạm Phước	Nguyên	1987	1726/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1040	Châu Thị Tuyết	Mai	1993	1727/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1041	Hồ Thị Ngọc	Quý	1988	1728/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1042	Lâm Văn	Tinh	1986	1729/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1043	Trần Minh	Thế	22/02/1992	173/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1044	Phạm Thị Bích	Vân	1986	1730/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1045	Nguyễn Hoàng Tú	Quyên	1985	1731/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1046	Đỗ Thị Thùy	Loan	1991	1732/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1047	Bùi Thị	Lượng	1991	1733/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1048	Nguyễn Văn	Lượng	1983	1734/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1049	Võ Văn	Sĩ	1984	1735/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1050	Trần Thị Ngọc	Dung	1989	1736/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1051	Bùi Văn	Ca	1969	1737/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1052	Lê Anh	Kiệt	1983	1738/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1053	Phạm Thị Diễm	Kiều	1989	1739/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1054	Trần Phan Thúy	Huỳnh	23/7/1991	174/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1055	Lê Thị	Tho	1988	174/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1056	Bùi Thị Trúc	Linh	1989	1740/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1057	Đỗ Thị	Oanh	1979	1741/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1058	Bùi Thị Cẩm	Lùng	1981	1742/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1059	Võ Phi	Thiên	1980	1743/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1060	Văn Thị Ngọc	Thúy	1992	1744/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1061	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	1980	1745/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1062	Trang Bảo	Đăng	1980	1746/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1063	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	1985	1747/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1064	Đinh Huỳnh	Cường	1988	1748/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1065	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	1989	1749/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1066	Văn Võ Hoàng	Phúc	14/7/1992	175/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1067	Nguyễn Thị Kiều	Hoa	1983	175/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1068	Trương Thị Bích	Liều	1984	1750/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1069	Lê Nguyễn Thanh	Trang	1970	1751/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1070	Võ Thị Kim	Trinh	1972	1752/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1071	Châu Lê Cừ	Nhân	1993	1753/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1072	Lê Trần Anh	Thư	1990	1754/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1073	Nguyễn Thái	Hòa	1988	1755/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1074	Lê Nguyễn Hồng	Tươi	1990	1756/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1075	Lê Thị Thùy	Ngân	1993	1757/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1076	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm	1993	1758/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1077	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1989	1759/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1078	Nguyễn Huỳnh	Long	24/4/1992	176/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1079	Trần Thị Nhật	Vy	1991	1760/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1080	Bùi Thị Thu	Thủy	1961	1761/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1081	Phạm Thị Kim	Xuyến	1979	1762/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1082	Nguyễn Thị Diễm	My	1992	1763/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1083	Nguyễn Hữu	Lộc	1990	1764/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1084	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	1993	1765/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1085	Huỳnh Minh	Vương	1985	1767/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1086	Trần Thị Thúy	An	1988	1768/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1087	Nguyễn Hoàng	Linh	1974	1769/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1088	Ong Thị Tuyết	Ngọc	25/5/1991	177/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1089	Trương Phước	Lộc	1987	177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1090	Trần Kim	Dung	1987	1770/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1091	Trần Hồ Đắc	Linh	1976	1771/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1092	Huỳnh Như	Ý	1990	1772/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1093	Lê Thị Thúy	Oanh	1989	1773/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1094	Nguyễn Thanh	Phương	1989	1774/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1095	Trương Bích	Nga	1969	1775/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1096	Phạm Thị Thanh	Xuân	1984	1776/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1097	Ngô Văn	Út	1981	1777/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1098	Lê Thị Mỹ	Thành	1989	1778/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1099	Trần Thị Kim	Ngoan	1992	1779/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1100	Nguyễn Quang Xuân	Việt	21/5/1990	178/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1101	Tổng Thị Thanh	Vân	1983	178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1102	Lê Văn	Hòa	1986	1780/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1103	Hà Tấn	Lợi	1987	1781/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1104	Tăng Văn	Cường	1982	1782/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1105	Chung Thị Diễm	Thúy	1978	1784/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1106	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	1989	1785/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1107	Hà Thị Thanh	Nhàn	1989	1786/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1108	Nguyễn Thị Diễm	Phương	1993	1787/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1109	Trần Trung	Vũ	1991	1788/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1110	Huỳnh Ngọc	Hân	1983	1789/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1111	Võ Kim	Chương	03/7/1967	179/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1112	Nguyễn Thị Kim	Đào	1977	179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1113	Mai Thị Tú	Quyên	1990	1790/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1114	Nguyễn Thị Huệ	Ngân	1989	1791/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1115	Lê Ánh	Ngọc	1991	1792/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1116	Nguyễn Thùy	Nhi	1988	1793/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1117	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	1991	1794/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1118	Phạm Thị	Thủy	1993	1795/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1119	Huỳnh Ngọc	Thanh	1961	1796/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1120	Lê Nguyễn Hoàng	Phương	1991	1797/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1121	Lưu Kim	Ngân	1991	1798/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1122	Nguyễn Minh	Thiện	1984	1799/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1123	Nguyễn Thị	Chang	33068	18/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1124	Đoàn Thị Kim	Thoa	1982	18/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1125	Võ Thị Thảo	Nguyên	26/12/1994	180/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1126	Nguyễn Thị Lệ	Dung	1987	180/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1127	Trịnh Thị	Phượng	1970	1800/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1128	Hồ Văn	Thi	1991	1802/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1129	Võ Thị Thùy	Linh	1988	1803/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1130	Phạm Kim	Ngọc	1969	1804/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1131	Ngô Hồng	Đào	1967	1805/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1132	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1992	1806/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1133	Lê Thị Thanh	Thủy	1990	1807/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1134	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1992	1808/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1135	Lê Văn	Toàn	1988	1809/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1136	Phan Thị Kim	Hoàng	26/3/1994	181/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1137	Võ Hồng	Hạo	1987	181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1138	Tổng Nguyễn Hoa	Trâm	1987	1810/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1139	Lê Thị Tuyết	Tư	1987	1811/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1140	Nguyễn Quốc Duy	Thanh	1988	1812/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1141	Đoàn Ái	Ngọc	1981	1813/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1142	Nguyễn Thanh	Tâm	1989	1814/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1143	Đình Quốc	Hùng	1981	1815/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1144	Nguyễn Huỳnh	Như	1991	1816/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1145	Hồ Diễm	Thi	1987	1817/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1146	Huỳnh Thị Bé	Năm	1990	1818/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1147	Nguyễn Thị	Tám	1980	1819/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1148	Nguyễn Bá	Tuân	10/10/1983	182/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1149	Nguyễn Văn	Thắng	1964	182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1150	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	1979	1820/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1151	Nguyễn Hùng	Cường	1989	1821/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1152	Trần Phương	Châm	1990	1823/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1153	Võ Hồng	Nhung	1984	1824/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1154	Ngô Thanh	Nhàn	1989	1825/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1155	Nguyễn Văn	Năm	1969	1826/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1156	Trần Văn	Tín	1989	1827/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1157	Nguyễn Ngọc	Thanh	1993	1828/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1158	Giang Thị Bạch	Yến	1974	1829/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1159	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/12/1992	183/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1160	Nguyễn Tấn	Bằng	1992	1830/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1161	Dương Vĩnh	Bảo	1981	1831/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1162	Nguyễn Thị	Thi	1985	1832/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1163	Lê Thị Thùy	Trang	1987	1833/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1164	Lê Thị Kim	Phụng	1983	1834/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1165	Huỳnh Lãm	Giang	1986	1835/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1166	Vũ Tường	Vi	1990	1836/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1167	Trần Thị Ngọc	Nhung	1985	1837/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1168	Huỳnh Thị Ngọc	Nga	1950	1838/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1169	Lê Hồng	Lâm	1967	1839/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1170	Lê Thị Phước	Em	13/6/1976	184/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1171	Ngô Thị Thanh	Phượng	1981	184/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1172	Đào Thị Mỹ	Tiên	1990	1841/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1173	Nguyễn Thị	Chên	1992	1842/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1174	Nguyễn Thị Ngọc	Hóa	1992	1843/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1175	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	1990	1844/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1176	Lê Thị Minh	Thư	1983	1845/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1177	Đỗ Thị Thanh	Thảo	1992	1846/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1178	Trần Thị Yên	Nhi	1986	1847/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1179	Lâm Đức	Trí	1977	1848/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1180	Trần Thị Mỹ	Hiền	1982	1849/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1181	Trần Thị Ý	Nhi	1993	185/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1182	Nguyễn Thị Thu	Thủy	1978	185/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1183	Lê Thị	Tuyết	1961	1850/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1184	Hồ Thị	Thuận	1984	1851/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1185	Lê Hữu	Vĩnh	1986	1852/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1186	Mai Thị Mộng	Tuyền	1985	1854/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1187	Nguyễn Thị Thúy	Nga	1972	1855/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1188	Nguyễn Thạch	Son	1979	1856/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1189	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	1991	1857/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1190	Ngô Thanh	Nhàn	1982	1858/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1191	Nguyễn Văn	Trường	13/6/1994	186/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1192	Phạm Thị	Điệp	1979	186/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
1193	Phan Hoàng	Khánh	1986	1860/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1194	Phan Thị Kiều	Diễm	1986	1861/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1195	Nguyễn Thị Mộng	Hoàng	1987	1862/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1196	Nguyễn Thị Yên	Hà	1966	1864/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1197	Châu Thị Thùy	Linh	1990	1865/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1198	Nguyễn Chí	Hiếu	1981	1866/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1199	Nguyễn Thị	Luyến	1970	1867/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1200	Đặng Thị Thanh	Hằng	1984	1868/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1201	Nguyễn Thị Diễm	Phương	1992	1869/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1202	Bùi Thị Thúy	Hằng	28/01/1982	187/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1203	Lê Minh	Kha	1970	1870/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1204	Đặng Thị Yến	Minh	1990	1871/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1205	Ngô Hồng	Phương	1983	1872/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1206	Nguyễn Thành	Phú	1984	1873/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1207	Phạm Thị Hoàng	Anh	1986	1874/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1208	Đỗ Thị Kim	Can	1988	1875/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1209	Nguyễn Duy	Thanh	1983	1876/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1210	Nguyễn Văn	Nhật	1982	1877/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1211	Lê Vũ Thúy	Anh	1988	1878/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1212	Đinh Thị Bé	Gái	1981	1879/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1213	Trần Mộng	Linh	22/11/1994	188/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1214	Nguyễn Thị	Phương	1965	188/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1215	Lê Thị Hoài	Thu	1992	1880/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1216	Trần Thị Thu	Trang	1992	1881/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1217	Trần Thị Bạch	Yến	1963	1882/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1218	Nông Thị Anh	Thư	1976	1883/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1219	Nông Thành	Thạo	1973	1884/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1220	Lê Tuấn	Khang	1992	1885/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1221	Trần Văn	Tâm	1982	1886/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1222	Nguyễn Thị Thu	Đông	1979	1887/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1223	Huỳnh Thị	Thúy	1984	1888/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1224	Trần Thị Mỹ	Nhung	1983	1889/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1225	Trang Thị Mỹ	Hạnh	25/06/1993	189/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1226	Nguyễn Văn	Phi	1985	189/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1227	Đỗ Quang	Thái	1985	1890/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1228	Võ Đỗ Thanh	Hằng	1985	1891/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1229	Trần Nguyễn Thùy	Dương	1985	1892/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1230	Nguyễn Phước	Thuận	1982	1893/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1231	Nguyễn Thành	Phú	1977	1894/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1232	Nguyễn Thị	Quyên	1987	1895/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1233	Nguyễn Phạm Kim	Chi	1988	1897/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1234	Trần Thị Ánh	Lan	1964	1898/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1235	Phan Thị Hồng	Soạn	1986	1899/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1236	Nguyễn Thị	Ngọc	29753	19/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1237	Nguyễn Thị Cẩm	Huệ	1984	19/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1238	Nguyễn Thị	Chính	1970	190/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1239	Lê Thị Hồng	Thoại	1966	190/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1240	Nguyễn Hoàng	Vũ	1990	1900/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1241	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1990	1901/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1242	Lâm	Quang	1979	1902/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1243	Hà Thị Thu	Hà	1991	1903/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1244	Mã Thành	Tâm	1985	1904/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1245	Võ Thị Kiều	Oanh	1989	1905/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1246	Huỳnh Thị Ngọc	Trinh	1982	1906/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1247	Châu Quốc	Dũng	1985	1907/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1248	Phạm Anh	Tâm	1992	1908/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1249	Nguyễn Thùy	Oanh	1981	1909/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1250	Nguyễn Thị Kim	Thảo	19/5/1983	191/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1251	Lý Thanh	Thúy	1973	191/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1252	Lê Thị Thanh	Nga	1985	1911/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1253	Huỳnh Thị Kim	Hai	1988	1912/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1254	Lê Trường	Hải	1985	1913/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1255	Nguyễn Trần Hải	Âu	1991	1914/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1256	Lê Thị Tuyết	Mai	1980	1916/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1257	Liêu Thanh	Lộc	1991	1917/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1258	Bùi Thị Thúy	Oanh	1987	1918/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1259	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	1993	1919/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1260	Nguyễn Tiến	Đông	24/6/1989	192/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1261	Trần Thị	Hòa	1965	192/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1262	Nguyễn Thành	Trung	1987	1920/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1263	Lê Thị Hữu	Hiếu	1980	1922/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1264	Choa Thị	Kim	1987	1923/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1265	Trần Diễm	Phúc	1988	1924/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1266	Đoàn Trọng	Tính	1988	1925/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1267	Trần Cơ	Thịnh	1986	1927/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1268	Phan Thị Thanh	Hương	1981	1928/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1269	Thái Thành	Chung	1979	1929/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1270	Nguyễn Phạm Thị Kim	Loan	10/7/1992	193/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1271	Nhị Thị Kim	Cương	1965	193/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1272	Đinh Thị Hồng	Thanh	1983	1930/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1273	Nguyễn Thị Bích	Kiều	1984	1931/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1274	Trần Trung	Tính	1982	1932/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1275	Dương Thị	Loan	1984	1933/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1276	Nguyễn Đức Lan	Anh	1987	1934/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1277	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1990	1936/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1278	Trương Kiều Diễm	Thúy	1990	1937/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1279	Nguyễn Thị Yến	Phượng	1990	1938/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1280	Trần Đình Nguyên	Quân	1982	1939/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1281	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	02/5/1985	194/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1282	Trần Thị	Nhìn	1968	194/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1283	Lâm Minh	Triết	1990	1940/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1284	Ngô Văn	Tý	1985	1941/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1285	Đỗ Trọng Mạnh	Khương	1972	1942/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1286	Ngô Thụy Cẩm	Thy	1992	1943/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1287	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1986	1944/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1288	Trần Thị Mỹ	Hằng	1992	1945/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1289	Nguyễn Văn	Thái	1983	1946/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1290	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	1980	1947/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1291	Nguyễn Thành	Kính	1986	1948/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1292	Võ Thị	Diễm	1988	1949/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1293	Hà Văn	Huệ	18/9/1989	195/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1294	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	1990	195/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1295	Nguyễn Quốc	Hậu	1976	1950/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1296	Nguyễn Thị	Chinh	1985	1951/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1297	Đỗ Văn	Lợi	1978	1952/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1298	Nguyễn Trung	Tín	1984	1953/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1299	Trần My	Senl	1989	1954/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1300	Huỳnh Ngọc	Lợi	1986	1955/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1301	Nguyễn Văn	Cư	1983	1956/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1302	Phạm Thị Kim	Luyến	1958	1957/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1303	Trương Đình Trường	Son	1978	1958/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1304	Huỳnh Thị Anh	Thư	1992	1959/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1305	Trương Thị Hồng	Nhung	08/5/1992	196/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1306	Lâm Thị Ngọc	Bích	1981	196/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1307	Nguyễn Thanh	Tuân	1985	1960/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1308	Lê Thị Phụng	Liên	1989	1961/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1309	Nguyễn Thị Kim	Duyên	1985	1963/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1310	Trần Thị Tuyết	Nhung	1987	1965/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1311	Phạm Thị Thúy	Hồng	1980	1966/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1312	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1989	1967/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1313	Lê Thị Ánh	Ngọc	1988	1968/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1314	Phạm Thị Phúc	Vện	1986	1969/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1315	Trần Thanh	Điền	29/6/1993	197/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1316	Lê Thị Mỹ	Trang	1986	197/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1317	Nguyễn Đoàn Tuyết	Sương	1989	1970/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1318	Nguyễn Thị Như	Cúc	1976	1972/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1319	Hồ Minh	Bửu	1980	1973/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1320	Trần Hồng	Châu	1988	1974/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1321	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1988	1975/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1322	Lê Thị Trút	Linh	1988	1977/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1323	Võ Thụy	Vy	1987	1979/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1324	Trần Thị Tuyết	Hằng	16/11/1988	198/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1325	Nguyễn Văn	Quý	1986	198/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1326	Nguyễn Văn	Chiến	1987	1980/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1327	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	1985	1981/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1328	Nguyễn Thị Cẩm	Lan	1982	1982/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1329	Võ Kim	Chi	1968	1984/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1330	Lương Thị Thu	Hương	1979	1985/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1331	Lê Thị Bích	Ngân	1992	1986/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1332	Hứa Thị Cẩm	Hồng	1984	1987/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1333	Nguyễn Văn	Hoàng	1978	1988/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1334	Đặng Kim	Bình	1987	1989/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1335	Nguyễn Trường Giang	Nam	1986	199/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1336	Võ Lưu Nhật	Trọng	1985	199/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1337	Lê Minh	Đường	1990	1990/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1338	Trần Thị Bảo	Thúy	1984	1991/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1339	Nguyễn Thị	Ngọc	1987	1992/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1340	Hứa Thị Bích	Phượng	1990	1993/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1341	Mohamách	Sukri	1984	1994/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1342	Ngô Thị Thùy	Trang	1994	1996/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1343	Trần Thanh	Phong	1989	1997/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1344	Trương Ngọc	Điền	1965	1998/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1345	Nguyễn Tiến	Thắng	1990	1999/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1346	Lê Thị Mỹ	Dung	32788	20/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1347	Ngô Văn	Thuận	1978	20/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1348	Trần Ngọc	Chơn	22/4/1985	200/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1349	Trần Kinh	Kha	1962	200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1350	Nguyễn Hoàng	Nam	1990	2000/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1351	Nguyễn Thị Thùy	Mai	1966	2001/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1352	Võ Thanh	Liêm	1989	2002/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1353	Nguyễn Văn	Cường	1980	2003/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1354	Nguyễn Bảo	Trân	1994	2004/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1355	Phạm Hoàng	Nam	1986	2005/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1356	Lê Đào Minh	Trí	1990	2006/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1357	Lương Thị Cẩm	Hằng	1990	2007/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1358	Nguyễn Thị Ngọc	Nhớ	1991	2008/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1359	Lê Thị Tổ	Loan	1982	2009/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1360	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/01/1988	201/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1361	Thái Hoàng	Diễn	1985	201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1362	Phạm Kim	Cương	1992	2010/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1363	Lê Thị Mỹ	Huyền	1984	2011/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1364	Dương Ngọc	Hân	1987	2012/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1365	Đỗ Thủy	Tiên	1966	2013/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1366	Bùi Thị Bích	Ngọc	1984	2014/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1367	Trương Thanh	Tuyền	1985	2015/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1368	Nguyễn Minh	Thuận	1989	2016/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1369	Võ Trường	Son	1990	2017/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1370	Võ Thị Ngọc	Minh	1986	2018/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1371	Nguyễn Sinh	Trường	1984	2019/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1372	Nguyễn Thành	Hiệp	10/5/1970	202/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1373	Phạm Thị	Hội	1974	202/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1374	Võ Phạm	Hào	1982	2020/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1375	Nguyễn Thị Phương	Thảo	1981	2021/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1376	Nguyễn Thanh	Tú	1980	2022/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1377	Huỳnh Thị Cẩm	Trinh	1989	2024/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1378	Trần Thanh	Phong	1985	2025/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1379	Nguyễn Thị	Thảo	1991	2026/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1380	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1985	2027/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1381	Trần Bảo	Long	1977	2028/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1382	Phan Thị Diễm	My	1993	2029/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1383	Trần Kim	Mai	02/3/1970	203/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1384	Lê Thị	Nữ	1985	203/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1385	Bùi Văn	Trường	1987	2030/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1386	Hồ Ngọc Trúc	Linh	1985	2031/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1387	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	1983	2032/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1388	Lê Thị Hoàng	Yến	1993	2033/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1389	Nguyễn Thị Việt	Trinh	1992	2034/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1390	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	1994	2035/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1391	Lê Hồng	Chiêu	1979	2036/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1392	Hồ Nhựt	Sang	1991	2037/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1393	Trần Thị Lệ	Nguyễn	1985	2038/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1394	Bùi Thị Kim	Tiến	1987	2039/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1395	Nguyễn Văn	Phong	06/6/1983	204/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1396	Đỗ Thị Thanh	Vân	1964	204/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1397	Nguyễn Xuân	Nhựt	1987	2040/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1398	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1984	2041/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1399	Huỳnh Văn	Quý	1988	2042/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1400	Nguyễn Ngọc	Minh	1994	2043/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1401	Dương Hồng	Nhựt	1983	2044/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1402	Phạm Thị Thúy	Huỳnh	1992	2045/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1403	Nguyễn Ngọc	Thảo	1988	2046/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1404	Võ Thị Kim	Phượng	1982	2047/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1405	Châu Hoàng	Chương	1966	2048/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1406	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	1993	2049/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1407	Trần Thị Thùy	Trang	17/6/1989	205/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1408	Đoàn Thị Diễm	Thúy	1972	205/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1409	Lê Nguyễn Thùy	Linh	1991	2050/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1410	Phạm Thị Hồng	Phấn	1988	2051/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1411	Nguyễn Hùng	Vĩ	1988	2052/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1412	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	1993	2053/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1413	Dương Minh	Phước	1989	2054/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1414	Nguyễn Ngọc	Trâm	1993	2055/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1415	Trần Thị	Thủy	1980	2056/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1416	Nguyễn Trọng	Khanh	1991	2057/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1417	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1988	2058/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1418	Phan Hoàng	Anh	1984	2059/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1419	Lê Hoàng	Huy	1983	206/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1420	Nguyễn Thị Mỹ	Thi	1992	2060/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1421	Nguyễn Văn	Thức	1990	2061/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1422	Huỳnh Thị Trúc	Linh	1984	2062/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1423	Trần Xuân	Thảo	1985	2063/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1424	Trần Minh	Luân	1986	2064/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1425	Nguyễn Thị Ánh	Linh	1993	2065/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1426	Huỳnh Ngọc	Lan	1982	2066/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1427	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1988	2067/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1428	Võ Hồng	Vũ	1991	2068/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1429	Nguyễn Thị	Bé	1960	2069/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1430	Lâm Thị Kim	Cương	01/01/1992	207/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1431	Nguyễn Trung	Hiếu	1988	207/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1432	Trần Thị	Nhút	1980	2070/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1433	Nguyễn Thị	Thảo	1993	2071/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1434	Phước Thị Thúy	An	1987	2072/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1435	Đinh Thị Phương	Thảo	1975	2073/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1436	Trần Trung	Tín	1988	2074/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1437	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	1988	2075/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1438	Đỗ	Quyên	1993	2076/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1439	Võ Chế	Linh	1975	2077/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1440	Cao Kim	Dự	1993	2078/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1441	Nguyễn Thành	Nhân	1991	2079/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1442	Lê Thị Trường	Vi	15/3/1992	208/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1443	Dương Thị Bé	Hai	1991	2080/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1444	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1991	2081/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1445	Nguyễn Thị Thanh	Thuyền	1987	2082/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1446	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	1984	2083/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1447	Lê Thị Kim	Cúc	1985	2084/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1448	Trần Minh	Hùng	1972	2085/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1449	Mai Thị Hồng	Phương	1989	2086/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1450	Nguyễn Thị	Thúy	1989	2087/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1451	Nguyễn Thành	Tiếng	1983	2088/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1452	Bùi Thị Kim	Ngọc	1992	2089/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1453	Dương Thị Ái	My	1994	209/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1454	Trần Thị Thùy	Vân	1979	2090/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1455	Nguyễn Hồng	Tiếp	1969	2092/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1456	Võ Thị	Xoan	1990	2093/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1457	Trần Hạ	Quyên	1984	2094/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1458	Ngô Thị Ngọc	Hương	1959	2095/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1459	Nguyễn Thị	Cúc	1984	2096/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1460	Nguyễn Thành	Quốc	1983	2097/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1461	Quách Kiến	Lực	1974	2098/ĐT-CCHND	Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể buôn bán dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1462	Trần Thị Kim	Cúc	1992	2099/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1463	Đinh Trần Duy	Tuyển	33233	21/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1464	Trần Thị Kiều	Oanh	1986	21/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1465	Đặng Thị Kim	Linh	09/10/1994	210/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1466	Lê Trung	Toàn	1988	210/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1467	Trần Tấn	Hiệp	1992	2100/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1468	Đinh Thị	Dịu	1992	2101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1469	Lê Thị Bạch	Tuyết	1983	2102/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1470	Nguyễn Thị	Xuân	1986	2103/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1471	Tổng Thị Thúy	Diện	1985	2104/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1472	Trần Thị Anh	Thư	1994	2105/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1473	Nguyễn Hình Ngọc	Thanh	1990	2107/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1474	Nguyễn Minh	Thiện	1986	2108/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1475	Dương Thị Mỹ	Linh	1984	2109/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1476	Huỳnh Tấn	Hữu	27/8/1982	211/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1477	Trương Kim	Tiền	1983	211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1478	Dương Văn	Dân	1983	2110/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1479	Phan Ngọc	Tối	1987	2111/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1480	Nguyễn Thị Diệu	Thư	1989	2112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1481	Phạm Hoàng	Nam	1986	2113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1482	Đặng Thị	Ngọc	1986	2114/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1483	Phan Thị Thanh	Kiều	1967	2115/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1484	Tô Thanh	Hiếu	1975	2116/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1485	Võ Thị Châu	Pha	1990	2117/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1486	Nguyễn Thị Lan	Hương	1983	2118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1487	Đặng Nhật	Tâm	1986	2119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1488	Bùi Thị Cẩm	Vân	24/10/1987	212/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1489	Võ Thị Thảo	Ly	1990	212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1490	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1992	2120/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1491	Lê Thị Mai	Trinh	1986	2121/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1492	Bùi Thị Thùy	Dương	1990	2122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1493	Lê Minh	Quang	1989	2123/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1494	Bùi Thị Bé	Tuyền	1988	2124/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1495	Lê Văn	Mau	1985	2125/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1496	Lâm Thị Hồng	Vân	1984	2126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1497	Phan Thị Thùy	Trang	1985	2127/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1498	Mai Ngọc	Cơ	1962	2128/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1499	Choa Thị	Khên	1985	2129/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1500	Lê Kim	Anh	15/12/1966	213/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1501	Bùi Thúy	Loan	1984	213/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1502	Cao Bích	Vân	1991	2130/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1503	Nguyễn Quế	Phương	1965	2131/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1504	Nguyễn Thế	Thiết	1993	2132/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1505	Thái Thị Ngọc	Bích	1994	2133/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1506	Nguyễn Thị	Thái	1985	2134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1507	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1984	2135/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1508	Hồ Văn	Nghề	1964	2136/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1509	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	1994	2137/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1510	Lê Thị Kiều	Oanh	1994	2138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1511	Nguyễn Công	Nhân	1988	2139/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1512	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/4/1992	214/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1513	Đỗ Thành	Khen	1989	214/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1514	Văn Phú Hoa	Hạ	1988	2140/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1515	Nguyễn Hồng	Hạnh	1983	2141/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1516	Võ Kim	Thoa	1986	2142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1517	Huỳnh Thị	Thuần	1962	2143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1518	Võ Đông	Sơ	1984	2144/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1519	Nguyễn Thị Anh	Thư	1992	2145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1520	Trần Nguyễn	Quý	1993	2146/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1521	Hồ Thị Trúc	Mai	1992	2147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1522	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1991	2148/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1523	Trần Ngọc	Tình	10/4/1991	215/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1524	Phạm Nhựt	Linh	1984	2150/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1525	Nguyễn Hiếu	Thảo	1987	2151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1526	Nguyễn Thị	Tô	1988	2152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1527	Trần Thị Yến	Nhi	1993	2153/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1528	Phạm Lê Minh	Thư	1988	2154/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1529	Nguyễn Thị Kim	Phượng	1976	2155/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1530	Bùi Thị Quỳnh	Mi	1987	2156/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1531	Trần Thị Hồng	Gấm	1991	2157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1532	Nguyễn Thị	Thu	1990	2158/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1533	Nguyễn Hữu Nhân	Tâm	1988	2159/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1534	Trần Ngọc Công	Danh	30/9/1993	216/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1535	Bùi Cẩm Hải	Thường	1981	216/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1536	Nguyễn Đắc	Chí	1988	2160/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1537	Nguyễn Hữu	Tâm	1986	2161/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1538	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1972	2162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1539	Nguyễn Thị Bích	Vân	1988	2163/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1540	Nguyễn Thị Anh	Thư	1985	2164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1541	Trần Quốc	Qui	1985	2166/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1542	Huỳnh Thế	Vinh	1988	2167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1543	Lê Thúy	An	1989	2168/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1544	Lê Ngọc	Thủy	1985	2169/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1545	Lâm Bảo	Ngọc	20/5/1993	217/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1546	Thái Mỹ	Lệ	1985	2170/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1547	Nguyễn Thị Thùy	Vi	1981	2171/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1548	Trần Công	Triết	1972	2172/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1549	Bùi Thị	Hồ	1963	2173/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1550	Lê Thanh	Phát	1983	2174/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1551	Huỳnh Thị Dạ	Lan	1994	2175/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1552	Võ Thị Yến	Nhi	1993	2176/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1553	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1981	2177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1554	Phạm Mai	Thi	1987	2178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1555	Đào Thị Diễm	My	1991	2179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1556	Lê Thị Trúc	Giang	15/5/1990	218/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1557	Phạm Thị Minh	Nguyệt	1984	218/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1558	Nguyễn Thị Kim	Thom	1984	2180/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1559	Nguyễn Ngọc	Nữ	1991	2181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1560	Huỳnh Thị Trúc	Chi	1988	2182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1561	Đoàn Văn	Đa	1964	2183/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1562	Đặng Thị	Nở	1994	2186/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1563	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	1991	2187/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1564	Nguyễn Thanh	Hằng	1990	2188/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1565	Nguyễn Tuấn	Vũ	1993	2189/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1566	Trần Cẩm	Nhung	13/11/1989	219/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1567	Võ Ngọc	Mỹ	1973	219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1568	Bùi Văn	Tươi	1972	2190/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1569	Nguyễn Thùy	Trinh	1975	2191/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1570	Đinh Văn	Tân	1987	2192/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1571	Bùi Hoàng	Yến	1994	2193/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1572	Nguyễn Trường	Giang	1989	2194/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1573	Nguyễn Thái	Bình	1992	2196/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1574	Lê Thị Quế	Chi	1990	2197/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1575	Nguyễn Văn	Dương	1994	2198/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1576	Lê Thị	Tha	1982	2199/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1577	Trần Thị Trúc	Giang	30183	22/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1578	Trần Thị	Lắm	1984	22/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1579	Đặng Thị Thanh	Thúy	22/4/1992	220/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1580	Hồ Như	Thủy	1980	220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1581	Lê Thị Thanh	Vân	1976	2200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1582	Phan Thị Thanh	Loan	1962	2201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1583	Phạm Thị Bé	Hiền	1986	2202/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1584	Nguyễn Xuân	Tiền	1987	2203/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1585	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1988	2204/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1586	Lê Phương	Hà	1985	2205/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1587	Lê Anh	Huy	1978	2206/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1588	Trần Hoài	Phong	1986	2207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1589	Lê Thị Thu	Hoa	1987	2208/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1590	Trần Thị Thanh	Hà	1987	2209/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1591	Phạm Dũng Trang	Thanh	27/02/1994	221/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1592	Nguyễn Văn	Dào	1982	221/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1593	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1988	2210/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1594	Nguyễn Hoàn	Nhân	1985	2211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1595	Nguyễn Đức	Thắng	1991	2212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1596	Triệu Văn	Mạnh	1993	2213/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1597	Lê Thị Mỹ	Tiên	1991	2214/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1598	Nguyễn Văn	Ngọc	1985	2215/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1599	Nguyễn Thị Trúc	Phương	1992	2216/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1600	Trần Thị Kim	Điệp	1968	2218/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1601	Phạm Thị Hồng	Loan	1991	2219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1602	Hứa Thị Kim	Sanh	24/3/1972	222/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1603	Nguyễn Kim	Thảo	1983	222/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1604	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	1990	2220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1605	Nguyễn Thanh	Hiền	1981	2221/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1606	Dương Thị Thùy	Quyên	1994	2222/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1607	Trần Thị	Nguyên	1991	2223/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1608	Trần Thị	Thúy	1984	2224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1609	Lê Thị Thanh	Thùy	1993	2225/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1610	Phạm Đỗ Thanh	Trúc	1990	2226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1611	Thái Thị Kim	Siêng	1994	2227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1612	Lê Thị Ngọc	Liều	1988	2228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1613	Bùi Văn	Khiêm	1984	2229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1614	Trần Minh	Tâm	19/4/1988	223/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1615	Lưu Thủy	Kiều	1986	223/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1616	Hà Cúc	Phương	1980	2230/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1617	Nguyễn Thị Thùy	Dương	1985	2231/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1618	Phan Trần	Uyên	1993	2232/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1619	Lê Nhật	An	1983	2233/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1620	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	1986	2234/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1621	Lê Thị	Diễm	1982	2235/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1622	Hồ Thị Hồng	Thắm	1993	2236/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1623	Thái Hữu	Lộc	1988	2237/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1624	Mai Thị Kim	Dung	1967	2238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1625	Đỗ Đắc	Trí	1984	2239/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1626	Lê Thị Thu	Hà	11/7/1994	224/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1627	Đào Ngọc	Diễm	1983	224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1628	Huỳnh Thị Kiều	Phương	1985	2240/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1629	Ngô Quốc	Công	1985	2241/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1630	Nguyễn Thị Hằng	Ni	1988	2242/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1631	Võ Ngọc Lang	Hương	1988	2244/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1632	Phan Kim	Út	1972	2245/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1633	Nguyễn Thị	Diễm	1991	2246/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1634	Đỗ Thùy	Dương	1994	2247/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1635	Thái Hồng	Nho	1988	2248/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1636	Đào Thị	Lộc	1994	2249/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1637	Nguyễn Thị Bé	Ba	25/02/1992	225/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1638	Hứa Thị Yến	Ngọc	1984	225/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1639	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	1978	2250/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1640	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1984	2251/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1641	Lê Thị Bích	Như	1994	2252/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1642	Võ Duy	Thanh	1989	2253/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1643	Lê Nguyễn Thiên	Thanh	1989	2254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1644	Trần Thị Thu	Trang	1983	2256/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1645	Huỳnh Thị Yến	Nhi	1991	2258/ĐT-CCHND	Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1646	Lê Huỳnh	Thi	1994	2259/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1647	Nguyễn Ngọc	Thuận	13/10/1994	226/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1648	Huỳnh Thị Thúy	Luyên	1981	226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1649	Hàn Thanh	Hồng	1982	2260/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1650	Huỳnh Văn	Bắc	1967	2261/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1651	Hồ Minh	Tài	1986	2262/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1652	Nguyễn Thị Hiếu	Nhiên	1993	2263/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1653	Phạm Hiền	Vương	1984	2264/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1654	Lê Ngọc Vân	Trang	1988	2265/ĐT-CCHND	Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1655	Tô Hoàng	Thít	1989	2266/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1656	Trần Thanh	Tâm	1989	2267/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1657	Nguyễn Thị Như	Thủy	1992	2268/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1658	Tô Khánh	Minh	1966	2269/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1659	Võ Thị	Nhanh	17/11/1985	227/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1660	Phan Phú	Trung	1971	227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
1661	Lê Kim	Mai	1993	2270/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1662	Nguyễn Kim	Huệ	1989	2271/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1663	Dương Hoàng	Phùng	1988	2272/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1664	Phan Thị	Nhi	1990	2273/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1665	Nguyễn Thị Thi	Dương	1991	2274/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1666	Dương Thị Hồng	Linh	1986	2275/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1667	Lê Nhựt	Minh	1990	2276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1668	Đặng Hữu	Tín	1991	2277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1669	Nguyễn Thanh	Tùng	1991	2278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1670	Nguyễn Thị Hương	Lan	1994	2279/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1671	Trần Bảo	Ngọc	06/01/1984	228/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1672	Trần Sơn	Dương	1976	228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
1673	Dương Thị Mỹ	Lan	1981	2280/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1674	Nguyễn Thị Bích	Thủy	1968	2281/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1675	Trần Thị	Thúy	1987	2282/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1676	Lê Thị	Kiên	1983	2283/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1677	Trần Thanh	Phụng	1988	2284/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1678	Lê Duy	Bảo	1990	2285/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1679	Nguyễn Thị Kim	Yến	1976	2286/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1680	Dương Yến	Oanh	1989	2287/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1681	Đặng Thị Thanh	Thủy	1987	2288/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1682	Hà Lê	Bửu	1990	2289/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1683	Nguyễn Bắc	Phong	1987	229/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1684	Trần Đức	Vinh	1974	229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
1685	Quách Lệ	Na	1977	2290/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1686	Hồ Trương Thủy	Tiên	1991	2291/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1687	Hồ Phước	Tính	1990	2292/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1688	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	1991	2293/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1689	Nguyễn Thị Hải	Âu	1993	2294/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1690	Bùi Hải	Yến	1982	2295/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1691	Lê Thị Diệu	Hội	1985	2296/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1692	Phan Thị Anh	Thư	1994	2297/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1693	Võ Thị Ngọc	Châu	1994	2298/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1694	La Tấn	Mỹ	1968	2299/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1695	Lê Trúc	Phương	28005	23/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1696	Nguyễn Thị	Nhung	1982	23/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1697	Quách Thị	Loan	1987	230/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1698	Nguyễn Trung	Kiên	1985	230/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1699	La Thị Huyền	Trang	1979	2300/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1700	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1984	2301/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1701	Ngô Thị Trúc	Ly	1992	2302/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1702	Phạm Thị	Nguyệt	1977	2303/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1703	Trần Thị Thanh	Thùy	1977	2304/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1704	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1994	2305/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1705	Lê Thị Mộng	Kha	1993	2306/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1706	Nguyễn Thanh	Loan	1986	2307/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1707	Nguyễn Thị Thúy	Liều	1993	2308/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1708	Ngô Thị Tố	Anh	1994	2309/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1709	Trần Phú	Long	24/01/1981	231/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1710	Nguyễn Ngọc	Son	1948	231/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1711	Bạch Thị Thanh	Giang	1986	2310/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1712	Trần Thanh	Nhàn	1975	2311/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1713	Nguyễn Hình Minh	Tâm	1990	2312/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1714	Nguyễn Thanh	Tuấn	1991	2313/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1715	Ngô Quang	Hưng	1991	2314/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1716	Lê Thị Mỹ	Hương	1990	2315/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1717	Phạm Thị Diệu	Ngọc	1994	2316/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1718	Đặng Cẩm	Giang	1992	2317/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1719	Đinh Thị Du	Ly	1991	2318/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1720	Lê Thị Thu	Thủy	1971	2319/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1721	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1980	232/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1722	Nguyễn Thị	Nga	1968	232/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1723	Lý Thị	Thắm	1985	2320/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1724	Võ Thị Thùy	Dương	1985	2321/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1725	Trần Khánh	Nguyên	1990	2322/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1726	Nguyễn Quốc	Trung	1991	2323/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1727	Thái Thị Thùy	Trinh	1990	2324/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1728	Trần Thanh	Trúc	1991	2325/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1729	Nguyễn Duy	Khánh	1990	2326/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1730	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	1991	2327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1731	Nguyễn Thị Trà	Hoa	1993	2328/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1732	Hà Kim	Oanh	1980	2329/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1733	Võ Thị Thanh	Nga	30/10/1976	233/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1734	Huỳnh Văn	Nhung	1973	233/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1735	Lê Thanh	Việt	1986	2330/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1736	Nguyễn Ngọc	Son	1984	2331/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1737	Trần Thị	Loan	1981	2332/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1738	Lê Thị Hồng	Mến	1974	2333/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1739	Trịnh Đức	Hưng	1960	2334/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1740	Trần Quốc	Hoàng	1990	2335/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1741	Bùi Thị Út	Nhỏ	1982	2336/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1742	Lê Hoàng Nhật	Trường	1992	2337/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1743	Lưu Thị	Huyền	1993	2338/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1744	Nguyễn Tấn	Thiện	1988	2339/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1745	Nguyễn Thị Diễm	Trang	31/3/1976	234/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1746	Lê Thị Mỹ	Linh	1980	234/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1747	Quách Quý	Yên	1957	2340/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1748	Nguyễn Việt	Tân	1990	2341/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1749	Lê Kim	Phụng	1988	2342/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1750	Nguyễn Lê Lan	Anh	1991	2343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1751	Lê Phước	Thanh	1991	2344/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1752	Lê Thị Phương	Loan	1984	2345/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1753	Nguyễn Hữu	Cảnh	1994	2346/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1754	Nguyễn Dương Hồng	Vân	1993	2347/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1755	Vũ Thị Mộng	Trinh	1990	2348/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1756	Lê Diễm	An	1993	2349/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1757	Nguyễn Hữu	Nhân	13/9/1991	235/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1758	Lê Văn	Thi	1960	235/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1759	Nguyễn Ngọc	Út	1985	2350/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1760	Đoàn Xuân	Thành	1987	2351/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1761	Võ Thị Kim	Liên	1986	2352/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1762	Phạm Bảo	Ngọc	1991	2354/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1763	Nguyễn Hồng	Nhật	1983	2355/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1764	Phạm Văn	Cận	1967	2356/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1765	Phan Thị Kiều	Trang	1990	2357/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1766	Nguyễn Văn	Toàn	1982	2358/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1767	Huỳnh Hồ	Hải	1983	2359/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1768	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	28/12/1992	236/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1769	Trần Thị Xuân	Mỹ	1987	236/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1770	Tường Thị Mỹ	Ân	1990	2360/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1771	Nguyễn Thị Phương	Trang	1989	2361/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1772	Lê Trần	Đức	1980	2362/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1773	Đặng Nhựt	Linh	1988	2363/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1774	Phan Phương	Thảo	1990	2364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1775	Lê Trung	Việt	1986	2366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1776	Trần Diệu	Hương	1990	2367/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1777	Nguyễn Ngọc	Hênh	1989	2368/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1778	Âu Quý	Mến	1990	2369/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1779	Thái Thanh	Tuyền	20/6/1965	237/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1780	Lê Thị Huỳnh	Trúc	1969	237/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1781	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	1991	2370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1782	Mai Thị Hương	Loan	1990	2371/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1783	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	1979	2372/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1784	Lê Thị Mỹ	Kim	1993	2373/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1785	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	1984	2374/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1786	Lê Thị Mộng	Tuyền	1991	2375/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1787	Huỳnh Anh	Thư	1985	2376/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1788	Bùi Thị Kim	Phượng	1994	2377/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1789	Hồ Phan Minh	Chí	1994	2378/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1790	Lâm Ngọc	Quý	1987	2379/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1791	Phan Thanh	Nguyên	10/01/1987	238/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1792	Dương Thị Kim	Thanh	1968	238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1793	Nguyễn Thị Kiều	Trang	1991	2380/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1794	Trần Văn	Định	1985	2381/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1795	Phạm Thị Thảo	Nguyên	1994	2382/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1796	Lê Thị Trúc	Linh	1993	2383/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1797	Trần Thị Tú	Trinh	1990	2384/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1798	Lê Trường	An	1986	2385/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1799	Cao Vân	Anh	1982	2386/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1800	Đoàn Văn	Bảy	1980	2387/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1801	Trần Huệ	Long	1953	2388/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1802	Nguyễn Thị Thu	Hòa	1991	2389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1803	Trần Hoàng	Nam	16/7/1983	239/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1804	Trương Thị	Ngọc	1975	239/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1805	Trần Võ Minh	Phương	1991	2390/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1806	Lê Thị	Thúy	1991	2392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1807	Phạm Thị Việt	Tú	1987	2393/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1808	Nguyễn Hoàng	An	1986	2394/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1809	Trần Ái Kiều	Khanh	1990	2395/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1810	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	1988	2396/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1811	Nguyễn Thị Kiều	My	1993	2397/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1812	Phạm Thị	Cúc	1986	2398/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1813	Trần Thị	Lan	1993	2399/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1814	Lê Đăng Trúc	Linh	29774	24/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1815	Nguyễn Thiện	Hoàng	1982	24/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1816	Thái Thị Thu	Hiền	28/01/1984	240/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1817	Trần An	Trình	1960	240/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1818	Phan Thị Mỹ	Hoa	1989	2400/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1819	Lê Thị Kim	Quyên	1982	2401/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1820	Bùi Nha	Mân	1993	2402/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1821	Trần Thị	Quý	1982	2403/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1822	Nguyễn Thị Bé	Tám	1969	2404/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1823	Phan Bạch	Tuyết	1964	2405/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1824	Lê Minh	Nhi	1985	2407/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1825	Phạm Phan Anh	Minh	1990	2408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1826	Trần Hoàng	Tiến	1990	2409/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1827	Huỳnh Minh	Tường	08/11/1988	241/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1828	Võ Thị Thùy	Trang	1969	241/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1829	Ngô Hồng	Phong	1989	2410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1830	Nguyễn Anh	Tuấn	1990	2411/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1831	Dương Thị Minh	Thư	1988	2412/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1832	Huỳnh Thị	Hoài	1991	2413/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1833	Ngô Thị Huệ	Hân	1991	2414/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1834	Nguyễn Thị Bích	Phượng	1991	2416/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1835	Nguyễn Ngân	Linh	1992	2417/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1836	Nguyễn Văn Duy	Tuấn	1990	2418/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1837	Trần Thị Ngọc	Dung	1992	2419/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1838	Lê Thị Trúc	Mai	23/5/1994	242/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1839	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	1979	242/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1840	Nguyễn Đức	Phi	1980	2421/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1841	Đỗ Thị Huỳnh	Như	1994	2422/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1842	Trần Quỳnh	Trâm	1994	2423/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1843	Nguyễn Thành	Huệ	1966	2424/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1844	Phạm Thị Như	Ý	1985	2425/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1845	Nguyễn Tấn	Si	1985	2426/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1846	Nguyễn Hoài	Phương	1993	2427/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1847	Nguyễn Thị Bích	Vân	1992	2428/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1848	Trần Thị Kim	Thùy	1988	2429/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1849	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	06/9/1993	243/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1850	Trương Thị Tuyết	Vân	1959	243/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1851	Hồ Thị Lệ	Thu	1968	2430/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1852	Phạm Mỹ	Nhi	1992	2431/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1853	Nguyễn Văn	Em	1975	2432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1854	Huỳnh Thị Ngọc	Triêm	1980	2433/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1855	Nguyễn Thị	Điệp	1969	2434/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1856	Nguyễn Thanh	Tùng	1973	2435/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1857	Võ Thị Trúc	Mai	1987	2436/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1858	Lê Ngọc	Hà	1965	2437/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1859	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1986	2438/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1860	Phạm Hiền	Đức	1990	2439/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1861	Ngô Nguyễn Thanh	Tâm	19/4/1993	244/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1862	Võ Ngọc	Tuyền	1978	244/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1863	Võ Thanh	Tĩnh	1989	2440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1864	Phạm Bảo	Huy	1989	2441/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1865	Từ Ngọc Bảo	Trân	1988	2442/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1866	Nguyễn Việt	Thắng	1986	2443/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1867	Nguyễn Thanh	Nhật	1988	2444/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1868	Trần Thị	Ngọc	1988	2446/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1869	Trần Thị Thanh	Tùng	1967	2447/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1870	Lê Thị Ngân	Hà	1992	2448/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1871	Dư Bích	Tuyền	1982	2449/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1872	Huỳnh Phúc	Duy	14/11/1989	245/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1873	Nguyễn Thị Hoa	Thảo	1983	245/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1874	Phạm Thị Thanh	Trúc	1984	2451/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1875	Lý Thị Mỹ	Dung	1953	2452/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1876	Đoàn Tấn	Đạt	1989	2453/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1877	Huỳnh Văn	Hải	1984	2454/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1878	Lê Thị Ngọc	Nhung	1991	2455/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1879	Nguyễn Tấn	Tặng	1987	2456/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1880	Võ Phát	Đạt	1993	2457/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1881	Nguyễn Hoàng	Du	1985	2458/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1882	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1982	2459/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1883	Lê Châu Bảo	Thi	24/5/1992	246/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1884	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	1989	246/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1885	Đoàn Hữu	Tuấn	1990	2460/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1886	Trần Cao	Thắng	1969	2461/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1887	Nguyễn Thị Hồng	Nho	1991	2462/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1888	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	1992	2463/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1889	Dương Hùng	Cường	1968	2464/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1890	Nguyễn Hữu	Tiến	1994	2465/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1891	Hồ Thị Thu	Thảo	1983	2466/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1892	Đinh Thị Giao	Linh	1991	2467/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1893	Phạm Phước	Thành	1979	2468/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1894	Bùi Thị Xuân	Thảo	1992	2469/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1895	Võ Hoàng	Nam	05/10/1989	247/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1896	Trần Thị	Thắm	1987	247/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1897	Võ Thị Kiều	Ngân	1983	2470/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1898	Lê Thị Ngọc	Quyên	1992	2471/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1899	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	1988	2472/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1900	Huỳnh Ngọc Khánh	Trinh	1991	2473/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1901	Ô Thị Thảo	Nguyên	1988	2474/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1902	Phan Quốc	Bảo	1972	2476/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1903	Nguyễn Mỹ	Huyền	1962	2477/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1904	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/02/1981	248/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1905	Nguyễn Tuấn	Anh	1972	248/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1906	Võ Ngọc Huyền	Trang	17/12/1993	249/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1907	Tạ Đặng Lam	Hương	1975	249/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1908	Lê Phước	Hải	28057	25/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1909	Nguyễn Thị Dịu	Thanh	1990	25/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1910	Phùng Thị Ngọc	Diễm	10/10/1985	250/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1911	Nguyễn Thị Xuân	Thu	1985	250/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1912	Phạm Duy	Thái	22/11/1994	251/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1913	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	1987	251/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1914	Trần Thị Ái	Vân	11/3/1987	252/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1915	Cao Thị Thanh	Hương	1967	252/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1916	Võ Kim	Huyền	1994	253/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1917	Nguyễn Thị	Phượng	12/02/1966	254/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1918	Lương Thị Phương	Linh	1983	254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1919	Phan Thị Hồng	Nhung	1980	255/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1920	Trịnh Ngọc	Đẹp	1986	255/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1921	Lê Duy	Tuyên	19/01/1984	256/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1922	Nguyễn Thị Xuân	Mai	01/10/1986	257/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1923	Nguyễn Văn	Thu	1969	257/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1924	Phạm Thị Thu	Lan	17/6/1978	258/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1925	Huỳnh Thị Hồng	Yến	1979	258/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1926	Nguyễn Văn	Đạt	18/11/1991	259/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1927	Võ Thị Thu	Hiếu	1984	259/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1928	Huỳnh Thanh	Hương	1966	26/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1929	Trần Cam	Benl	1986	26/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1930	Nguyễn Hồng	Thắm	16/12/1992	260/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1931	Bùi Thanh	Hùng	1971	260/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1932	Võ Tuyết	Hương	10/01/1992	261/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1933	Lê Bảo	Long	1987	261/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1934	Ngô Thị Kim	Thi	1989	262/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1935	Nguyễn Thị Bé	Sáu	1977	262/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1936	Đỗ Thị Mỹ	Linh	01/8/1992	263/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1937	Huỳnh Thị Thảo	Hiền	1979	263/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1938	Trần Thị Ngọc	Thúy	1982	264/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1939	Võ Phúc	Vinh	26/5/1982	265/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1940	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1989	265/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1941	Nguyễn Thanh	Thùy	01/01/1993	266/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1942	Nguyễn Văn	Hùng	1964	266/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1943	Trần Hữu	Thiện	07/4/1985	267/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1944	Nguyễn Thị	Nhàn	20/4/1963	268/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1945	Phan Thị Diễm	Phương	1981	268/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1946	Huỳnh Thị Trúc	Yến	26/8/1988	269/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1947	Vưu Siêu	Ênh	1988	269/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1948	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	1985	27/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1949	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	1988	27/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1950	Nguyễn Huỳnh	Dương	18/01/1986	270/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1951	Nguyễn Minh	Đức	1985	270/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1952	Lê Thị Mỹ	Xuân	19/4/1992	271/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1953	Nguyễn Văn	Phước	04/4/1994	272/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1954	Lê Trọng	Nghĩa	1983	272/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1955	Đoàn Thị Ngọc	Huệ	29/9/1995	273/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1956	Đào Thị Như	Ngọc	1989	273/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1957	Nguyễn Thị Tú	Trinh	03/3/1984	274/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1958	Nguyễn Thị	Nhàn	1983	274/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1959	Trần Thị Tuyết	Mai	16/4/1979	275/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1960	Huỳnh Thị Thảo	Ly	1981	275/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1961	Lê Ngọc	Quý	05/9/1992	276/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1962	Phạm Thị Anh	Đào	1967	276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1963	Phạm Thị Thu	Nga	22/3/1992	277/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1964	Hồ Văn	Phổ	1986	277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1965	Hồ Thiên	Phương	01/7/1982	278/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1966	Nguyễn Thùy	Dung	1983	278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1967	Trần Thị Ngân	Trúc	26/10/1975	279/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1968	Trần Thị Kim	Ngân	1988	279/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1969	Nguyễn Thị Thu	Tuyền	1989	28/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1970	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1979	28/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1971	Đặng Thị Phương	Thảo	21/11/1994	280/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1972	Huỳnh Ngọc	Diệu	1988	280/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1973	Phạm Thị Cẩm	Cuồng	02/10/1983	281/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1974	Nguyễn Thị Phụng	Kiều	1972	281/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1975	Trần Thị Kim	Ngân	29/9/1993	282/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1976	Nguyễn Phương	Trang	05/12/1992	283/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1977	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	1987	283/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1978	Nguyễn Thị Trúc	Linh	15/9/1985	284/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1979	Nguyễn Chí	Hải	1983	284/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1980	Trần Thị Mai	Phương	12/12/1988	285/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1981	Nguyễn Thị	Sáng	1965	285/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1982	Phạm Ngọc	Trang	08/6/1973	286/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1983	Lê Thị Thúy	Nguyệt	1967	286/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1984	Nguyễn Chí	Linh	13/02/1991	287/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1985	Nguyễn Hồng	Yên	1989	287/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1986	Hồ Thị Ngọc	Lý	05/8/1995	288/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1987	Lê Thị Hồng	Thu	1973	288/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1988	Phạm Nguyễn Hồng	Ri	28/6/1994	289/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1989	Nguyễn Quang	Rạng	1978	289/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1990	Đoàn Thanh	Trúc	31/8/1989	29/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc
1991	Đào Trường	Xuân	1986	29/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1992	Lê Phước	Lộc	19/10/1990	290/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1993	Huỳnh Thị Thanh	Hồng	1975	290/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
1994	Phan Mỹ	Tiên	20/9/1989	291/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1995	Hứa Văn	Mười	1979	291/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1996	Nguyễn Mộng	Thu	03/01/1967	292/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1997	Nguyễn Kim	Tuyền	1967	292/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1998	Lê Mỹ	Duy	25/01/1993	293/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1999	Nguyễn Thị Thu	Hằng	1986	293/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2000	Lê Thị Mỹ	Tiên	27/7/1993	294/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2001	Trần Vũ	Phương	1987	294/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2002	Nguyễn Thị Kim	Yến	27/8/1995	295/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2003	Nguyễn Thị Thu	Diễm	1987	295/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2004	Quách Vinh	Thạch	01/01/1991	296/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2005	Đỗ Thị Thu	Hà	1983	296/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2006	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1987	297/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2007	Phạm Thị Kiều	Oanh	1990	297/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2008	Trần Thị	Diệu	24/9/1995	298/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2009	Nguyễn Hồng	Quyên	1988	298/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2010	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/6/1971	299/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2011	Châu Thị	Tuyết	1984	299/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2012	Phạm Thị Mỹ	Lệ	20/8/1991	30/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
2013	Võ Thị Ngọc	Giàu	1984	30/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2014	Trương Yến	Nhi	25/11/1995	300/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2015	Nguyễn Thanh	Nhàn	1985	300/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2016	Nguyễn Thị Kim	Cương	1992	301/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2017	Nguyễn Minh	Xuyên	1986	301/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2018	Trương Phúc	Thuận	22/01/1995	302/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2019	Đặng Thanh	Hà	1976	302/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2020	Hồ Thị	Huyền	03/3/1989	303/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2021	Lê Thị	Quy	1967	303/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2022	Trần Bình	Trọng	10/12/1984	304/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2023	Trần Kim	Ngân	1989	305/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2024	Đoàn Thanh	Son	1981	305/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2025	Đoàn Thị Tố	Loan	09/7/1983	306/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2026	Đỗ Ngọc	Thủy	1980	306/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2027	Nguyễn Thị Diễm	Phương	1984	307/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2028	Đỗ Trọng	Hiệp	1987	307/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2029	Nguyễn Hữu	Thành	07/02/1993	308/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2030	Khuru Thị Giao	Linh	1979	308/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2031	Phạm Lý	Tường	20/01/1988	309/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2032	Nguyễn Kim	Ngọc	1985	309/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2033	Nhan Minh	Trí	11/10/1991	31/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
2034	Lê Nguyễn Thanh	Hải	1986	31/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2035	Đình Công	Toàn	19/01/1994	310/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2036	Nguyễn Huỳnh Thu	Tâm	1989	310/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2037	Huỳnh Thị Dịu	Vàng	08/8/1994	311/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2038	Hồ Thị Cẩm	Vân	1983	311/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2039	Nguyễn Vũ Hoàng	Trang	06/02/1991	312/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2040	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1981	312/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2041	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	08/3/1990	313/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2042	Nguyễn Thị	Nhịp	1981	313/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2043	Phạm Thị Ngọc	Diễm	10/7/1985	314/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2044	Phan Văn	Lắm	1984	314/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2045	Đặng Thị Ngọc	Diễm	13/10/1982	315/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2046	Lê Hoàng Trúc	Lâm	19/01/1989	316/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2047	Lê Huỳnh Tú	Thi	1986	316/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2048	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	09/01/1991	317/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2049	Huỳnh Thị	Hường	1978	317/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2050	Lê Thị Thanh	Lan	10/4/1992	318/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2051	Mai Văn	Khải	1954	318/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2052	Lê Thị Phượng	Hằng	20/11/1994	319/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2053	Trần Duy	Trinh	1977	319/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2054	Nguyễn Thị Ngọc	Lành	02/5/1990	32/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2055	Phạm Kim	Loan	1985	32/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2056	Nguyễn Thanh	Liêm	1975	320/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2057	Nguyễn Thị	Phi	1960	320/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2058	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/4/1982	321/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2059	Nguyễn Vĩnh	Hải	1965	321/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2060	Trần Thị Viễn	Khuyên	08/11/1990	322/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2061	Nguyễn Thị	Nhuồng	1980	322/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2062	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/7/1993	323/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2063	Bùi Ngọc	Duyên	1991	323/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2064	Nguyễn Minh	Hải	1977	324/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2065	Trần Thị Thu	Trang	1982	324/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2066	Nguyễn Văn	Thuận	13/11/1979	325/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2067	Trần Minh	Trí	1989	325/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2068	Võ Thị Mỹ	Duyên	05/5/1980	326/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2069	Nguyễn Thị	Huê	1983	326/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2070	Trần Thị Thùy	Dương	08/9/1994	327/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2071	Mai Thị Mỹ	Dung	1967	327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2072	Lê Thị Ngọc	Như	15/5/1995	328/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2073	Nguyễn Thị	Thanh	1982	328/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2074	Ngô Thanh	Phương	20/11/1987	329/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2075	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	1990	329/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2076	Trần Thị Thanh	Tuyền	01/01/1984	33/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2077	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	25/7/1994	330/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2078	Phan Quang	Nhật	1988	330/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2079	Hoàng Thị Quỳnh	My	11/9/1994	331/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2080	Phạm Ngọc	Thúy	1968	331/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2081	Lê Kim	Sang	14/11/1982	332/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2082	Hà Thị	Thu	1976	332/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2083	Đình Minh	Huy	06/02/1987	333/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2084	Trần Thị	Thu	1980	333/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2085	Nguyễn Thị	Liên	02/8/1974	334/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2086	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	1989	334/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2087	Đặng Văn	Nghĩa	1987	335/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2088	Nguyễn Thanh	Hoài	1987	335/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2089	Trần Văn	Ngon	22/10/1992	336/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2090	Nguyễn Thanh	Tài	1987	336/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2091	Trần Hữu	Thiện	1974	337/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2092	Nguyễn Thanh	Tuấn	1987	337/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2093	Mai Thị Thu	Ba	18/5/1985	338/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2094	Nguyễn Thành	Thảo	19/11/1985	339/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2095	Trần Kim	Hoàng	1954	339/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2096	Ngô Hoàng	Anh	12/5/1985	34/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2097	Trần Hữu	Nghĩa	1987	34/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2098	Nguyễn Thị	Thom	10/01/1986	340/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2099	Bùi Nguyễn Cẩm	Tú	1983	340/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2100	Đỗ Minh	Huệ	11/11/1972	341/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2101	Huỳnh Thị	Thúy	1988	341/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2102	Võ Thị Kim	Liên	16/7/1970	342/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2103	Trần Thị	Diễm	1984	342/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2104	Nguyễn Ngọc	Ánh	10/9/1991	343/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2105	Ngô Cao	Quát	1960	343/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2106	Huỳnh Tú	Loan	06/9/1989	344/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2107	Trần Thị Minh	Diễm	19/11/1993	345/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2108	Võ Hữu	Chí	1989	345/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2109	Lê Thị Hồng	Nhiên	07/10/1993	346/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2110	Trần Thị Ngọc	Bích	1982	346/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2111	Lê Thị Quỳnh	Thư	11/3/1985	347/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2112	Võ Phúc	Hữu	1988	347/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2113	Hồ Thị Thúy	An	15/6/1991	348/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2114	Diệp Hồng	Tân	1985	348/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2115	Huỳnh Ngọc	Cương	02/10/1990	349/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2116	Lương Thị Bé	Mười	1978	349/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2117	Phùng Thanh	Thương	18/01/1994	35/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2118	Trần Kim	Quyển	1956	35/ĐT- CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2119	Đàm Tuyết	Nhung	1984	350/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2120	Phan Thành	Thuận	1980	350/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2121	Trầm Phước	Hường	16/9/1993	351/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2122	Nguyễn Lê Thu	Hà	1975	351/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2123	Nguyễn Thị	Ghi	20/12/1994	352/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2124	Lê Thị Hồng	Hoa	1988	353/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2125	Bùi Thanh	Phong	1972	353/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2126	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	25/9/1995	354/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2127	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1983	354/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2128	Nguyễn Quốc	Nam	24/9/1988	355/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2129	Hồ Thị Ngọc	Trang	1985	355/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2130	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	02/3/1994	356/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2131	Đặng Minh	Nhật	1981	356/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2132	Trương Sơn	Vững	08/6/1991	357/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2133	Trần Thị	Liên	1975	357/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2134	Nguyễn Văn	Lợi	1987	358/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2135	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1989	358/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2136	Huỳnh Thị Minh	Thư	16/3/1983	359/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2137	Võ Thị Lệ	Huyền	1968	359/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2138	Trần Phương	Thảo	01/5/1993	36/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2139	Võ Thị Thanh	Lan	1978	36/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2140	Nguyễn Trường	Thi	28/7/1996	360/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2141	Trần Nhật	Linh	1987	360/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2142	Nguyễn Thị	Hiệp	27/4/1983	361/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2143	Nguyễn Xinh	Nguyên	1980	361/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2144	Đỗ Thị Thanh	Hương	02/4/1991	362/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2145	Lê Thị Anh	Đào	1988	362/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2146	Trần Thanh	Triều	20/7/1985	363/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2147	Lê Văn	Nu	1982	363/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2148	Võ Kim	Ngân	14/02/1994	364/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2149	Nguyễn Kim	Uyên	1991	364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2150	Huỳnh Thị Diễm	Trang	24/3/1989	365/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2151	Trần Đỗ Mộng	Huyền	1986	365/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2152	Trần Thị Mỹ	Tiên	03/4/1992	366/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2153	Huỳnh Kim	Đón	1988	366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2154	Lê Ngọc Mỹ	Duyên	16/6/1994	367/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2155	Đặng Hồng	Thắm	1986	367/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2156	Phạm Ngọc	Thơ	12/5/1972	368/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2157	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	1984	368/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2158	Lê Thu	Thảo	08/11/1994	369/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2159	Lương Thị	Kiều	1976	369/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2160	Trần Thị Bích	Tuyền	27/8/1987	37/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2161	Huỳnh Thanh	An	28/10/1993	370/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2162	Nguyễn Văn	Thông	1967	370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2163	Nguyễn Thị Trúc	Phương	02/11/1993	371/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2164	Đào Thanh	Thái	1989	371/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2165	Võ Thị Ngọc	Huyền	24/8/1993	372/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2166	Nguyễn Trung	Cang	1978	372/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2167	Trần Thị Ngọc	Anh	01/02/1987	373/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2168	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	1968	373/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2169	Nguyễn Diễm	Phú	20/02/1986	374/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2170	Nguyễn Quốc Trung	Vinh	1981	374/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2171	Trần Thị Bích	Ngọc	10/11/1994	375/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2172	Nguyễn Trung	Phú	1957	375/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2173	Trần Thanh	Vân	18/01/1989	376/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2174	Võ Thị Hồng	Thảo	1988	376/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2175	Nguyễn Kim	Hiền	20/9/1991	377/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2176	Lê Thị Diệu	Hiền	1970	377/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2177	Nguyễn Thanh	Tuyền	22/02/1990	378/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2178	Phạm Phước	Trung	07/5/1983	379/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2179	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	1988	379/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2180	Nguyễn Thị Trúc	Phương	19/01/1992	38/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2181	Trần Thị	Thúy	1967	38/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2182	Trần Thị Hương	Thủy	17/8/1990	380/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2183	Nguyễn Thị Mai	Nương	1982	380/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2184	Nguyễn Thanh	Dũng	26/5/1984	381/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2185	Thái Thanh	Lợi	1984	381/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2186	Đặng Thu	An	18/8/1981	382/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2187	Nguyễn Chí	Linh	1982	382/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2188	Nguyễn Thị Trúc	Hà	15/3/1993	383/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2189	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1982	383/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2190	Võ Trần	Chí	06/11/1993	384/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2191	Phạm Thị Bích	Hạnh	1980	384/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2192	Trần Thị Trúc	Mai	10/3/1994	385/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2193	Nguyễn Văn	Bánh	1986	385/ĐT- CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc
2194	Lê Trọng	Nghĩa	1970	386/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2195	Ngô Diễm	Thúy	21/02/1967	387/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2196	Bùi Thị Mỹ	Hương	1982	387/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2197	Phạm Thị Hương	Sen	1982	388/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2198	Trần Thị Đoan	Trang	30/10/1986	389/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2199	Nguyễn Trọng	Tín	1980	389/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2200	Trần Thị Hương	Giang	06/6/1993	39/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2201	Lê Nhã	An	1983	39/ĐT- CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2202	Võ Thị Thùy	Trang	1992	390/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2203	Phạm Thành	Dương	1984	390/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2204	Nguyễn Hiếu	Thuận	25/06/1979	391/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2205	Lê Thị Ngọc	Dung	1976	391/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2206	Trương Thị Thanh	Tâm	02/12/1985	392/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2207	Võ Hoàng	Nhanh	1980	392/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2208	Nguyễn Minh	Nhi	19/12/1987	393/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2209	Nguyễn Mỹ	Phượng	1979	393/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2210	Nguyễn Thị Xuân	Vinh	27/01/1983	394/CCHN- D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2211	Nguyễn Hồng	Thoại	1982	394/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2212	Dương Kim	Cúc	15/03/1984	395/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2213	Phạm Ngọc	Ảnh	1986	395/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2214	Phạm Nguyễn Thanh	Liêm	04/8/1992	396/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2215	Trần Hoài	Hận	1981	396/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2216	Trần Nguyễn Bình	An	03/4/1981	397/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2217	Bùi Thanh	Tuyền	1986	397/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2218	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	16/02/1989	398/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2219	Nguyễn Hải	Đăng	1985	399/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2220	Lê Thanh	Bách	1990	399/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2221	Trần Thị Tuyết	Nhung	13/9/1982	40/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2222	Lê Thị Tường	Vi	1983	40/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2223	Nguyễn Phở	Vân	1993	400/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2224	Trần Phạm Huy	Vũ	1964	400/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2225	Trần Phúc Diễm	Trinh	28/8/1993	401/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2226	Nguyễn Thị Bích	Ngân	1976	401/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2227	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1986	402/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2228	Phạm Sơn	Giang	1983	402/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2229	Nguyễn Minh	Thông	25/11/1990	403/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2230	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	1980	403/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2231	Đỗ Thị	Lụa	15/7/1993	404/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2232	Nguyễn Thị Phương	Trang	1979	404/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2233	Phan Minh	Hòa	04/10/1991	405/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2234	Phạm Nguyên Ánh	Ngọc	1977	405/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2235	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	26/9/1993	406/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2236	Nguyễn Tấn	Đạt	1984	406/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2237	Trần Thị An	Trinh	07/6/1978	407/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2238	Ngô Ngọc	Muội	08/5/1994	408/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2239	Nguyễn Xuân	Lan	1984	408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2240	Phạm Thị Kiều	Mai	1981	409/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2241	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	1982	409/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2242	Trương Phước	Điền	20/6/1981	41/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2243	Trần Thanh	Phong	1973	41/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2244	Ngô Hồng	Son	1980	410/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2245	Phạm Kim	Ngọc	1986	410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2246	Trương Duy	Nhân	22/5/1977	411/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2247	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	1984	411/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2248	Phạm Thị	Giàu	1980	412/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2249	Nguyễn Ngọc	Duyên	1981	412/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2250	Hồ Thị Kim	Hương	18/11/1970	413/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2251	Trần Thị Hồng	Phượng	1978	413/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2252	Hà Thị	Hiếu	20/6/1990	414/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2253	Huỳnh Chí	Hiếu	1974	414/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2254	Nguyễn Thị	Đúng	1963	415/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2255	Bùi Thị	Lợi	1959	415/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2256	Võ Thị Thu	Bích	22/4/1983	416/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2257	Đặng Minh	Son	1983	416/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2258	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	19/5/1991	417/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2259	Lê Nguyễn Huỳnh	Anh	1990	417/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2260	Tô Nữ Ngọc	Trinh	28/5/1982	418/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2261	Nguyễn Đào Tường	Vân	1981	418/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2262	Đặng Thị Hồng	Vân	17/9/1993	419/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2263	Đặng Hoàng	Anh	1987	419/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2264	Phan Thị Kim	Thùy	20/5/1991	42/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2265	Nguyễn Thị	Thoa	1970	42/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2266	Nguyễn Văn	Thuận	13/8/1977	420/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2267	Huỳnh Thị Sen	Hồng	1988	420/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2268	Phạm Thị Thanh	Loan	27/4/1984	421/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2269	Lê Thị Lâm	Chúc	1986	421/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2270	Trần Thị Thu	Hường	15/9/1976	422/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2271	Phan Đại	Lãnh	1988	422/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2272	Dương Minh	Hiếu	10/10/1970	423/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2273	Nguyễn Bá	Tổng	1964	423/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2274	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	15/8/1994	424/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2275	Huỳnh Anh	Kiệt	1983	424/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2276	Nguyễn Hồ Xuân	Thanh	28/10/1995	425/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2277	Lê Văn	Toàn	20/5/1974	426/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2278	Nguyễn Thị Vân	Nhi	21/12/1993	427/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2279	Võ Thị Cẩm	Trinh	1980	427/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2280	Nguyễn Thị Ngân	Hà	24/11/1990	428/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2281	Phùng Khắc	Minh	1951	428/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2282	Đỗ Chiêu	Bình	09/6/1992	429/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2283	Nguyễn Thị Anh	Đào	1980	429/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2284	Nguyễn Thái	Thọ	16/12/1987	43/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2285	Đoàn Văn	Hải	1969	43/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2286	La Tấn	Dũng	06/3/1973	430/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2287	Nguyễn Văn	Tỷ	1969	430/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2288	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/12/1987	431/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2289	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1978	431/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2290	Huỳnh Tiểu	Phương	20/11/1995	432/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2291	Trần Phúc Vinh	Quang	1990	432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2292	Lê Trung	Nguyên	16/7/1995	433/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2293	Đỗ Thị Ngọc	Thơ	1981	433/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2294	Võ Thị	Tuyền	01/01/1993	434/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2295	Nguyễn Thị Kim	Quyên	1985	434/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2296	Nguyễn Kim Hương	Thảo	29/7/1990	435/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2297	Trần Thị Thu	Thùy	1984	435/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2298	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	07/5/1989	436/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2299	Nguyễn Thị Thanh	Bình	1985	436/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2300	Nguyễn Mai Ngọc	Uyên	01/7/1993	437/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2301	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1987	437/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2302	Lê Thị	Thủy	01/01/1967	438/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2303	Nguyễn Phát	Huy	1987	438/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2304	Nguyễn	Dũng	02/4/1986	439/CCHN- D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2305	Bùi Thanh	Thúy	1981	439/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2306	Cao Phước	Hải	02/3/1973	44/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2307	Lê Thị Hồng	Vân	1985	44/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2308	Bùi Thị Diễm	Thu	10/12/1979	440/CCHN- D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
2309	Lê Thị Kim	Cương	1990	440/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2310	Nguyễn Thanh	Thuần	21/03/1982	441/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2311	Nguyễn Thị Diễm	Tú	1990	441/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2312	Võ Trí	Thông	1972	442/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2313	Đỗ Anh	Mỹ	1969	442/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2314	Phạm Thị Thanh	Phương	20/11/1994	443/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2315	Đỗ Thị	Kiều	1985	443/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2316	Nguyễn Quang	Hiền	17/01/1975	444/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2317	Phan Thị Thùy	Dương	1984	444/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2318	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/11/1995	445/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2319	Trần Hoàng	Lâm	1985	445/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2320	Võ Minh	Thư	31026	446/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2321	Vũ Thị	Hiền	1967	446/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2322	Trần Thị Thúy	Huỳnh	31099	447/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2323	Phạm Hồng	Ngọc	1983	447/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2324	Nguyễn Thị	Đến	30661	448/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2325	Lê Hoàng	Lý	1986	448/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2326	Ngô Minh	Nhật	33595	449/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2327	Quách Thị	Gết	1974	449/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2328	Trần Lê Ngọc	Tuyền	09/6/1975	45/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2329	Trần Thị Ngọc	Dung	1979	45/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2330	Nguyễn Xuân	Trương	34165	450/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2331	Lý Ngọc	Quyên	1988	450/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2332	Mai Thị	Hồng	31175	451/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2333	Nguyễn Võ Đại	Hải	1985	451/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2334	Nguyễn Thanh	Thúy	31628	452/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2335	Trần Thị Mai	Xuân	1985	452/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2336	Trần Thị Tiểu	Mai	34510	453/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2337	Huỳnh Nhật	Phong	1989	453/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2338	Lê Thị Mai	Quyên	35122	454/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2339	Võ Thị	Thừa	1986	454/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2340	Huỳnh Thị	Hồng	29587	455/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2341	Nguyễn Trọng	Nhân	1985	455/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2342	Nguyễn Thị Bảo	Yến	1993	456/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2343	Lê Qui	Kỳ	1984	456/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2344	Lâm Lê	Hân	33350	457/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2345	Bùi Thị	Nhạn	1953	457/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2346	Nguyễn Thị Bé	Huệ	33031	458/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2347	Trương Minh	Tuyết	1973	458/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2348	Phạm Thị Thúy	Ngọc	35102	459/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2349	Lâm Tấn	Trung	1970	459/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2350	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	18/3/1992	46/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2351	Trần Minh	Tiến	34546	460/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2352	Đoàn Nguyễn Thanh	Vũ	1985	460/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2353	NGUYỄN THÀNH	NAM	20/5/1978	461/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2354	Nguyễn Tấn	Khoa	1976	461/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2355	Lê Thị Kim	Sua	32373	462/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2356	Hà Minh	Trung	1986	462/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2357	Phan Thị Tuyết	Trinh	1975	463/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2358	Võ Thị	Linh	1984	463/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2359	Mai Thị Mỹ	Tiên	33655	464/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2360	Lê Thị Ý	Nhi	34818	465/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2361	Huỳnh Thị Nguyệt	Ánh	1958	465/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2362	Phạm Thị Thùy	Trang	34994	466/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2363	Trần Anh	Tuấn	34198	467/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2364	Phạm Thị Thúy	Hằng	1978	467/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2365	Võ Thụy Thùy	Linh	30595	468/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2366	Hồ Thị Thanh	Phương	1984	468/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2367	Lê Thị Hồng	Gấm	31581	469/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2368	Lê Văn Nhã	Phương	1980	469/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2369	Nguyễn Hồng	Thúy	27/6/1967	47/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2370	Nguyễn Thanh	Ngân	1985	47/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2371	Lê Thị Ánh	Thương	34566	470/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2372	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	1984	470/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2373	Nguyễn Thị Anh	Thư	32943	471/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2374	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1990	471/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2375	Nguyễn Hồ Diễm	My	33322	472/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2376	Nguyễn Thị	Thắm	1988	472/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2377	Trần Thị Mai	Hiền	32273	473/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2378	Võ Khắc	Duy	1982	473/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2379	Đồng Nguyễn Tường	Vy	34068	474/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2380	Lê Thị Trúc	Duyên	1988	474/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2381	Trần Thị Ngọc	Thảo	30882	475/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2382	Võ Thị Cẩm	Tuyết	1988	475/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2383	Đặng Kim	Anh	33155	476/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2384	Lý Kim	Lán	1982	476/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2385	Tạ Kiều Phương	Trang	1987	477/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2386	Lý Tài	Lén	1984	477/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2387	Trương Thanh	Tuyết	34311	478/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2388	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	1986	478/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2389	Nguyễn Thị	Thủy	1968	479/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2390	Phan Thành	Phong	1988	479/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2391	Phan Nguyễn Hoài	Vũ	25/8/1987	48/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2392	Nguyễn Tấn	Dũng	1978	48/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2393	Nguyễn Ngọc	Ấn	1982	480/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2394	Đinh Thị Thúy	Ngân	33728	481/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2395	Hà Thu	Huỳnh	1986	481/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2396	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	31600	482/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2397	Nguyễn Thị Kim	Châu	1975	482/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2398	Lê Tú	Trinh	31361	483/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2399	Võ Thị Thu	Trang	1988	483/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2400	Đặng Thị Hồng	Ngân	30913	484/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2401	Nguyễn Ngọc	Thủy	1979	484/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2402	Ung Phước	Mỹ	33846	485/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2403	Mật Bích	Ảnh	1964	485/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2404	Nguyễn Thị Kim	Anh	34651	486/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2405	Võ Thị	Ngọt	1977	486/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2406	Nguyễn Ngọc	Hiếu	34221	487/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2407	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1980	487/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2408	Nguyễn Văn	Hồng	29576	488/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2409	Chung Hữu	Khá	33887	489/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2410	Chung Ngọc	Hồ	1985	489/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2411	Trần Thị Quế	Anh	12/02/1991	49/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2412	Huỳnh Minh	Triết	1970	49/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2413	Lê Huỳnh Thúy	Ngọc	34376	490/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2414	Lê Thị Minh	Ý	1984	490/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2415	Nguyễn Thị Thúy	Vân	24987	491/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2416	Thạch Quý	Sane	1981	492/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2417	Trần Ngọc	Hòa	1965	492/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2418	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	27/5/1994	493/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2419	Hoàng Hà Duy	Thanh	1985	493/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2420	Võ Thị Hồng	Việt	04/11/1985	494/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2421	Quách Thị Mộng	Tuyền	1970	494/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2422	Võ Văn	Bay	1970	495/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2423	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1981	495/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2424	Thái Thùy	Nga	31544	496/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2425	Mai Thị Cẩm	Linh	1972	496/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2426	Tô Ngọc Như	Mai	34020	497/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2427	Nguyễn Văn	Đô	1982	497/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2428	Nguyễn Minh	Tân	34018	498/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2429	Ngô Thị Xuân	Hương	1970	498/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2430	Nguyễn Thị Kim	Ngân	34056	499/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2431	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1988	499/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2432	Võ Thị Bảo	Hồng	08/9/1995	50/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2433	Nguyễn Hoàng	Trinh	1984	50/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2434	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	34900	500/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2435	Nguyễn Thị Trúc	Đào	1990	500/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2436	Nguyễn Thị Thu	Cúc	08/02/1966	501/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2437	Phạm Đức	Vinh	1986	501/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2438	Võ Thị Ngọc	Thủy	09/8/1982	502/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2439	Nguyễn Hồng	Thái	1990	502/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2440	Nguyễn Thị	Em	1973	503/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2441	Huỳnh Văn	Thảo	1985	503/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2442	Mai Thị	Thắm	1976	504/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2443	Nguyễn Thị	Diễm	1970	504/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2444	Nguyễn Thị	Nhị	10/11/1988	505/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2445	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	1983	505/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2446	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	24/12/1996	506/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2447	Nguyễn Minh	Dương	1982	506/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2448	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1980	507/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2449	Ngô Thị Tuyết	Nhung	1984	507/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2450	Lê Hoàng	Trung	14/3/1978	508/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2451	Tô Cẩm	An	1967	508/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2452	HUỖNH	TRÂM	18/02/1984	509/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2453	Đào Thị Thùy	Trang	1981	509/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2454	Hồ Văn	Lập	1984	51/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2455	Dương Thị Phong	Lan	1978	51/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2456	Nguyễn Tường	Duy	25/12/1991	510/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2457	Đặng Thị Kim	Nha	1984	510/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2458	Nguyễn Ngọc Bảo	An	02/9/1993	511/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2459	Trần Tuấn	Khải	1980	511/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2460	Trần Trung	Trực	20/8/1993	512/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2461	Trần Kiều	Nga	1984	512/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2462	Phạm Trần Mai	Vi	14/7/1980	513/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2463	Trần Thị Mai	Lan	1952	513/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2464	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	19/5/1992	514/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2465	Đỗ Nguyễn Thúy	Vi	1982	514/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2466	Trần Thị Kim	Loan	23/2/1987	515/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2467	Dương Thị Xuân	Huyền	1967	515/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2468	Nguyễn Lam	Thanh	11/6/1993	516/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2469	Nguyễn Trọng	Nguyên	1966	516/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2470	Trần Quốc	Chiến	27/3/1993	517/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2471	Nguyễn Huỳnh Thu	Vân	1991	517/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2472	Phạm Thị Ngọc	Ngân	16/4/1993	518/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2473	Trương Ngọc	Thiện	1972	518/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2474	Nguyễn Thị Anh	Thảo	10/9/1973	519/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
2475	Trương Trị	Thanh	1956	519/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2476	Nguyễn Thị	Ngọc	10/7/1987	52/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2477	Huỳnh Thị Huyền	Anh	1985	52/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2478	Cao Hồng	Thắm	20/8/1992	520/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2479	Quách	Ái	1960	520/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2480	Trần Thị Kiều	Diễm	1993	521/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2481	Trương Thanh	Hùng	1959	521/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2482	Nguyễn Thị Thanh	Liên	03/12/1993	522/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2483	Ngô Thị	Dung	1954	522/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2484	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	6/10/1988	523/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2485	Trương Quế	Hoa	1967	523/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2486	Nguyễn Thị Mộng	Phương	11/9/1987	524/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2487	Nghiêm Ái	Quốc	1978	524/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2488	Trần Nguyễn Bích	Ngọc	05/7/1986	525/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2489	Võ Tuấn	Kiệt	1987	525/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2490	Nguyễn Ngọc Minh	Hiếu	01/01/1991	526/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2491	Nguyễn Trung	Hiếu	1987	526/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2492	Lê Phương	Hồng	20/01/1993	527/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2493	Quách Tuyết	Chi	1976	527/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2494	Nguyễn Minh	Pháp	10/12/1982	528/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2495	Lý Thị Nhựt	Phượng	1968	528/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2496	Nguyễn Mộng	Hiền	05/09/1992	529/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2497	Phan Thị	Thủy	1967	529/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2498	Đào Ngọc	Trai	16/5/1991	53/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2499	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1984	53/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2500	Phạm Thị Tú	Quyên	21/01/1994	530/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2501	Nguyễn Trung	Trúc	1969	530/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2502	Từ Thị Cẩm	Tiên	15/8/1993	531/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2503	Lâm Minh	Viễn	1962	531/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2504	Huỳnh Mộng	Tuyền	1985	532/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2505	Nguyễn Thị Huế	Minh	18/09/1995	533/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2506	Võ Thị	Hạnh	1980	533/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2507	Lê Thị Anh	Đào	1981	534/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2508	Trần Thị Ánh	Tuyết	1989	534/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2509	Lê Thị Diệu	Liên	10/7/1995	535/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2510	Lê Thành	Nhơn	1979	535/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2511	Nguyễn Thị Minh	Sương	25/11/1985	536/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2512	Võ Thị Tấn	Thị	1959	536/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2513	Nguyễn Thanh	Vũ	1988	537/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2514	Ngô Hòa	Nhân	1971	537/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2515	Trần Thị Xuân	Định	1995	538/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2516	Phạm Thị Thanh	Hương	1983	538/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2517	Lâm Thị Bạch	Tuyết	25/07/1989	539/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2518	Nguyễn Văn	Phương	1980	539/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2519	Nguyễn Trung	Tín	14/11/1993	54/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2520	Phạm Thị Hồng	Gấm	1988	54/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2521	Lê Thị Bích	Trâm	12/12/1990	540/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2522	Võ Thị Thanh	Nguyệt	1979	540/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2523	Võ Thị Mai	Thảo	29/04/1978	541/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2524	Phan Thị Bích	Phi	10/07/1982	542/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2525	Võ Văn Vũ	Linh	1991	542/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2526	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	25/12/1993	543/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2527	Đặng Thị Trúc	Ly	1989	543/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2528	Nguyễn Văn	Giang	31/12/1991	544/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2529	Bành Thị Thu	Ân	1974	544/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2530	Tổng Hoàng	Dương	21/07/1994	545/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2531	Lương Thị	Mỹ	29/11/1995	546/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2532	Lê Thị	Yếu	1979	546/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2533	Nguyễn Thị Hạ	Quyên	30/9/1993	547/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2534	Cao Thị Minh	Luyến	1983	547/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2535	Vương Nguyễn Yến	Oanh	1984	548/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2536	Nguyễn Thị Thùy	Dung	1982	548/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2537	Phạm Thị	Nga	1970	549/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2538	Huỳnh Thanh	Tuấn	1971	549/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2539	Nguyễn Thị Bé	Ngọc	01/6/1994	55/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2540	Hồ Thị Thanh	Thúy	1987	55/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2541	Nguyễn Thị	Diễm	01/01/1985	550/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2542	Huỳnh Thanh	Hải	1969	550/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2543	Nguyễn Thành	Phương	15/04/1985	551/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2544	Hà Thị Như	Chuyên	30/4/1984	552/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2545	Phan Thị Ngọc	Mút	1988	552/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2546	Huỳnh Văn	Toàn	01/01/1990	553/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2547	Trần Duy	Phương	1984	553/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2548	Võ Thị Hồng	Diệu	30/07/1993	554/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2549	Lâm Thị	Hằng	1983	554/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2550	Lương Thị Ánh	Tuyết	16/03/1993	555/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2551	Lê Nguyễn Tuấn	Anh	1979	555/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2552	Nguyễn Từ Thế	Bảo	24/3/1993	556/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2553	Trần Thị Kim	Oanh	1987	556/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2554	Đỗ Thị Mỹ	Tiếng	1984	557/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2555	Phan Thị Phước	Tâm	1984	557/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2556	Nguyễn Minh Thanh	Uyên	04/8/1992	558/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2557	Phạm Thị Hồng	Vân	1981	558/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2558	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	23/12/1990	559/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2559	Nguyễn Thị Diễm	Hương	04/02/1993	56/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2560	Huỳnh Hoàng Dung	Anh	1979	56/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2561	Đặng Quý	Cường	13/8/1990	560/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2562	Cao Sĩ	Lợi	1977	560/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2563	Lê Thị Bích	Liên	22/7/1989	561/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2564	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	1983	561/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2565	Nguyễn Văn	Hoàng	1967	562/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2566	Huỳnh Thời	Nhiệm	1983	562/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2567	Phạm Thị Kiều	Yên	23/8/1993	563/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2568	Đỗ Thị Mỹ	Hương	1990	563/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2569	Phan Thị Hồng	Diễm	20/01/1986	564/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2570	Võ Thị Như	Thảo	1983	565/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2571	Trương Hoàng	Sử	1962	565/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2572	Nguyễn Phạm Hải	Minh	1991	566/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2573	Cao Văn	Đáng	1965	566/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2574	Nguyễn Kim	Đang	1990	567/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2575	Đoàn Thanh	Ngọc	1987	567/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc
2576	Đoàn Vân	Phụng	1996	568/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2577	Lâm Thị	Hiền	1982	568/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2578	Lê Hoàng	Giang	1984	569/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2579	Phạm Huy	Vũ	1980	569/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2580	Trần Thị Hồng	Hạnh	08/8/1987	57/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2581	Phạm Thị	Sáu	1965	57/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2582	Hồ Phạm Ngọc	Hiền	1971	570/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2583	Nguyễn Đăng	Khoa	1991	570/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2584	Trần Thị Thiên	Trang	09/02/1995	571/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2585	Huỳnh Thị	Nhờ	1979	571/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2586	Huỳnh Phú	Hiền	01/02/1988	572/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2587	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	1981	572/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2588	Nguyễn Văn	Tòng	1969	573/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2589	Võ Văn	Tường	1934	573/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2590	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	10/09/1990	574/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2591	Lê Thị Thu	Hồng	1967	574/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2592	Huỳnh Phước	Sang	1981	575/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2593	Bùi Thị Ngọc	Thanh	1985	575/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2594	Hồ Thế	Cường	1989	576/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2595	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	1969	576/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2596	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	1983	577/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2597	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	1984	577/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2598	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	1990	578/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2599	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1984	578/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2600	Trần Thị Hải	Yến	30/7/1994	579/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2601	Hồ Thị Mỹ	Kim	1987	579/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2602	Ngô Thanh	Sang	12/11/1993	58/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2603	Nguyễn Thanh	Hùng	1978	58/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2604	Nguyễn Thị Huệ	Thanh	08/4/1991	580/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2605	Nguyễn Văn Vĩnh	Thụy	1969	580/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2606	Nguyễn Cao Thanh	Mỹ	18/7/1993	581/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2607	Lâm Minh	An	1948	581/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2608	Nguyễn Thị Diễm	My	18/8/1995	582/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2609	Đỗ Nam	Quan	1973	582/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2610	Lý Thị	Trang	1996	583/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2611	Hồ Thị Bạch	Vân	1969	583/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2612	Lý Quế	Nhi	03/10/1986	584/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2613	Mai Phương	Hồng	1988	584/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2614	Lý Ngọc	Trâm	29/9/1992	585/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2615	Lê Thị Minh	Tâm	1988	585/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2616	Nguyễn Thị Tường	Vân	02/5/1994	586/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2617	Nguyễn Thị Kim	Thúy	1960	586/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2618	Lê Thị Xuân	Mai	25/01/1981	587/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2619	Nguyễn Thị Hồng	Nga	1965	587/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2620	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh	1981	588/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2621	Nguyễn Thành	Long	1977	588/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2622	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	1977	589/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2623	Nguyễn Thị	Khoán	1989	589/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2624	Lê Ngọc	Trinh	08/3/1990	59/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2625	Nguyễn Thị	Loan	1979	59/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2626	Lương Thị Cẩm	Thu	14/02/1975	590/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2627	Nguyễn Thị Kim	Hậu	1988	590/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2628	Hồ Lê Bảo	Ngọc	15/9/1993	591/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2629	Đặng Hữu	Hòa	1988	591/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2630	Ngô Đắc	Tâm	25/6/1993	592/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
2631	Trần Minh	Thùy	1989	592/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2632	Nguyễn Ngọc	Hà	19/10/1993	593/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2633	Lê Thị Thuý	Mỹ	17/11/1993	594/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2634	Lê Phạm Đỗ	Quyên	1987	594/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2635	Nguyễn Lê Tường	Vi	10/8/1993	595/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2636	Nguyễn Trần	Chinh	1987	595/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2637	Nguyễn Văn	Thành	29/3/1988	596/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2638	Lê Thị Ngọc	Hân	1983	596/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2639	Hồ Thị Xuân	Mai	01/8/1987	597/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2640	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	1982	597/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2641	Nguyễn Thị	A	1968	598/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2642	Nguyễn Hoàng	Phúc	1988	598/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2643	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	25/9/1996	599/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2644	Nguyễn Thị	Phi	1985	599/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2645	LÊ CÔNG	TRẠNG	12/10/1981	60/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2646	Tổng Thị	Chơn	1965	60/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2647	Nguyễn Lê Anh	Hậu	1983	600/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2648	Ngô Thế	Dinh	1984	600/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2649	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	10/3/1993	601/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2650	Phạm Văn	Vũ	1988	601/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2651	Nguyễn Hoàng	Giang	1987	602/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2652	Trương Thị	Xiêu	1978	602/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2653	Võ Phước	Toàn	08/6/1992	603/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2654	Cao Thị	Hạnh	1979	603/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2655	Nguyễn Hải	Đặng	1991	604/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2656	Nguyễn Văn	Biển	1969	604/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2657	Nguyễn Phước	Thuận	24/8/1993	605/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2658	Nguyễn Văn Kế	Tám	1961	605/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2659	Nguyễn Đắc	Thắng	20/11/1983	606/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2660	Huỳnh Trung	Chánh	1947	606/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2661	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	19/11/1989	607/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2662	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1968	607/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2663	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	1985	608/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2664	Nguyễn Văn	Hòa	1981	608/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2665	Đình Văn	Chí	1986	609/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2666	Trần Văn	Hùng	1975	609/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2667	Trần Trọng	Nhân	11/8/1989	61/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2668	Nguyễn Trọng	Hiếu	1986	61/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2669	Nguyễn Ngọc	Nhị	15/11/1981	610/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2670	Nguyễn Đăng	Hiếu	1986	610/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2671	Nguyễn Thị Bích	Ngân	1986	611/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2672	Lê Thị Hồng	Hà	1985	611/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2673	Lê Khánh	Dương	24/7/1993	612/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2674	Võ Thị	Hạnh	1984	612/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2675	Nguyễn Thị	Nhanh	05/10/1966	613/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2676	Lý Văn	Dũ	1984	613/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2677	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	15/9/1987	614/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2678	Trần Trung	Hiếu	1986	614/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2679	Nguyễn Tấn	Khương	1985	615/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2680	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	1983	615/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2681	Lê Thị Tường	Vi	25/9/1991	616/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2682	Nguyễn Thành	Tuân	1982	616/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2683	Lê Thị Thiên	Thảo	15/02/1994	617/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2684	Nguyễn Văn	Pho	1983	617/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2685	Thái Thị Thoại	Hoa	20/8/1994	618/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2686	Lê Thị	Xuân	1986	618/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2687	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	07/3/1994	619/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2688	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	1982	619/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2689	Bùi Thị Ngọc	Trinh	22/11/1983	62/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc
2690	Cao Quốc	Việt	1982	62/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2691	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	09/02/1992	620/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2692	Phạm Thị Vũ	Hoàng	26/11/1963	621/CCHN- D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2693	Nguyễn Thị	Thững	1960	621/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2694	Kiều Minh	Tuấn	29/01/1987	622/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2695	Vương Thái	Qui	1982	622/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2696	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1985	623/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2697	Trần Văn	Đàn	1967	623/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2698	Nguyễn Phước	Tài	19/02/1992	624/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2699	Phan Thị	Nhớ	1988	624/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2700	Nguyễn Lê Bảo	Trân	22/09/1994	625/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2701	Huỳnh Quang	Đạo	1990	625/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2702	Lại Hoàng	Mai	1967	626/CCHN- D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc (dược chất, tá dược, vỏ nang)
2703	Nguyễn Hoàng	Giang	1988	626/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2704	Lâm Hoàng	Thơ	01/10/1993	627/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2705	Nguyễn Văn	Theo	1985	627/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2706	Phù Thị Thư	Thư	11/8/1994	628/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2707	Phạm Thị Kiều	Diễm	1967	628/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2708	Đoàn Hữu	Phước	11/10/1990	629/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2709	Nguyễn Bích	Hiền	1982	629/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2710	Nguyễn Thanh	Thùy	1980	63/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc
2711	Trương Hữu	Nhân	20/6/1987	630/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2712	Nguyễn Phúc	Thịnh	03/5/1989	631/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2713	Bùi Thị Hoàng	Yến	1989	631/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2714	Huỳnh Thị	Liều	06/6/1964	632/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2715	Hoàng Thị	Lê	1975	632/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2716	Lê Thu	Minh	06/9/1987	633/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
2717	Nguyễn Lâm Hiếu	Thảo	03/11/1993	634/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2718	Bùi Duy	Linh	20/8/1993	635/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2719	Nguyễn Kiều	Nhung	1983	635/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2720	Trần Thành	Phúc	12/12/1990	636/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2721	Đỗ Minh	Vương	1987	636/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc
2722	Nguyễn Ngân	Giang	1988	637/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2723	Trần Mỹ	Ngọc	1953	637/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2724	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	20/4/1992	638/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2725	Lê Thị Bích	Nga	1982	638/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2726	Đỗ Hữu	Lộc	17/8/1989	639/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2727	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	1970	639/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2728	Bùi Thị Tổ	Nga	10/8/1956	64/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2729	Trần Thời	Nhược	1972	64/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2730	Nguyễn Hữu Phú	Quốc	1989	640/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2731	Huỳnh Phước	Nguyên	1986	640/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2732	Vương Trường	Viên	9/11/1985	641/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2733	Lý Thị Mỹ	Loan	1981	642/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2734	Nguyễn Tiến	Đạt	1984	642/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2735	Nguyễn Bá	Trường	15/02/1983	643/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2736	Phan Ngọc	Xuyến	1984	643/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2737	Nguyễn Bùi Thảo	Nguyên	04/07/1996	644/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2738	Trương Duy	Khánh	1986	644/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2739	Huỳnh Nguyễn Đông	Oanh	1983	645/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2740	Phan Thị Bích	Tài	1980	645/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2741	Lê Hoài	Nhân	1993	646/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2742	Võ Thị	Lọt	1972	646/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2743	Nguyễn Đăng Sao	Khuê	17/6/1993	647/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2744	Bùi Thanh	Sang	1985	647/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2745	Nguyễn Mỹ	Kin	13/11/1988	648/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2746	Lê Thị Hồng	Điều	1983	648/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2747	Nguyễn Thành	Nhân	01/7/1992	649/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2748	Võ Thành	Hải	1976	649/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2749	Nguyễn Văn	Hậu	02/3/1965	65/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc
2750	Võ Thị	Hường	1984	65/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2751	Phan Văn Tấn	Em	1988	650/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2752	Lê Văn	Nghĩa	1988	650/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2753	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1985	651/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2754	Đặng Thị	Hiền	1956	651/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2755	Nguyễn Thị Yến	Nhi	09/4/1996	652/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2756	Đào Thị Diễm	Kiều	1978	652/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2757	Phạm Tú	Anh	14/10/1990	653/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2758	Phạm Hồng	Hường	1965	653/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2759	Trương Thị Mỹ	Chi	12/02/1994	654/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2760	Nguyễn Thị	Trinh	1984	654/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2761	Trương Thị Huỳnh	Như	30/4/1990	655/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2762	Cao Minh	Huy	1979	655/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2763	Nguyễn Minh	Đức	10/02/1997	656/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2764	Nguyễn Xuân	Hoa	1970	656/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2765	Nguyễn Nhật	Triết	05/12/1993	657/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2766	Lâm Thị Ngọc	Loan	1982	657/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2767	Huỳnh Thị	Lựu	1986	658/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2768	Lâm Thị Ngọc	Thúy	1984	658/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2769	Đường Thị Diệu	Hiền	1988	659/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
2770	Nguyễn Thanh	Tuấn	1988	659/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2771	Nguyễn Thị	Bé	03/7/1966	66/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc
2772	Phan Thị	Thúy	1979	66/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2773	Lê Thị Lệ	Hằng	10/10/1992	660/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2774	Nguyễn Thị Trúc	Linh	1980	660/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2775	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1972	661/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2776	Lê Thị	Ngoan	1980	661/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2777	Trịnh Cẩm	Tú	1987	662/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2778	Phan Thị Thanh	Tân	1983	662/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2779	Hồ Thị Như	Tuyền	08/02/1976	663/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2780	Lê Thị Thanh	Trúc	1983	663/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2781	Nguyễn Văn Thạnh	Anh	1997	664/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2782	Đặng Khánh	Thúy	19/5/1992	665/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2783	Nguyễn Thị Mỹ	Quyền	1984	665/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2784	Nguyễn Hồ	Trọng	27/9/1990	666/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2785	Trần Thị Bích	Liên	1980	666/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2786	Hồ Thị Bích	Vân	10/11/1965	667/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2787	Bùi Thị Minh	Thư	1990	667/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2788	Nguyễn Trần Khánh	Tuyên	21/01/1985	668/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2789	Nguyễn Thanh	Phong	1984	668/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2790	Võ Thị Huyền	Chi	17/12/1978	669/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2791	Lê Minh	Kiệt	1972	669/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2792	Phan Quang Phước	Lộc	01/9/1988	67/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2793	Đỗ Anh	Tuấn	1983	67/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2794	Trần Lâm Mỹ	Liên	28/02/1988	670/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2795	Lê Thị Ái	Vân	1967	670/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2796	Trần Văn	Nu	1982	671/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2797	Trần Thị	Phương	1984	671/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2798	Phạm Quốc	Huy	02/9/1996	672/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2799	Trần Hữu	Tính	1982	672/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2800	Nguyễn Hòa	Bình	05/11/1980	673/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2801	Trần Hữu	Tài	1974	673/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2802	Nguyễn Ngọc	Kiều	15/7/1989	674/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2803	Đặng Văn	Luận	1982	674/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2804	Nguyễn Thanh	Sang	1985	675/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2805	Nguyễn Thanh	Tuấn	1984	675/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2806	Bùi Thị Tuyết	Minh	25/02/1977	676/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2807	Huỳnh Hoa Nhất	Hạnh	1985	676/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2808	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	11/01/1992	677/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2809	Đỗ Thị Kim	Thoa	1965	677/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2810	Nguyễn Thị	Mai	1966	678/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2811	Nguyễn Thị	Điệp	1986	678/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2812	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	25/12/1987	679/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2813	Đoàn Nhị	Giang	1968	679/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2814	Trần Thị	Nguyệt	30/8/1959	68/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2815	Nguyễn Thị Kim	Hiền	1977	68/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2816	Nguyễn Trinh	Nữ	16/8/1993	680/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2817	Phạm Thị Thanh	Thảo	1979	680/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2818	Đàm Thị Thiên	Hương	13/7/1992	681/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2819	Trần Ngọc	Thủy	1984	681/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2820	Trần Minh	Duy	06/7/1989	682/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2821	Đỗ Tuyết	Nhung	1967	682/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2822	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	1979	683/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
2823	Phan Thị Ngọc	Hạnh	1971	683/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2824	Võ Nguyễn Thị Tuyết	Duyên	21/9/1987	684/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
2825	Nguyễn Thành	Lợi	1968	684/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2826	Phan Thị Diễm	Ngọc	08/7/1993	685/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2827	Nguyễn Phước	Hiền	1983	685/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2828	Lê Thị Kim	Phượng	02/7/1962	686/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2829	Lê Kim	Duyên	1989	686/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2830	Tường Thị Thanh	Vi	30/01/1993	687/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2831	Lê Thị Hồng	Loan	1986	687/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2832	Nguyễn Thị	Mỳ	10/8/1984	688/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2833	Nguyễn Văn	Tý	1971	688/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2834	Nguyễn Văn	Tâm	30/6/1980	689/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2835	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	1985	689/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2836	Lục Ngọc Liên	Hoa	24/11/1987	69/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2837	Nguyễn Nam	Thuần	1988	69/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2838	Nguyễn Lê Thúy	Như	17/6/1996	690/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2839	Nguyễn Tô	Anh	1984	690/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2840	Đặng Thành	Lợi	06/7/1994	691/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2841	Lê Thị Tuyết	Hoa	1983	691/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2842	Châu Thị	Tốt	19/4/1983	692/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2843	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	1980	692/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2844	Lê Thạch	Xuyên	25/7/1993	693/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2845	Nguyễn Phi	Hùng	1988	693/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2846	Nguyễn Thị Tố	Uyên	02/3/1996	694/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2847	Nguyễn Thị Bích	Thảo	1987	694/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2848	Lê Hồng	Thái	1982	695/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2849	Lê Thị Bích	Chi	1984	695/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2850	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	03/4/1993	696/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2851	Vũ Thị	Tươi	1964	696/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2852	Bùi Thị Thúy	Kiều	19/12/1994	697/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2853	Phạm Quang	Tuấn	1971	697/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2854	Ngô Văn	Ba	1988	698/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2855	Trần Duy	Thanh	1971	698/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2856	Lê Quốc	Sử	25/10/1996	699/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2857	Quách Huê	Phiêu	1972	699/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2858	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/02/1985	70/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2859	Phạm Thị Kiều	Oanh	1983	70/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2860	Nguyễn Văn	Chen	1973	700/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2861	Trần Thị Túy	Hoa	1952	700/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2862	Trần Trung	Thành	05/4/1993	701/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2863	Võ Văn	Hải	1982	701/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2864	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/11/1989	702/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2865	Dương Châu Hòa	Bình	1975	702/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2866	Nguyễn Văn	Thuận	1996	703/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2867	Trần Anh	Vũ	1982	703/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2868	Nguyễn Tuyết	Lan	1977	704/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2869	Nguyễn Hoàng	Trung	1989	704/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2870	Lê Thị	Thắm	1988	705/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2871	Đinh Hoàng	Nhã	1983	705/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2872	Lâm Thị	Kiều	05/3/1983	707/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2873	Huỳnh Đăng	Khoa	1990	707/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2874	Nguyễn Phương	Lan	24/4/1995	708/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2875	Trần Thị Kim	Cúc	1988	708/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2876	Nguyễn Mai Thảo	Nguyên	1982	709/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2877	Nguyễn Đắc	Khoa	1982	709/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2878	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	04/3/1992	71/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2879	Nguyễn Văn	Dạn	1981	71/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2880	Nguyễn Thị Bích	Liên	30/12/1994	710/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2881	Lê Thị	Thơm	1985	710/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2882	Trần Thị Bích	Ngọc	27/7/1992	711/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2883	Nguyễn Ngọc	Hân	1987	711/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2884	Trần Thị Huỳnh	Như	23/01/1997	712/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2885	Võ Kim	Tuyển	1972	712/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2886	Lê Quốc	Khuong	1965	713/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2887	Đặng Thị Diễm	Hồng	1988	713/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2888	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/6/1996	714/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2889	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	10/02/1996	715/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2890	Ngô Phước	Tòng	1985	715/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2891	Võ Trung	Nguyên	13/4/1996	716/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2892	Lương Văn	Vui	1983	716/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2893	Lương Thị Diễm	Trang	02/12/1996	717/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2894	Lê Thị Trọng	Lý	1986	717/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2895	Ngô Thị Kim	Vàng	16/02/1995	718/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2896	Lê Thị Mỹ	Ngoan	1984	718/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2897	Ngô Hữu	Phú	05/10/1994	719/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2898	Bùi Thị Mộng	Thu	1983	719/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2899	Nguyễn Tấn	Lưu	01/01/1978	72/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2900	Nguyễn Văn	Queel	1988	72/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2901	Trương Thị	Én	10/3/1984	720/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2902	Nguyễn Thị Yến	Phượng	1987	720/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2903	Nguyễn Thiện	Dương	20/3/1996	721/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2904	Trần Thị Hồng	Gấm	1981	721/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2905	Đinh Minh	Điền	04/8/1983	722/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2906	Lê Thị	Hằng	1979	722/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2907	Huỳnh Thị Kim	Liều	1983	723/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2908	Huỳnh Thúy	An	1989	723/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2909	Phạm Thị Mỹ	Phượng	27/12/1980	724/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2910	Hồ Ngọc	Giàu	1970	724/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2911	Hứa Thị Hồng	Ngân	02/8/1980	725/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2912	Hà Thị Thanh	Thúy	1981	726/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
2913	Dương Thị Thùy	Dương	24/9/1989	727/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2914	Nguyễn Thị Phương	Lan	1985	727/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2915	Nguyễn Xuân	Thảo	05/02/1995	728/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2916	Nguyễn Quốc	Đạt	1979	728/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2917	Tô Thanh	Di	1984	729/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2918	Trần Ý	Nhi	1985	729/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2919	Thái Thị Thúy	Ngân	01/11/1992	73/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2920	Lưu Đức	Linh	1986	73/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2921	Nguyễn Kim	Thoa	1984	730/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2922	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1988	730/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2923	Huỳnh Văn Nguyễn	Em	1987	731/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2924	Võ Thị	Diệu	1976	731/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2925	Đặng Thị Hồng	Liên	1981	732/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
2926	Mai Ngân	Bình	20/11/1978	733/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
2927	Phạm Tấn	Huy	1988	733/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2928	Trần Thị Kim	Cương	1984	734/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2929	Nguyễn Văn	Thảo	1985	734/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2930	Tô Thanh	Tuấn	08/5/1990	735/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2931	Nguyễn Thị Thu	Vân	1968	735/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2932	TRẦN HỒNG	YÊN	20/12/1994	736/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2933	Lê Thị Mai	Thảo	1986	736/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2934	Trương Thị	Nhi	14/4/1994	737/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2935	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	1984	737/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2936	Bùi Thanh	Tín	17/9/1994	738/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2937	Lê Thị Ngọc	Ly	1988	738/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2938	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	05/6/1980	739/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2939	Trần Thị Kim	Loan	1985	739/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2940	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	17/9/1990	74/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2941	Nguyễn Thị Thanh	Hương	1970	74/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2942	Nguyễn Minh	Trạng	01/5/1971	740/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2943	Trương Thị	Nhàn	1978	740/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2944	Nguyễn Thanh	Thủy	1969	741/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2945	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1982	741/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2946	Dương Thị Mộng	Linh	13/9/1992	742/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2947	Nguyễn Văn	Mười	1981	742/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2948	Lê Hòa Thùy	Nhân	05/12/1981	743/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2949	Nguyễn Ngọc	Quyên	1982	743/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2950	Nguyễn Thị Minh	Trang	15/8/1988	744/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2951	Trần Thị Bé	Sáu	1986	744/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2952	Nguyễn Thị Hồng	Châu	16/7/1981	745/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2953	Từ Ngọc	Châu	1965	745/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2954	Nguyễn Hoài	Nhân	14/11/1989	746/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2955	Lê Văn	Ly	1989	746/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2956	Lê Thị Xuân	Trang	21/4/1995	747/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2957	Lê Thị Mai	Trung	1984	747/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2958	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	10/5/1996	748/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2959	Trương Ngọc	Hiếu	1971	748/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2960	Phạm Thị	Sen	24/8/195	749/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2961	Võ Thị Kim	Thoa	1981	749/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2962	Phan Hoàng	Thường	23/6/1993	75/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2963	Huỳnh Thị Thu	Trang	1988	75/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2964	Phạm Thị	Mai	01/9/1996	750/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2965	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	1983	750/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2966	Nguyễn Thị Trúc	Ly	29/3/1991	751/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2967	Phạm Thị	Tú	27/4/1996	752/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2968	Huỳnh Thị Xuân	Hồng	1979	752/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2969	Huỳnh Minh	Trị	10/5/1981	753/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2970	Nguyễn Lê Yên	Nhi	1989	753/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2971	Nguyễn Thị Phương	Dung	09/01/1988	754/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2972	Dương Thị Hồng	Gấm	1990	754/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2973	Nguyễn Thu	Trang	04/4/1992	755/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2974	Đỗ Thị Cẩm	Thúy	1964	755/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2975	Nguyễn Mai Diễm	Thúy	20/7/1981	756/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2976	Hà	An	1967	756/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2977	Lê Thị Thu	Trúc	15/6/1980	757/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2978	Trương Phúc	Trí	1984	757/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2979	Huỳnh Phương	Thảo	27/01/1993	758/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2980	Phạm Thị Minh	Trang	1981	758/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2981	Lê Hồng	Nhung	1987	759/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2982	Huỳnh Trung	Hiếu	1985	759/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2983	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	12/01/1991	76/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2984	Nguyễn Thị Phương	Thúy	1983	76/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2985	Nguyễn Lê	Quyên	1986	760/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2986	Võ Minh	Hữu	1981	760/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2987	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	1984	761/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2988	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	11/10/1992	762/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2989	Đào Thanh	Nguyệt	1986	763/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2990	Lê Văn	Thương	1982	763/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2991	Dương Minh	Hiển	30/4/1989	764/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2992	Nguyễn Hồng	Diễm	1980	764/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2993	Phù Duy	Phương	08/8/1982	765/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2994	Lê Thúy	An	1984	765/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2995	Huỳnh Lê Kim	Phụng	15/10/1994	766/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2996	Trần Thị Trúc	Xinh	1985	766/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2997	Trần Thị	Đào	1952	767/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2998	Bạch Văn	Mút	1969	767/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2999	Nguyễn Tâm	Thành	1987	768/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
3000	Huỳnh Thị Bích	Tuyền	1984	768/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3001	Phan Thị	Chi	1988	769/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3002	Mã Thanh	Bách	1991	769/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3003	Võ Thị Thúy	Duy	13/01/1992	77/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3004	Nguyễn Phương Thúy	Ngọc	1985	77/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3005	Võ Hoàng	Hải	1985	770/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3006	Võ Hà Xuân	Diễm	1970	771/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3007	Nguyễn Trung	Hiếu	1989	771/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3008	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	04/8/1995	772/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3009	Lê Văn Sô	Ny	1985	772/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3010	Võ Thị Gia	Như	1981	773/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3011	Võ Hồng Hiếu	Hạnh	1987	773/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3012	Lê Ngọc	Diễm	25/01/1986	774/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3013	Phạm Thị Trà	My	1989	774/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3014	Ngũ Hồng	Phương	14/10/1991	775/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3015	Nguyễn Thị	Loan	1971	776/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3016	Tăng Ngọc	Sương	1987	776/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3017	Nguyễn Ngọc	Thúy	16/12/1989	777/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3018	Lê Tấn	Lực	1987	777/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3019	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	10/12/1966	778/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3020	Trần Thị Tuyết	Phương	1984	778/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3021	Phạm Khắc	Qui	1987	779/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3022	Huỳnh Thị Bé	Loan	1981	779/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3023	Tổng Thanh	Bạch	25/12/1987	78/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3024	Phan Thị Kim	Loan	1986	78/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3025	Phan Thị Kim	Tuyền	1983	780/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3026	Nguyễn Cao Phương	Trang	1973	780/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3027	Lê Văn	Liên	02/10/1969	781/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
3028	Nguyễn Công	Danh	01/01/1992	782/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3029	Trần Thị	Phước	1984	782/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3030	Nguyễn Quốc	Khang	25/5/1993	783/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3031	Võ Tuyết	Linh	1981	783/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3032	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	07/9/1993	784/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3033	Lê Thị Thanh	Tuyền	1981	784/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3034	Văn Thị Diệu	Hiền	30/3/1991	785/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3035	Nguyễn Thị Cẩm	Rồng	1966	785/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3036	Nguyễn Thị	Quyên	04/3/1977	786/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3037	Lê Thị Kiều	Oanh	1975	786/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3038	Trần Thị Ngọc	Hà	07/01/1989	787/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3039	Phan Thị	Vện	1983	787/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3040	Tô Giang Hoàng	Oanh	16/7/1986	788/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3041	Trần Thị Bích	Ngọc	1985	788/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3042	Phạm Thị	Tươi	14/9/1988	789/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3043	Mai Ngọc	Hân	10/02/1994	79/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3044	Nguyễn Ngọc	Trường	1988	79/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3045	Phan Thị Kim	Dung	30/12/1980	790/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3046	Trần Thị Hồng	Tươi	1967	790/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3047	Nguyễn Yến	Nhi	23/9/1996	791/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3048	Võ Ngọc	Thanh	1977	791/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3049	Nguyễn Thị Thu	Ba	20/8/1996	792/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3050	Nguyễn Thành	Công	1954	792/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3051	Nguyễn Thị Thu	Hà	1978	793/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3052	Phạm Thị	Giới	1990	793/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3053	Phan Minh	Tuấn	1988	794/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3054	Nguyễn Hoàng	Tâm	1990	794/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3055	LÊ ĐĂNG	KHOA	18/11/1991	795/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3056	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	1972	795/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3057	Nguyễn Phạm Sơn	Huỳnh	01/01/1994	796/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3058	Trần Thị Trúc	Phương	1984	796/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3059	Nguyễn Thùy	Linh	25/11/1981	797/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3060	Từ Tiến Quang	Hào	1983	797/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3061	Phan Kim	Đồng	1987	798/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3062	Nguyễn Ngọc Thanh	Son	1968	798/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3063	Dương Thừa	Phong	1984	799/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3064	Lê Văn	Vinh	1966	799/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3065	Lê Thu	Hà	08/4/1995	80/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3066	Võ Huỳnh	Yến	1989	80/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3067	Đặng Thị Bích	Ngân	02/6/1988	800/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3068	Ngô Quốc	Huy	1982	800/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3069	Nguyễn Phước	Hậu	1986	801/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3070	Lê Nguyễn Minh	Thanh	1984	801/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3071	Trần Thị Thu	Nhiều	22/7/1995	802/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3072	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1984	803/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3073	Lý Tuấn	Kiệt	1970	803/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3074	Võ Thị Kim	Mỹ	1978	804/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3075	Đặng Thị Thu	Hồng	1991	804/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3076	Hồ Thanh	Điền	1982	805/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3077	PhanThị Mộng	Xuyên	1990	805/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3078	Lê Thị Ngọc	Thanh	07/10/1973	806/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3079	Trần Thị Tổ	Quyên	1983	806/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3080	Phạm Thị Bích	Thủy	1982	807/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3081	Huỳnh Minh	Trang	1982	807/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3082	Huỳnh Thị Thủy	Nguyên	1983	808/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3083	Tạ Thị Thanh	Thắm	1985	808/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3084	Ngô Thanh	Hòa	15/7/1985	809/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3085	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	1980	809/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3086	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	1985	81/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3087	Võ Kim	Quang	1988	81/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3088	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	1989	810/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3089	Đỗ Thị Nguyệt	Minh	1983	810/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3090	Đặng Ngọc Hoài	Thương	12/12/1993	811/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3091	Nguyễn Hoàng	Tân	1990	811/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3092	Đặng Kim	Ngọc	15/02/1987	812/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3093	Nguyễn Hữu	Bằng	1986	812/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3094	Nguyễn Bích	Nhiên	01/5/1985	813/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3095	Nguyễn Lệ	Thủy	1967	813/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3096	Nguyễn Thị Xuân	Phương	1981	814/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3097	Lê Thị Mưu	Huỳnh	1988	814/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3098	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc Lan	Thanh	24/01/1996	815/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3099	Lưu Ngô Kim	Ngọc	1988	815/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3100	Trần Thị Huỳnh	Như	10/02/1995	816/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3101	Nguyễn Thị Tiểu	Mi	1987	816/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3102	Phạm Thị Minh	Thùy	1980	817/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3103	PhanThị Tuyết	Ngọc	1983	817/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3104	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	23/9/1989	818/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3105	Trần Quang	Thắm	1966	818/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3106	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	27/10/1987	819/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3107	Nguyễn Thị	Mai	1976	819/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3108	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/9/1988	82/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3109	Nguyễn Tuyết	Phượng	1982	82/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3110	Huỳnh Thị Tuyết	Lan	01/11/1994	820/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3111	Ngô Quốc	Văn	1988	820/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3112	Nguyễn Thị Mai	Trăm	02/9/1987	821/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3113	Trương Thị Mộng	Thắm	1988	821/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3114	Trần Chí	Nguyễn	23/02/1991	822/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3115	Lê Thị Bích	Thu	1985	822/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3116	Phùng Thị Hoàng	Oanh	1983	823/CCHN- D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3117	Phạm Thị Bé	Mười	1986	823/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3118	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	28/5/1993	824/CCHN- D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ: vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc
3119	Nguyễn Hoàng	Hậu	1984	824/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3120	Cùng Thị Hồng	Ngân	09/7/1996	825/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3121	Đặng Thị Kim	Tho	1991	825/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3122	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1982	826/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3123	Trần Nhứt	Trường	1984	826/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3124	Phan Thị	Hào	28/11/1984	827/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3125	Thái Thị Mỹ	Hạnh	1983	828/CCHN- D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3126	Nguyễn Đoàn Thanh	Thúy	1990	828/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3127	Nguyễn Thị	Hương	1982	829/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3128	Đỗ Kim	Danh	25/3/1963	83/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3129	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	1985	83/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3130	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	01/01/1992	830/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3131	Trần Thị	Tím	1986	830/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3132	Nguyễn Thị	Lợi	1987	831/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3133	Phạm Thanh Thảo	Uyên	1982	831/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3134	Phan Thanh	Mỹ	01/01/1986	832/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3135	Nguyễn Minh	Phương	1981	832/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3136	Lê Thị Việt	Trinh	14/3/1993	833/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3137	Đỗ Thanh	Bản	1989	833/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3138	Phạm Thu	Vân	15/6/1983	834/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3139	Nguyễn Văn	Em	1964	834/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3140	Nguyễn Khánh	Hòa	1975	835/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3141	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	1985	835/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3142	Nguyễn Thị Thanh	Lựu	1986	836/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3143	Võ Minh	Phúc	1986	836/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3144	Hồ Duy	Linh	1988	837/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3145	Trần Văn	Rộng	1979	837/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3146	Trần Thị Kim	Liên	16/5/1994	838/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3147	Trần Thị Kim	Duyên	1986	838/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3148	Huỳnh Thị	Trâm	1971	839/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3149	Lê Quang	Thái	1988	839/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3150	Lê Văn	Kha	1968	84/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3151	Võ Thị Hồng	Seng	1983	84/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3152	Nguyễn Thị Thanh	Bích	1987	840/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3153	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1976	840/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3154	Lương Thị Mỹ	Linh	1981	841/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3155	Trần Thị	Hoa	1974	841/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3156	Nguyễn Lê Thị Mỹ	Duyên	13/02/1995	842/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3157	Lê Phạm Thanh	Hậu	07/02/1996	843/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3158	Châu Thị Cẩm	LìnL	1988	843/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3159	Nguyễn Thị Kim	Thủy	26/02/1994	844/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3160	Trần Bảo	Thạnh	1982	844/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3161	Lộ Minh	Thảo	1988	845/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3162	Nguyễn Minh	Châu	1989	845/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3163	Phạm Hồng	Phúc	16/3/1985	846/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3164	Phan Minh	Đức	22/11/1986	847/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3165	Võ Thị Ngọc	Lài	1985	847/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3166	Lê Thị Thảo	My	03/01/1993	848/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3167	Nguyễn Thị Diễm	Trang	1984	848/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3168	Phạm Thị Kim	Mỹ	1984	849/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3169	Nguyễn Anh	Dũng	1965	85/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3170	Nguyễn Thị Kim	Ý	1986	85/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3171	Nguyễn Xuân	Hoa	25/11/1965	850/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3172	Huỳnh Thị Phương	Trang	1984	850/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3173	Trần Ngọc	Trâm	02/10/1977	851/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3174	La Thị Thanh	Hương	1965	851/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3175	Lê Thị Trúc	Mơ	05/8/1996	852/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3176	Trần Kim	Phượng	1978	853/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3177	Nguyễn Bích	Thủy	1988	853/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3178	Thái Thị Kim	Ngân	08/10/1987	854/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3179	Nguyễn Minh	Thái	1987	854/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3180	Trần Thị Thu	Thảo	26/4/1994	855/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3181	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	1985	855/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3182	Nguyễn Phước Bảo	Trân	02/5/1994	856/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3183	Nguyễn Lâm	Son	1991	856/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3184	Lê Văn	Phúc	12/12/1994	857/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc
3185	Đặng Văn	Tước	1962	857/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3186	Hồ Quang	Nhân	1981	858/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3187	Quách Chí	Lịch	1969	858/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3188	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	1989	859/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3189	Lê Thị Hồng	Phượng	1979	859/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3190	Nguyễn Đỗ Thị Thu	Yêm	02/3/1993	86/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3191	Lê Thị	Huỳnh	1974	86/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3192	Lê Thị Hồng	Ngọc	05/5/1978	860/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3193	Trương Thị Hồng	Phượng	1981	860/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3194	Nguyễn Văn Quyền	Ngọc	28/3/1995	861/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3195	Nguyễn Thị Kim	Loan	28/11/1981	862/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3196	Nguyễn Chí	Công	1985	862/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3197	Võ Tấn	Lợi	07/7/1985	863/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3198	Phan Văn	Thanh	1981	863/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3199	Phạm Văn	Bắc	20/6/1983	864/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3200	Lộ Như	Vy	1985	865/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3201	Nguyễn Thành	Tam	1983	865/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3202	Lê Thanh	Nhàn	06/5/1989	866/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3203	Bùi Thế	Trung	1949	866/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3204	Nguyễn Thúy	Hằng	17/4/1982	867/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3205	Dương Tài	Linh	28/12/1995	868/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3206	Châu Thanh	Giàu	1978	868/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3207	Nguyễn Thị	Liễu	18/9/1995	869/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3208	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	1986	869/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3209	Nguyễn Đặng Hoàng	Mỹ	28/8/1991	87/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3210	Nguyễn Minh	Thông	1984	87/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3211	Diệp Chấn	Phong	10/11/1996	870/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3212	Nguyễn Thị Thúy	An	26/6/1997	871/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3213	Huỳnh Bảo	Quốc	1985	871/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3214	Nguyễn Ngọc	Huệ	20/10/1993	872/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3215	Lê Hoàng	Linh	1983	872/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3216	Nguyễn Thị Minh	Hiên	27/3/1985	873/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3217	Nguyễn Tùng	Dương	1988	873/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3218	Lê Ngọc	Phúc	10/11/1956	874/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3219	Nguyễn Hoàng Đức	Em	1990	875/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3220	Huỳnh Thị Minh	Nga	1984	875/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3221	Nguyễn Thành	Trí	15/7/1974	876/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3222	Nguyễn Hoàng Đình	Yến	1990	876/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3223	Huỳnh Thị Cẩm	Thúy	1982	877/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3224	Đỗ Thị	Quyên	1982	877/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3225	Phạm Thị Tuyết	Lê	1975	878/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3226	Phạm Thị Vân	Anh	1982	878/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3227	Phan Văn Bé	Tám	05/11/1981	879/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3228	Đào Tuấn	Tâm	1977	879/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3229	Đinh Thị Thúy	Hằng	22/7/1992	88/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3230	Phan Thị Mộng	Ngọc	1976	88/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3231	Nguyễn Thị Tú	Trinh	20/10/1988	880/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3232	Trần Lương	Đình	1976	880/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3233	Nguyễn Thị Thùy	Như	18/4/1994	881/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3234	Nguyễn Kim	Tuyền	1963	881/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3235	Huỳnh Thị Tú	Uyên	02/7/1994	882/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3236	Huỳnh Thị Kim	Giao	1984	882/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3237	Huỳnh Minh	Viện	12/8/1994	883/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3238	Lê Thị	Trang	1990	883/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3239	Huỳnh Thị Châu	Tuyền	09/9/1996	884/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3240	Nguyễn Thị	Lý	1974	884/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3241	Nguyễn Diễm	Trang	07/8/1990	885/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3242	Nguyễn Thị Thái	Phương	1981	885/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3243	Nguyễn Thị Nghiêm	Quân	08/9/1988	886/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3244	Phạm Thanh	Em	1966	886/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3245	Bùi Công	Minh	1983	887/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3246	Đỗ Thị Kim	Tím	1974	887/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3247	Nguyễn Hữu	Dự	1973	888/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3248	Ngô Khánh	Huy	1983	888/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3249	Khuru Tuyết	Vân	29/8/1994	889/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3250	Bùi Ngọc	Dung	1965	889/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3251	Trần Nguyễn Thu	Uyên	21/5/1985	89/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3252	Nguyễn Kim	Xuyến	1966	89/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3253	Lê Quốc	Hoàng	1981	890/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3254	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	1988	890/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3255	Phạm Như	Ngọc	15/8/1993	891/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở sản xuất thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Người phụ trách về đảm bảo chất lượng của cơ sở sản xuất thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; nguyên liệu làm thuốc là dược chất, tá dược, vỏ nang)
3256	Huỳnh Hoa Hạnh	Nguyên	1990	891/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3257	Phạm Thị Bích	Ngọc	1989	892/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm)
3258	Nguyễn Thị Thu	Trang	1978	892/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3259	Nguyễn Trường	An	11/10/1994	893/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3260	Huỳnh Nguyễn Thúy	An	1986	893/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3261	Lê Văn	Lộc	1972	894/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3262	Đỗ Thị Thảo	Quyên	1987	894/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3263	Hồ Thị	Sen	30/01/1997	895/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3264	Võ Thị Hồng	Vân	1986	895/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3265	Huỳnh Đệ	Nhất	03/9/1994	896/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3266	Phạm Thị Bích	Trâm	1985	896/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3267	Ngô Phú	Nhật	15/5/1995	897/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3268	Nguyễn Thanh	Luân	30/9/1994	898/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3269	Lê Văn	Tường	1985	898/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3270	Nguyễn Hồng	Thư	03/4/1987	899/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3271	Trần Thị Kim	Em	08/5/1985	90/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3272	Hồ Huỳnh	Hạnh	1984	90/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3273	Huỳnh Tấn	Phát	20/5/1989	900/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc



STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3274	Nguyễn Văn	Quý	17/11/1986	901/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc
3275	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	1987	901/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3276	Trịnh Hoàng Ngọc	Lan	17/01/1994	902/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3277	Trang Nguyễn Thu	Hiền	1987	902/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3278	Ngô Thị	Nhanh	19/4/1980	903/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3279	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	1971	903/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3280	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/8/1986	904/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc
3281	Nguyễn Đình Minh	Thư	1984	904/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3282	Đinh Hữu	Tâm	01/3/1987	905/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
3283	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1981	905/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3284	Nguyễn Đăng	Khoa	17/6/1996	906/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3285	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	1990	906/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3286	Phạm Thị Kim	Chi	12/11/1994	907/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3287	Lê Thị Kim	Tùng	1981	907/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3288	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	20/4/1994	908/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3289	Phạm Văn	Trú	1957	908/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3290	Nguyễn Thị Phước	Huệ	05/11/1994	909/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3291	Nguyễn Thúy	Hằng	1987	909/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3292	Huỳnh Thị Phương	Dung	29/9/1989	91/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3293	Nguyễn Lê	Trí	1970	91/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3294	Huỳnh Thị Diệu	Nhon	04/8/1994	910/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3295	Nguyễn Thị Như	Viên	1988	910/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3296	Lê Minh	Duy	07/02/1993	911/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3297	Trần Bá	Duy	1981	911/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3298	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/01/1997	912/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3299	Nguyễn Thị Ngọc	Luyến	1987	912/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3300	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/8/1995	913/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3301	Nguyễn Thế	Phi	1961	913/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3302	Ngô Thị Mỹ	Trinh	11/3/1997	914/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3303	Trần Quốc	Thắng	1990	914/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3304	Lâm Thị Hải	Yến	05/12/1996	915/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3305	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	1958	915/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3306	Trần Thị Diễm	Trang	12/9/1978	916/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3307	Trương Đình	Khả	1977	916/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3308	Nguyễn Dương Hồng	Yến	04/4/1990	917/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3309	Thái Hoàng	Lâm	1963	917/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3310	Trần Quốc	Công	1982	918/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3311	Dương Văn	Chín	1955	918/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3312	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1985	919/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3313	Đỗ Thành	Nhu	1988	919/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3314	Nguyễn Thị Nhật	Tiên	1986	92/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3315	Trần Thanh	Tâm	1984	92/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3316	Nguyễn Thị Diễm	An	1989	920/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3317	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1981	920/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3318	Nguyễn Thị	Phượng	1970	921/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3319	Nguyễn Bảo	Trân	1987	921/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3320	Phạm Mỹ	Duyên	09/3/1995	922/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3321	Huỳnh Thị Thúy	Khuân	1987	922/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3322	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	03/7/1988	923/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3323	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	1977	923/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3324	Trần Ngọc	Liên	26/7/1983	924/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược, người phụ trách về bảo đảm chất lượng của hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
3325	Văng Thị Ngọc	Hân	1984	924/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3326	Đặng Thị	Ngoan	1984	925/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
3327	Trần Thị Bích	Hạnh	1988	925/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3328	Đinh Nguyễn Phú	An	21/5/1994	926/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3329	Lê Thị Tuyết	Loan	1981	926/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3330	Lê Văn	An	11/3/1982	927/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
3331	Nguyễn Thanh	Tùng	1988	927/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3332	Nguyễn Văn	Trí	10/6/1994	928/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3333	Ngô Phú	Tân	1987	928/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3334	Nguyễn Minh	Thắng	14/4/1989	929/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
3335	Trần Phát	Đạt	1984	929/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3336	Lê Thị Ngọc	Diệu	29/10/1987	93/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3337	Trương Trần Phước	Vinh	17/01/1994	930/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3338	Nguyễn Lê Thành	Đạt	1991	930/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3339	Nguyễn Quỳnh	Hương	11/6/1995	931/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3340	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	1978	931/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3341	Lê Thanh	Khiêu	10/02/1966	932/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3342	Lê Thị Tuyết	Nhung	1980	932/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3343	Nguyễn Trí	Nhân	17/10/1979	933/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3344	Hồ Nguyễn Phương	Hồng	1983	933/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3345	Võ Văn	Long	27/4/1971	934/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3346	Đoàn Thị	Bé	1964	934/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3347	Nguyễn Thị Kim	Loan	25/9/1992	935/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3348	Nguyễn Thị Thu	Cúc	1988	935/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3349	Trần Bảo	Khanh	1995	936/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3350	Nguyễn Thanh	Tùng	1988	936/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3351	Trần Sơn	Hải	25/6/1974	937/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược, người phụ trách về bảo đảm chất lượng của hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
3352	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1987	937/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3353	Huỳnh	Mai	10/02/1994	938/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3354	Phạm Minh	Tú	1980	938/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3355	Ngô Văn	Giáp	24/6/1983	939/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3356	Nguyễn Trần	Nguyễn	1986	939/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3357	Huỳnh Thị Kim	Hồng	29/4/1981	94/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc
3358	Trần Thị Mỹ	Kiều	1970	94/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3359	Lê Minh	Thông	10/02/1989	940/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3360	Lữ Thiện	Phúc	1986	940/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3361	Hoàng	Long	1987	941/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3362	Trịnh Thanh	Son	1983	942/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3363	Phạm Thị Hoàng	Yến	1979	942/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3364	Nguyễn Bình	Trí	1985	943/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3365	Phạm Thị Hoàng	Lon	1979	943/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3366	Nguyễn Thị Trúc	Phương	20/01/1995	944/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3367	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1990	944/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3368	Nguyễn Tuấn	Kiệt	1981	945/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3369	Nguyễn Xuân	Hoa	1970	945/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3370	Đào Ngọc	Xuyên	30/10/1997	946/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3371	Nguyễn Thị	Chinh	1986	946/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3372	Trần Thị Thanh	Loan	25/11/1986	947/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3373	Nguyễn Thị Thu	Chi	1988	947/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3374	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	1983	948/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3375	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1990	948/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3376	Lê Thị Thu	Ba	1983	949/CCHN- D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3377	Thái Văn	Hùng	1963	949/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3378	Nguyễn Thị	Chắc	1984	95/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3379	Nguyễn Trường	Xà	1990	95/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3380	Lê Hoàng	Dũng	17/11/1966	950/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3381	Hà Thị Bảo	Yến	1987	950/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3382	Thiệu Thị Bích	Ly	10/8/1985	951/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3383	Huỳnh Thị Thúy	Loan	1982	951/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3384	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	03/02/1994	952/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3385	Trần Thị	Phở	1984	952/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3386	Trần Thị Hải	Lý	01/4/1976	953/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3387	Trần Thị Anh	Thư	1979	953/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3388	Nguyễn Thị Trúc	Hằng	1983	954/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3389	Phạm Thị Bé	Năm	1980	954/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3390	Đặng Thanh Thúy	An	27/7/1986	955/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3391	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1982	955/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3392	Phan Thị Ánh	Hồng	1982	956/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3393	Đinh Minh	Tuấn	1985	956/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3394	Tiết Kim	Oanh	22/8/1975	957/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3395	Huỳnh Thị	Thắm	1988	957/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3396	Phạm Thị Diễm	Thúy	29/10/1989	958/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3397	Lưu Thúy	Vy	1989	958/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3398	Bạch Thị Hồng	Huệ	01/5/1993	959/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3399	Nguyễn Thanh	Hà	1973	959/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3400	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	01/09/1983	96/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3401	Dương Thị Hương	Dương	1987	96/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3402	Phạm Thị	Khéo	1964	960/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3403	Đặng Văn	Khanh	1967	960/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3404	Lăng Thị Thu	Sương	24/02/1986	961/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3405	Đặng Hoàng	Anh	1988	961/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3406	Lê Minh	Bạch	1976	962/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3407	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	1970	962/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3408	Lê Văn	Vũ	1984	963/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3409	Trương Ngọc	Lũy	05/6/1969	964/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3410	Trần Đắc	Khánh	1979	964/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3411	Nguyễn Tấn	Kiệt	1991	965/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3412	Lê Thị	Nhàn	1980	965/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3413	Nguyễn Thanh	Phong	04/8/1982	966/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
3414	Đào Thị Thanh	Châu	1980	966/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3415	Nguyễn Thị Thu	An	01/7/1987	967/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
3416	Phạm Thị Hồng	Phúc	1985	967/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3417	Nguyễn Thị	Cầm	1989	968/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3418	Nguyễn Văn	Phúc	1958	968/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3419	Nguyễn Thị Phương	Quyên	11/5/1989	969/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3420	Hồng Thị Bích	Liên	1986	969/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3421	Nguyễn Tuấn	Tú	23/10/1982	97/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3422	Châu Bá Phước	Duẩn	1987	97/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3423	Đỗ Anh	Dũng	1965	970/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
3424	Nguyễn Hoàng	Thiện	1950	970/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3425	Lê Thanh	Cúc	24/6/1990	971/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3426	Nguyễn Thị Thái	Thanh	1984	971/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3427	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/6/1992	972/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3428	Võ Ngọc	Bích	1985	972/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3429	Lê Tấn	Đạt	30/7/1989	973/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3430	Phạm Thị Ngọc	Dung	1983	973/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3431	Bùi Văn	Nhi	03/01/1994	974/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3432	Phạm Thị Thùy	Linh	1987	974/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3433	Nguyễn Kim	Ngọc	18/01/1986	975/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3434	Phan Thái	Hiền	1982	975/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3435	Lê Huỳnh Thúy	Oanh	05/11/1991	976/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3436	Huỳnh Thị Yến	Nhi	27/10/1993	977/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3437	Nguyễn Thị Cẩm	Thanh	1983	977/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3438	Phan Minh	Trung	25/11/1980	978/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3439	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1984	978/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3440	Lê Văn	Dưỡng	28/7/1978	979/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3441	Lê Thị Huỳnh	Hoa	1958	979/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3442	Đặng Hoàng	Bừu	33832	98/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3443	Phạm Minh	Phương	1988	98/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3444	Trần Chế	Linh	13/11/1981	980/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3445	Lưu Thị Cẩm Tú	Em	1986	980/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3446	Nguyễn Thị	Điểm	16/11/1983	981/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3447	Nguyễn Thị	Huyền	1979	981/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3448	Trần Thị	Điều	20/8/1982	982/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3449	Nguyễn Minh	Trí	1992	982/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3450	Trần Thị Mộng	Cầm	02/02/1993	983/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3451	Phan Hoàng Ngọc	Trang	01/02/1985	984/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3452	Trần Thị Ngọc	Mai	1982	984/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3453	Giảng Đặng Ngọc	Hân	15/3/1993	985/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3454	Đồng Thị Phát	Tài	1988	985/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3455	Nguyễn Thị Cẩm	Xuyến	10/3/1993	986/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3456	Tổng Phan	Duy	1989	986/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3457	Võ Trần	Trung	15/5/1996	987/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3458	Nguyễn Quang	Huy	1988	987/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3459	Nguyễn Hữu	Thông	09/10/1968	988/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3460	Nguyễn Minh	Trọng	1983	988/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3461	Huỳnh Nguyễn Như	Bình	22/12/1990	989/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3462	Đào Thị Mỹ	Linh	1984	989/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3463	Mai Hoàng	Linh	33862	99/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3464	Trần Thị Ngọc	Phượng	1980	99/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3465	Nguyễn Huỳnh Hồng	Ngọc	12/10/1994	990/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở sản xuất dược liệu; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người			Số Chứng chỉ hành	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3466	Phạm Tuấn	Thiện	1985	990/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3467	Trần Hùng	Phong	1990	991/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3468	Trần Sinh	Phúc	1972	991/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3469	Huỳnh Minh	Trị	15/9/1991	992/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3470	Nguyễn Trường	Giang	1984	992/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3471	Lê Thành	Hiệp	27/9/1988	993/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3472	Nguyễn Văn	Hạnh	1966	993/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3473	Lê Minh	Tâm	18/12/1991	994/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3474	Phan Thị Thùy	Trang	1987	994/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3475	Võ Kim	Bằng	10/9/1979	995/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3476	Bùi Thị Thu	Trang	1986	995/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3477	Nguyễn Thành	Long	1988	996/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3478	Nguyễn Văn	Ngân	1961	996/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3479	Nguyễn Hoàng	Oanh	13/12/1993	997/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3480	Mai Minh	Luân	1989	997/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3481	Bùi Thị Kim	Thủy	1981	998/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3482	Bùi Thị Hồng	Ngoan	1990	998/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3483	Nguyễn Thị Thúy	Nga	1983	999/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3484	Lê Thanh	Hòa	1959	999/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc